

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG



BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC
NGHỀ NGHIỆP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG
NĂM 2025

Đắk Lắk, tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| CÁC TỪ VIẾT TẮT..... | 1 |
| PHẦN I | 2 |
| GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG..... | 2 |
| CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG..... | 2 |
| 1. Thông tin chung về Trường Cao Đẳng Công Thương miền Trung | 2 |
| 1.1. Tên trường..... | 2 |
| 1.2. Cơ quan chủ quản | 2 |
| 1.3. Địa chỉ trường | 2 |
| 1.4. Thông tin liên hệ | 2 |
| 1.5. Năm thành lập | 2 |
| 1.6. Loại hình trường đào tạo..... | 2 |
| 2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung | 2 |
| 2.1. Tóm tắt các giai đoạn phát triển..... | 2 |
| 2.2. Thành tích nổi bật đã đạt được..... | 3 |
| 3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường Cao Đẳng Công Thương miền Trung .. | 6 |
| 3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức | 6 |
| 3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung..... | 7 |
| 3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường | 8 |
| 3.4. Đội ngũ giáo viên, giảng viên..... | 8 |
| 4. Ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung..... | 8 |
| 4.1. Ngành, nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh..... | 8 |
| 4.2. Số lượng học sinh, sinh viên (số liệu 3 năm trước năm tự đánh giá) | 11 |
| 5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính..... | 11 |
| 5.1. Cơ sở vật chất..... | 11 |
| 5.2. Tổng số đầu sách trong thư viện gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường | 13 |
| 5.3. Tài chính | 13 |
| PHẦN II..... | 15 |
| KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ..... | 15 |
| CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG | 15 |
| 1. Đặt vấn đề..... | 15 |

| | |
|--|-----------|
| 1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự kiểm định chất lượng GDNN..... | 15 |
| 1.2. Vai trò của hoạt động kiểm định chất lượng GDNN..... | 15 |
| 2. Tổng quan chung | 16 |
| 2.1. Căn cứ tự đánh giá | 16 |
| 2.2. Mục đích của tự đánh giá..... | 17 |
| 2.3. Yêu cầu tự đánh giá | 17 |
| 2.4. Phương pháp tự đánh giá | 18 |
| 2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá..... | 18 |
| 3. Tự đánh giá | 19 |
| 3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá | 19 |
| 3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn..... | 26 |
| 3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý | 26 |
| 3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo | 34 |
| 3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động..... | 48 |
| 3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình đào tạo, giáo trình | 66 |
| 3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo..... | 74 |
| 3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế | 87 |
| 3.2.7. Tiêu chí 7: Dịch vụ người học | 94 |
| 3.2.8. Tiêu chí 8: Giám sát, đánh giá chất lượng | 100 |

CÁC TỪ VIẾT TẮT

| Chữ Tắt | Đầy đủ |
|----------------|---|
| Bộ GD&ĐT | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| UBND | Ủy ban nhân dân |
| BGH | Ban Giám hiệu |
| CBVC | Cán bộ viên chức |
| HSSV | Học sinh - Sinh viên |
| CBQL | Cán bộ quản lý |
| KĐCL | Kiểm định chất lượng |
| GDNN | Giáo dục nghề nghiệp |
| CSGDNN | Cơ sở giáo dục nghề nghiệp |
| BĐCL | Bảo đảm chất lượng |
| CTĐT | Chương trình đào tạo |
| CĐCT | Cao đẳng Công Thương |
| CSVC | Cơ sở vật chất |
| GVCN, CVHT | Giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập |
| THCS | Trung học cơ sở |
| HTQT | Hợp tác Quốc tế |
| PCCC | Phòng cháy chữa cháy |
| QLCL&NCKH | Quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học |
| HĐKH&ĐT | Hội đồng khoa học và đào tạo |
| KH&CN | Khoa học và Công nghệ |
| HTQLCL | Hệ thống quản lý chất lượng |
| NCS | Nghiên cứu sinh |
| GV | Giáo viên, giảng viên |
| DN | Doanh nghiệp |

PHẦN I

GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG

1. Thông tin chung về Trường Cao Đẳng Công Thương miền Trung

1.1. Tên trường

- Tiếng việt: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG**

- Tên tiếng Anh: **MIEN TRUNG INDUSTRY AND TRADE COLLEGE
(MITC)**

1.2. Cơ quan chủ quản: Bộ Công Thương

1.3. Địa chỉ trường

+ Cơ sở 1: 261 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk.

+ Cơ sở 2: 01 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk.

1.4. Thông tin liên hệ

- Số điện thoại: 02573.828.248

- Số fax: 02573.828.156

- E-mail : webmaster@mitc.edu.vn

- Website: www.mitc.edu.vn

1.5. Năm thành lập

Năm thành lập Trường: Tiền thân là Trường Trung cấp Địa chất II thành lập ngày 01/8/1978. Đổi tên thành Trường Trung học Kỹ thuật Công nghiệp Tuy Hòa vào ngày 21/12/1991. Ngày 09/9/2005 thành lập Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa trên cơ sở Trường Trung học Kỹ thuật Công nghiệp Tuy Hòa theo Quyết định số 5073/QĐ-BGD&ĐT. Trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung vào ngày 06/02/2018.

1.6. Loại hình trường đào tạo: Công lập

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung

2.1. Tóm tắt các giai đoạn phát triển

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung là trường công lập, có cơ cấu tổ chức và quản lý phù hợp với mô hình và nguồn lực của một trường cao đẳng công lập, đúng với quy chế của nhà nước và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), Bộ Công thương. Trường đã xây dựng hệ thống các văn bản đồng bộ về tổ chức và quản lý; các tổ chức Đảng và Đoàn thể chính trị – xã hội trong Trường hoạt động có hiệu quả, phát huy tác dụng tốt.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm quản lý lâu năm; có đội ngũ giảng viên cơ hữu trẻ đầy nhiệt huyết, có trình độ chuyên môn vững vàng. Nhà trường có các

chương trình đào tạo được xây dựng theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và được điều chỉnh theo hướng hiện đại phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đáp ứng được nhu cầu của nền kinh tế thị trường.

Trải qua 47 năm kể từ ngày thành lập, nhà trường đã dần ổn định và phát triển, một chặng đường dài trên con đường đi có nhiều chông gai, nhiều thế hệ giáo viên đã đi qua bằng lòng nhiệt tình, bằng khát vọng, say mê, không mệt mỏi vì một mục tiêu duy nhất là góp phần vào sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế xã hội khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

Nhà trường đã đào tạo hơn 70 ngàn cán bộ kỹ thuật trong nhiều lĩnh vực của nền kinh tế đất nước, có lúc cũng đã đào tạo nhân lực cho nước bạn Lào. Nhiều học sinh, sinh viên (HSSV) của trường hiện nay giữ vị trí chủ chốt trong các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp nhà nước cũng như các doanh nghiệp tư nhân; nhà trường đã dần hình thành thương hiệu, uy tín bằng chất lượng đào tạo và sự ưu tiên quan tâm giúp đỡ người học thực hiện được nguyện vọng, mong muốn và ước mơ của mình.

Dưới sự chỉ đạo của Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), nhà trường đã mở rộng đào tạo 29 ngành nghề trình độ Cao đẳng và 27 ngành nghề trình độ Trung cấp. Thông qua giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, phát triển xã hội bền vững, phát triển nâng cao nguồn nhân lực cho nền kinh tế tri thức của đất nước.

Qua 47 năm xây dựng và phát triển, có thể khẳng định đó là quá trình phát huy lợi thế, khắc phục khó khăn để trưởng thành. Vai trò vị trí của nhà trường ngày càng được khẳng định trong xã hội, cũng như trong hệ thống các trường Cao đẳng trong cả nước. Thành quả to lớn đó là do sự đoàn kết nhất trí, nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tâm tận lực và tích cực sáng tạo của tập thể cán bộ, giáo viên, giảng viên, nhân viên và học sinh, sinh viên các khóa, các thế hệ của nhà trường, trong giảng dạy, nghiên cứu và học tập.

2.2. Thành tích nổi bật đã đạt được

Đào tạo: Nhà trường luôn bám sát mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, quán triệt quy trình tuyển sinh và đào tạo nghiêm túc theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT). Tính đến 27/10/2025 Nhà trường có 29 ngành đào tạo trình độ cao đẳng, 27 ngành đào tạo trung cấp. Trong những năm qua nhà trường luôn chú trọng công tác xây dựng và chỉnh lý chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp (GDNN), theo hướng phù hợp với đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội, của nhà tuyển dụng, tăng cường thực hành nghề nghiệp, đề cao tính tự học cho người học, phát huy tính sáng tạo trong quá trình học tập.

Nghiên cứu khoa học: Nhận thức về vai trò của nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy và học, khẳng định uy tín và thương hiệu của nhà trường, trong những năm qua các thế hệ lãnh đạo của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung không chỉ tập trung thực hiện nhiệm vụ đào tạo mà còn quan tâm đến các hoạt động khoa học và công nghệ

(KH&CN). Từ quá trình thực hiện cho thấy, mỗi năm nhà trường đều có các đề tài, sáng kiến cải tiến kỹ thuật của CBVC, HSSV được áp dụng trong thực tiễn và phục vụ cho quá trình giảng dạy.

Phương châm của Trường “Nghiên cứu tốt là để giảng dạy tốt”. Do vậy, đã đầu tư bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy đạt chuẩn về trình độ, đảm bảo cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học; tất cả cho mục tiêu để đạt Trường chất lượng cao trong hệ thống Giáo dục nghề nghiệp của khu vực và quốc tế. Ngoài đề tài/sáng kiến nhà trường còn khuyến khích giáo viên, giảng viên viết bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, nhà trường cũng phát hành định kỳ hàng quý đặc san thông tin Khoa học & Công nghệ nhằm tạo điều kiện cho giáo viên, giảng viên trao đổi học thuật trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học đồng thời công bố những kết quả nghiên cứu của giáo viên, giảng viên trong Trường.

Hợp tác quốc tế: Trong những năm qua nhà trường luôn chú trọng đến việc kết nối với các tổ chức, các đơn vị đào tạo có uy tín trên thế giới để nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển năng lực nhà giáo, cập nhật kiến thức tiên tiến và tạo cơ hội để HSSV được tiếp cận kiến thức, kỹ năng chuẩn quốc tế nhằm góp phần nâng cao năng lực của nhà giáo và HSSV.

Nhà trường đã mở rộng liên kết với các tổ chức quốc tế để trao đổi chương trình đào tạo, đào tạo giáo viên, trao đổi cập nhật kiến thức và liên kết nghiên cứu khoa học... Cụ thể: nhận chuyển giao chương trình đào tạo môn Công dân toàn cầu qua ký kết hợp tác với UNESCO MGIEP (2023), Hợp tác trong nghiên cứu về năng lực tái tạo với tổ chức FairWind (Vương quốc Bỉ), đề xuất hợp tác và tham gia nền tảng học trực tuyến Coursera, các tọa đàm và hội thảo quốc tế trực tuyến và trực tiếp... Nhà trường cũng ký kết và triển khai nhiều thỏa thuận hợp tác với các tổ chức quốc tế để nâng cao chất lượng đào tạo, hỗ trợ việc làm cho học sinh sinh viên. Cụ thể: tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khoá tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài, tổ chức các hội thảo việc làm Úc, Nhật Bản.... Ngoài ra, đội ngũ giảng viên và học sinh sinh viên của Nhà trường trực tiếp học ngoại ngữ, chuyên môn tại các lớp học trực tuyến hoặc trực tuyến kết hợp trực tiếp do tình nguyện viên của Tổ chức UNDP thực hiện thông qua chương trình tình nguyện trực tuyến hợp tác với UNV - UNDP từ năm 2020 đến nay.

Xây dựng đội ngũ: Công tác quy hoạch bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, giảng viên và CBQL luôn được ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển năng lực chuyên môn, tính chuyên nghiệp. Chất lượng đội ngũ cán bộ ngày càng tăng đạt được so với kế hoạch đề ra, tính đến ngày 31/12/2025 nhà trường có 10 tiến sỹ, 88 thạc sỹ. Công tác tuyển dụng thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và quy chế của nhà trường.

Xây dựng cơ sở vật chất: Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư khang trang, hiện đại đáp ứng chỗ học cho trên 8000 học sinh, sinh viên/ngày. Tất cả các phòng làm việc được trang bị thiết bị hiện đại, có nối mạng internet, phủ sóng wifi ở 2 cơ sở để phục vụ công tác chuyên môn và quản lý.

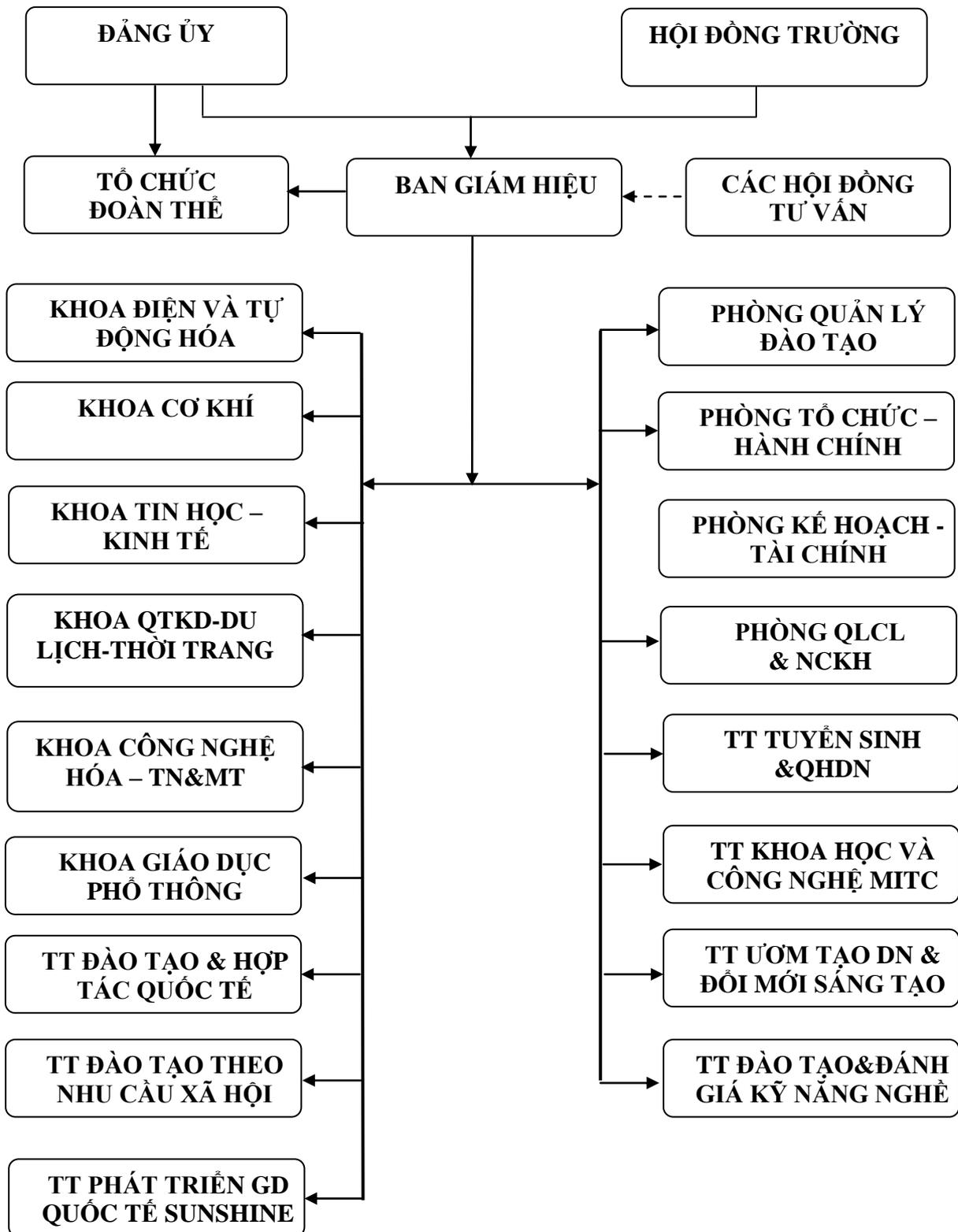
Ngoài đầu tư CSVC, trang thiết bị dạy học theo nguồn từ chương trình mục tiêu

GDNN, nhà trường còn sử dụng nguồn không thường xuyên của trường để đầu tư khoảng 1 – 2 tỷ đồng mỗi năm để đầu tư trang thiết bị, đáp ứng yêu cầu và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Nhà trường luôn đoàn kết nhất trí, nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tâm tận lực và tích cực sáng tạo. Sự phấn đấu không ngừng nghỉ trong suốt chặng đường 45 năm qua đã được Nhà nước, Chính phủ và các Bộ, Ngành, UBND Tỉnh, Thành phố ghi nhận và tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân Chương Lao động hạng Nhì (2003), Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2007), Huân Chương lao động hạng Nhất (2008); Huân chương Độc lập Hạng 3 (2013), Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2018, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương (2019), Cờ thi đua của UBND tỉnh Phú Yên (2019); Cờ thi đua của Bộ Công Thương (2020), Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên (2020); Cờ thi đua của Bộ Công Thương (2021), Cờ thi đua của UBND tỉnh Phú Yên (2021); Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên (2022) và nhiều Cờ thi đua xuất sắc, bằng khen, giấy khen có ý nghĩa khác. Đặc biệt, Nhà trường được bình chọn và tặng thưởng “Biểu tượng vàng Nguồn nhân lực Việt Nam năm 2011 và Chứng nhận đạt top 10 doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam” do Liên Hiệp các Hội UNESCO Việt Nam trao tặng năm 2022. Năm học 2022-2023: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, Cờ thi đua của Bộ Công Thương (Quyết định số 3202/QĐ-BCT ngày 13/12/2023). Năm học 2023-2024: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên (Quyết định 1656/QĐ-UBND ngày 02/12/2024). Năm học 2024-2025: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho các tập thể đã có thành tích xuất sắc trong công tác hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường Cao Đẳng Công Thương miền Trung

3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung

| Các đơn vị (bộ phận) | Họ và tên | Chức vụ |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| 1. Ban Giám hiệu | TS. Nguyễn Thị Kim Ngọc | Quyền Hiệu trưởng |
| | TS. Lê Kim Anh | Phó Hiệu trưởng |
| 2. Tổ chức Đảng, Công Đoàn, Đoàn thanh niên | | |
| Đảng bộ | TS. Nguyễn Thị Kim Ngọc | Bí thư |
| Chi bộ Đào tạo | TS. Trần Thị Nguyệt Cầm | Bí thư |
| Chi bộ Nội chính | Ths. Phạm Văn Ngọc | Phó Bí thư |
| Chi bộ Cơ – Điện | TS. Nguyễn Trung Thoại | Bí thư |
| Chi bộ Tin học – Kinh tế | Ths. Ngô Thị Hường | Bí thư |
| Chi bộ Quản trị - Khoa học cơ bản | Ths. Nguyễn Thị Bích Thủy | Bí thư |
| Chi bộ trung tâm | TS. Phan Đức Lệnh | Bí thư |
| Công đoàn | Ths. Đỗ Thị Thanh Lan | Chủ tịch |
| Đoàn Thanh niên | Nguyễn Thị Hưng | Phó Bí thư |
| 3. Các Phòng chức năng | | |
| Phòng QLCL&NCKH | Ths. Nguyễn Thị Tuyết Trinh | Phó Trưởng phòng |
| Phòng QLĐT | TS. Trần Thị Nguyệt Cầm | Trưởng phòng |
| Phòng TCHC | TS. Lê Kim Anh | Phó Hiệu trưởng (kiêm nhiệm) |
| Phòng KHTC | Ths. Ngô Thị Thu Hương | Phụ trách phòng |
| 4. Các Khoa chuyên môn | | |
| Khoa Điện & Tự động hóa | TS. Nguyễn Trung Thoại | Trưởng khoa |
| Khoa Tin học & Kinh tế | Ths. Ngô Thị Hường | Trưởng khoa |
| Khoa QTKD-DL-TT | Ths. Nguyễn Thị Bích Thủy | Trưởng khoa |
| Khoa Cơ khí | Ths. Bùi Mạnh Tuấn | Trưởng khoa |
| Khoa CN Hóa -TN&MT | TS. Trương Thành Tâm | Trưởng khoa |
| Khoa Giáo dục Phổ thông | Ths. Nguyễn Thị Duy Hiền | Phụ trách khoa |

| 5. Các Trung tâm | | |
|---------------------------|----------------------|----------|
| Trung tâm đào tạo và HTQT | TS. Nguyễn Trung Hòa | Giám đốc |
| Trung tâm KH&CN MITC | TS. Phan Đức Lệnh | Giám đốc |
| Trung tâm UTĐN & ĐMST | Ths. Võ Văn Lợi | Giám đốc |
| Trung tâm PTGDQT Sunshine | Ths. Võ Văn Lợi | Giám đốc |
| Trung tâm TS&QHDN | Ths. Huỳnh Mạnh Nhân | Giám đốc |
| Trung tâm ĐTTNCXH | Ths. Đặng Thị Nghĩa | Giám đốc |
| Trung tâm ĐT&ĐGKNN | Ths. Đặng Thị Nghĩa | Giám đốc |

3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường (tính đến 31/12/2025): 165 người

Trong đó Nam: 76 người Nữ: 89 người

3.4. Đội ngũ giáo viên, giảng viên: 120 người

| Trình độ đào tạo | Tổng số (người) |
|-------------------------|------------------------|
| Tiến sĩ | 10 |
| Thạc sĩ | 88 |
| Đại học | 19 |
| Trình độ khác | 03 |

4. Ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung

4.1. Ngành, nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh

| TT | Tên ngành | Mã ngành | Quy mô tuyển sinh | Trình độ |
|-----------|---|-----------------|--------------------------|-----------------|
| I | CAO ĐẲNG | | 805 | |
| 1 | Cắt gọt kim loại | 6520121 | 20 | Cao đẳng |
| 2 | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 6510201 | 50 | Cao đẳng |
| 3 | Công nghệ kỹ thuật địa chất | 6510901 | 30 | Cao đẳng |
| 4 | Công nghệ thông tin | 6480202 | 30 | Cao đẳng |
| 5 | Lắp đặt bảo trì hệ thống năng lượng tái tạo | 6520270 | 30 | Cao đẳng |

| | | | | |
|-----------|--|---------|------------|-----------|
| 6 | Điện công nghiệp | 6520227 | 50 | Cao đẳng |
| 7 | Điện tử công nghiệp | 6520225 | 30 | Cao đẳng |
| 8 | Hàn | 6520123 | 30 | Cao đẳng |
| 9 | Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống | 6810205 | 30 | Cao đẳng |
| 10 | Kỹ thuật chế biến món ăn | 6810207 | 20 | Cao đẳng |
| 11 | Quản trị khách sạn | 6810201 | 20 | Cao đẳng |
| 12 | Hướng dẫn du lịch | 6810103 | 60 | Cao đẳng |
| 13 | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 6520205 | 30 | Cao đẳng |
| 14 | Phân tích các sản phẩm lọc dầu | 6510707 | 15 | Cao đẳng |
| 15 | Truyền thông và mạng máy tính | 6480104 | 20 | Cao đẳng |
| 16 | Công nghệ chế tạo máy | 6510212 | 20 | Cao đẳng |
| 17 | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 6510304 | 20 | Cao đẳng |
| 18 | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 6510305 | 20 | Cao đẳng |
| 19 | Công nghệ kỹ thuật hóa học | 6510401 | 30 | Cao đẳng |
| 20 | Công nghệ kỹ thuật môi trường | 6510421 | 20 | Cao đẳng |
| 21 | Công nghệ kỹ thuật trắc địa | 6510902 | 30 | Cao đẳng |
| 22 | Công nghệ ô tô | 6510216 | 30 | Cao đẳng |
| 23 | Công nghệ thực phẩm | 6540103 | 20 | Cao đẳng |
| 24 | Kế toán | 6340301 | 30 | Cao đẳng |
| 25 | Quản lý đất đai | 6820102 | 20 | Cao đẳng |
| 26 | Quản trị kinh doanh | 6340404 | 30 | Cao đẳng |
| 27 | Kinh doanh thương mại | 6340101 | 30 | Cao đẳng |
| 28 | Thiết kế đồ họa | 6210402 | 20 | Cao đẳng |
| 29 | Công nghệ may | 6540204 | 20 | Cao đẳng |
| II | TRUNG CẤP | | 950 | |
| 1 | Cắt gọt kim loại | 5520121 | 30 | Trung cấp |
| 2 | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 5510201 | 30 | Trung cấp |
| 3 | Công nghệ kỹ thuật địa chất | 5510901 | 20 | Trung cấp |

| | | | | |
|----|---|---------|----|-----------|
| 4 | Công nghệ thông tin | 5480202 | 70 | Trung cấp |
| 5 | Lắp đặt bảo trì hệ thống năng lượng tái tạo | 5520270 | 30 | Trung cấp |
| 6 | Sinh học ứng dụng | 5420201 | 30 | Trung cấp |
| 7 | Điện công nghiệp | 5520227 | 70 | Trung cấp |
| 8 | Điện tử công nghiệp | 5520225 | 30 | Trung cấp |
| 9 | Hàn | 5520123 | 30 | Trung cấp |
| 10 | Kỹ thuật chế biến món ăn | 5810207 | 30 | Trung cấp |
| 11 | Quản trị khách sạn | 5810201 | 20 | Trung cấp |
| 12 | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | 5810205 | 50 | Trung cấp |
| 13 | Hướng dẫn du lịch | 5810103 | 30 | Trung cấp |
| 14 | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 5520205 | 60 | Trung cấp |
| 15 | Phân tích các sản phẩm lọc dầu | 5510707 | 15 | Trung cấp |
| 16 | Kinh doanh thương mại | 5340101 | 30 | Trung cấp |
| 17 | Công nghệ kỹ thuật ô tô | 5510202 | 60 | Trung cấp |
| 18 | Hóa phân tích | 5510404 | 30 | Trung cấp |
| 19 | Kế toán doanh nghiệp | 5340302 | 80 | Trung cấp |
| 20 | Khai thác mỏ | 5511003 | 20 | Trung cấp |
| 21 | Khoan thăm dò địa chất | 5510915 | 20 | Trung cấp |
| 22 | Trắc địa- Địa hình- Địa chính | 5510907 | 20 | Trung cấp |
| 23 | Quản lý doanh nghiệp | 5340420 | 60 | Trung cấp |
| 24 | Quản trị mạng máy tính | 5480209 | 20 | Trung cấp |
| 25 | Thiết kế thời trang | 5540206 | 15 | Trung cấp |
| 26 | Công nghệ may | 5540204 | 20 | Trung cấp |
| 27 | Chăm sóc sắc đẹp | 5810404 | 30 | Trung cấp |

4.2. Số lượng học sinh, sinh viên (số liệu 3 năm trước năm tự đánh giá)

| TT | Quy mô năm | Khóa | Năm tính | Cao đẳng | | CD liên thông | | Tổng cao đẳng quy đổi | Trung cấp | | Tổng quy mô |
|-----|------------|-------------|----------|--------------|--------------|---------------|-----------|-----------------------|--------------|----------------|----------------|
| | | | | Số lượng | Quy đổi | Số lượng | Quy đổi | | Số lượng | Quy đổi | |
| I | 2022 | Cộng | | 1.538 | 1.100 | 144 | 72 | 1172 | 2.991 | 1.943,5 | 3.115,5 |
| | | 42 | 2019 | 341 | 170,5 | | | | | | 170,5 |
| | | 43 | 2020 | 305 | 305 | | | | 1175 | 587,5 | 892,5 |
| | | 44 | 2021 | 357 | 357 | 44 | 22 | | 896 | 896 | 1275 |
| | | 45 | 2022 | 535 | 267,5 | 100 | 50 | | 920 | 460 | 777,5 |
| II | 2023 | Cộng | | 1.402 | 1.119 | 180 | 90 | 1.209 | 2.480 | 1.606 | 2.815 |
| | | 43 | 2020 | 299 | 149,5 | | | | | | 149,5 |
| | | 44 | 2021 | 345 | 345 | 41 | 20,5 | | 873 | 436,5 | 802 |
| | | 45 | 2022 | 491 | 491 | 90 | 45 | | 732 | 732 | 1268 |
| | | 46 | 2023 | 267 | 133,5 | 49 | 24,5 | | 875 | 437,5 | 595,5 |
| III | 2024 | Cộng | | 1.328 | 1.006 | 160 | 80 | 1.086 | 2.253 | 1.495,5 | 2.581,5 |
| | | 44 | 2021 | 342 | 171 | | | | | | 171 |
| | | 45 | 2022 | 480 | 480 | 90 | 45 | | 607 | 303,5 | 828,5 |
| | | 46 | 2023 | 204 | 204 | 48 | 24 | | 738 | 738 | 966 |
| | | 47 | 2024 | 302 | 151 | 22 | 11 | | 908 | 454 | 616 |

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Cơ sở vật chất

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung có 02 trụ sở đào tạo, với tổng diện tích đất 15,6 ha.

a) Trụ sở 1: 261 Nguyễn Tất Thành - Phường Tuy Hòa – Tỉnh Đắk Lắk.(Bao gồm cả Nhà khách và Ký túc xá CS1)

- Tổng diện tích đất : 25.431,7 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 21.229 m²;

+ Diện tích cây xanh, mặt nước: 79.134 m²;

+ Diện tích sân đường nội bộ: 55.675 m²;

| TT | Hạng mục, công trình | Đã xây dựng (m ²) | Đang xây dựng (m ²) |
|----|----------------------|-------------------------------|---------------------------------|
| 1 | Khu hiệu bộ | 1.070 | |

| | | | |
|-----|-----------------------|--------|--|
| 2 | Phòng học lý thuyết | 4.644 | |
| 3 | Xưởng/Phòng thực hành | 5.820 | |
| 4 | Khu phục vụ | 10.891 | |
| 4.1 | Thư viện | 2.405 | |
| 4.2 | Ký túc xá | 3.160 | |
| 4.3 | Nhà ăn | 306 | |
| 4.4 | Trạm y tế | 20 | |
| 4.5 | Khu thể thao | 5.000 | |
| 5 | Khác | 3.366 | |
| 5.1 | Nhà khách | 1.488 | |
| 5.2 | Nhà để xe | 408 | |
| 5.3 | Vườn thực nghiệm | 900 | |
| 5.3 | Vườn khoan địa chất | 570 | |

b) Trụ sở 2: 01 Nguyễn Hữu Thọ - Phường Tuy Hòa – Tỉnh Đắk Lắk.

- Tổng diện tích đất : 130.606 m², trong đó:

- Diện tích các hạng mục đã xây dựng: 8.364 m²;

- Diện tích cây xanh, mặt nước: 70.233 m²;

- Diện tích sân đường nội bộ: 52.009 m²;

| TT | Hạng mục, công trình | Đã xây dựng (m²) | Đang xây dựng (m²) |
|-----------|--|------------------------------------|--------------------------------------|
| 1 | Khu hiệu bộ | | |
| 2 | Phòng học lý thuyết | 10.235 | |
| 3 | Xưởng/Phòng thực hành | 7.200 | |
| 4 | Khu phục vụ | 170 | |
| 4.1 | Thư viện | 150 | |
| 4.2 | Trạm y tế | 20 | |
| 5 | Khác | 54.845 | |
| 5.1 | Nhà để xe | 2000 | |
| 5.2 | Trạm xử lý nước thải | 836 | |
| 5.3 | Sân đường nội bộ + hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước | 52.009 | |

c) Tổng số máy tính của trường: 165 bộ, trong đó:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 60 bộ;

- Dùng cho học sinh, sinh viên học tập: 105 bộ.

5.2. Tổng số đầu sách trong thư viện gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường

- Sách thô: 13.811 đầu sách, tương ứng 50.296 cuốn;

- Sách điện tử: hơn 29.000 đầu sách.

5.3. Tài chính

BẢNG TỔNG HỢP CÁC NGUỒN THU CỦA TRƯỜNG

ĐVT: đồng

| STT | Diễn giải | Năm | | | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|---------|
| | | 2022 | 2023 | 2024 | |
| 1 | Học phí | 7.026.853.000 | 6.444.328.400 | 7.024.016.100 | |
| 2 | Ngân sách cấp | 28.586.146.578 | 28.098.000.000 | 32.056721.358 | |
| 3 | Hoạt động SXDK | 3.325.430.414 | 3.851.929.405 | 4.539.717.394 | |
| 4 | Thu khác | 1.478.412.777 | 2.649.392.253 | 1.404.597.284 | |
| | Tổng cộng | 40.416.842.769 | 41.043.650.058 | 45.205.052.136 | |

Trên cơ sở các nguồn thu, nhà trường có kế hoạch phân bổ, sử dụng hợp lý thực hiện theo đúng mục lục ngân sách Nhà nước, các quy định của Bộ Tài chính, và căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo các hoạt động của nhà trường được thực hiện đầy đủ theo kế hoạch năm học đã đề ra.

BẢNG TỔNG HỢP CÁC NGUỒN CHI CỦA TRƯỜNG

Đvt: tr.đồng

| Diễn giải | Năm 2022 | Năm 2023 | Năm 2024 |
|------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| Chi thường xuyên | 10.900.000.000 | 12.648.000.000 | 16.914.190.000 |
| Chi không thường xuyên | 15.129.655.000 | 15.450.000.000 | 15.142.531.358 |
| Chi đầu tư | 2.556.491.578 | 0 | 0 |
| Chi chương trình mục tiêu | 0 | 0 | 0 |
| Chi từ nguồn học phí, HDSXKD | 7.147.970.920 | 5.185.724.983 | 9.601.634.690 |

| | | | |
|------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi khác | 296.367.739 | 761.731.256 | 839.393.036 |
| Trích lập quỹ | 4.386.357.532 | 6.998.193.819 | 2.707.303.052 |
| Tổng cộng | 40.416.842.769 | 41.043.650.058 | 45.205.052.136 |

PHẦN II

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG

1. Đặt vấn đề

1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự kiểm định chất lượng GDNN

Kiểm định chất lượng (KĐCL) giáo dục nghề nghiệp (GDNN) không chỉ là một yêu cầu tất yếu mà còn là một hoạt động chiến lược quan trọng, xác lập những tiêu chuẩn khoa học, khách quan và công bằng trong giáo dục. Đặc biệt, nó cần phải được thực hiện một cách thiết thực, tránh sự hình thức và tùy tiện. Để đảm bảo thực hiện hiệu quả, hoạt động KĐCL phải được triển khai dựa trên các quy định pháp luật hiện hành.

Tại Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung, hoạt động tự kiểm định chất lượng đóng vai trò quan trọng như một động lực nội tại, đồng thời còn nhận được sự thúc đẩy từ bên ngoài. Qua quá trình tự kiểm định, nhà trường không chỉ có cơ hội đánh giá lại chính mình một cách toàn diện mà còn tăng cường thương hiệu và uy tín trong mắt xã hội.

Trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập kinh tế quốc tế, KĐCL GDNN càng trở nên cấp thiết. Chất lượng nguồn nhân lực được coi là vũ khí cạnh tranh quan trọng nhất. Tuy nhiên, một trong những thách thức lớn nhất đối với GDNN hiện nay là chất lượng đào tạo chưa đạt yêu cầu cao. Các yếu tố đầu vào không đồng đều và điều kiện đảm bảo chất lượng trong tổ chức đào tạo, như cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị thực hành, vẫn đang gặp nhiều hạn chế.

Ngoài ra, một số chương trình và tài liệu giáo dục chưa kịp thời được cập nhật, dẫn đến sự thiếu hụt trong việc cung cấp kiến thức cần thiết cho sinh viên. Điều này cho thấy sự cần thiết phải tiến hành tự kiểm định chất lượng GDNN, không chỉ để đảm bảo sự phát triển bền vững của các cơ sở đào tạo mà còn để cải thiện chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường lao động.

Để khắc phục những vấn đề này, Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung đã căn cứ vào Thông tư số 14/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH từ Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để xây dựng kế hoạch rà soát tiêu chí đánh giá chất lượng nhà trường. Quá trình tự kiểm định đã thu hút sự tham gia tích cực của Ban Giám hiệu, cán bộ quản lý, và đội ngũ giảng viên, qua đó khẳng định vai trò quan trọng của tự kiểm định trong việc nâng cao chất lượng GDNN.

1.2. Vai trò của hoạt động kiểm định chất lượng GDNN

Hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (KĐCLGDNN) đóng một vai trò quan trọng và có ý nghĩa sâu sắc đối với xã hội. Cụ thể, KĐCLGDNN tỏ rõ vai trò của nó trên nhiều phương diện như sau:

- Đối với xã hội: KĐCLGDNN là một hoạt động mang tính xã hội cao, thể hiện cam kết với xã hội về chất lượng “sản phẩm” mà các cơ sở GDNN cung cấp. Nó xác

nhận chất lượng và hiệu quả đào tạo, tạo cơ sở vững chắc cho việc tuyển dụng và đánh giá năng lực thực hành của những người học. Điều này cũng tạo thuận lợi cho việc chuyển nhượng và di chuyển lao động giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ cả trong và ngoài nước. Qua quá trình kiểm định, các cơ sở GDNN không ngừng nâng cao chất lượng của mình, từ đó tối ưu hóa hiệu quả đầu tư cho hoạt động đào tạo.

- Đối với người học: KĐCLGDNN được thiết kế để đáp ứng nhu cầu và phát huy tiềm năng của người học thông qua việc cung cấp các dịch vụ thiết thực. Những dịch vụ này bao gồm: tư vấn học tập, chương trình định hướng cho sinh viên, lưu trữ hồ sơ cá nhân, hỗ trợ tài chính, dịch vụ ăn ở và giới thiệu việc làm. Nhờ đó, người học có thể yên tâm rằng nhu cầu học tập của họ được đáp ứng tốt nhất, giúp dễ dàng chuyển đổi giữa các chương trình đào tạo hoặc được công nhận khi cần nâng cao trình độ. Đặc biệt, những cơ sở GDNN uy tín và chương trình chất lượng đã được chứng nhận qua KĐCL sẽ tăng khả năng tìm kiếm việc làm cho người học, tạo nền tảng vững chắc cho tương lai nghề nghiệp của họ.

- Đối với cơ sở GDNN: KĐCL GDNN hoạt động như một động lực nội tại, kết hợp với sự khuyến khích từ bên ngoài, giúp cơ sở GDNN tiến hành tự đánh giá một cách toàn diện. Qua việc xây dựng báo cáo tự đánh giá, các cơ sở có thể nâng cao năng lực hoạt động và phân đầu xây dựng uy tín và thương hiệu trong xã hội.

- Đối với cơ quan quản lý: Đối với các cơ quan quản lý, KĐCL là công cụ thiết yếu để đánh giá khách quan về các cơ sở GDNN và chương trình đào tạo của họ. Nó giúp phát hiện các yếu tố mới và khuyến khích các cơ sở cải tiến và tự hoàn thiện để nâng cao chất lượng đào tạo. Việc tuân thủ các “Tiêu chuẩn KĐCL” có thể giúp tránh những tác động ngoại cảnh tiêu cực đến uy tín của cơ sở GDNN.

- Đối với người sử dụng lao động: Người sử dụng lao động sẽ cảm thấy yên tâm hơn khi tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp từ các chương trình GDNN đã qua kiểm định chất lượng. GDNN là một hoạt động dịch vụ, và chất lượng của dịch vụ này phải tương xứng với các tiêu chí về chất lượng và quản lý chất lượng. Việc đánh giá và chứng nhận các cơ sở GDNN đạt tiêu chuẩn “chất lượng” là cần thiết để đảm bảo quy trình đào tạo hiệu quả, qua đó đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

Căn cứ Luật GDNN năm 2014 tại khoản 12 Điều 23 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tự thực: “Thực hiện kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định”; Điều 65, 67, 68, 69, 70 chương VI Kiểm định chất lượng GDNN.

Căn cứ Thông tư 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ thông tư số 28/TT-BLĐTBXH, ngày 28/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2.2. Mục đích của tự đánh giá

- Duy trì và soát chất lượng: Tự đánh giá nhằm duy trì việc rà soát thường xuyên toàn bộ hoạt động của trường so với bộ tiêu chí đã đặt ra. Qua đó, nhà trường có thể kịp thời đưa ra các giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo nghề tại các đơn vị.

- Nâng cao nhận thức: Hoạt động này còn giúp nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, giảng viên, nhân viên và học sinh, sinh viên (HSSV) tại trường về tầm quan trọng của công tác tự kiểm định. Ý thức này sẽ thúc đẩy tất cả các đơn vị trong trường cùng nhau thực hiện và tham gia vào quá trình tự đánh giá, tạo nên một môi trường hợp tác và phát triển.

- Thu thập và xử lý thông tin: Tự đánh giá là phương tiện để thu thập và xử lý thông tin minh chứng, cho phép nhà trường xác định mức độ đạt được dựa trên các tiêu chí và tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN. Quá trình này giúp phát hiện sớm những điểm không phù hợp cần cải tiến trong thời gian ngắn, trung và dài hạn.

- Hoạch định chiến lược phát triển: Kết quả từ hoạt động tự đánh giá hỗ trợ nhà trường trong việc hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực qua từng giai đoạn. Điều này đóng góp vào mục tiêu xây dựng trường thành cơ sở đào tạo có chất lượng cao, từ đó nâng cao thương hiệu và uy tín của nhà trường trong mắt xã hội.

- Cải tiến liên tục: Cuối cùng, tự đánh giá tạo cơ hội cho nhà trường thiết lập quy trình cải tiến liên tục, không chỉ đảm bảo chất lượng mà còn nâng cao giá trị cốt lõi của giáo dục nghề nghiệp. Nhờ vậy, nhà trường có thể thích ứng tốt hơn với yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

Tóm lại, hoạt động tự đánh giá không chỉ là một cách để xem xét chất lượng mà còn là một công cụ quản lý quan trọng, góp phần cho sự phát triển bền vững của nhà trường và lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá trong giáo dục nghề nghiệp cần tuân thủ các yêu cầu cơ bản sau:

- Sự bình đẳng và khách quan: Tự đánh giá phải thể hiện tính bình đẳng, khách quan và trung thực. Điều này có nghĩa là mọi ý kiến, phản hồi và thông tin đều được xem xét một cách công tâm, không thiên lệch.

- Minh bạch và Công khai: Quá trình tự kiểm định cần được thực hiện một cách minh bạch. Tất cả các thành viên trong trường cần có cơ hội hợp tác, trao đổi và thảo luận công khai. Việc này không chỉ giúp tăng cường sự tham gia của các cá nhân mà còn tạo ra môi trường làm việc cởi mở và hợp tác.

- Đúng thời gian: Cần đảm bảo rằng việc tự đánh giá phải được thực hiện đúng thời gian theo kế hoạch đã đề ra. Điều này sẽ giúp duy trì tính liên tục và hiệu quả của quá trình kiểm định.

- Đánh giá toàn diện: Hoạt động tự đánh giá cần phải đánh giá toàn diện các hoạt động của nhà trường, bao gồm mức độ thực hiện các mục tiêu, chương trình và nội dung giáo dục nghề nghiệp. Việc xem xét này giúp xác định những điểm mạnh, điểm yếu cũng như các vấn đề cần cải tiến trong quá trình đào tạo.

Tóm lại, việc tuân thủ các yêu cầu này sẽ đảm bảo rằng hoạt động tự đánh giá diễn ra một cách hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và uy tín của nhà trường.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

Để tiến hành tự đánh giá chất lượng, nhà trường cần áp dụng các phương pháp sau:

- Thu thập tài liệu và thông tin: Bắt đầu bằng việc thu thập tài liệu và thông tin liên quan đến hoạt động của từng đơn vị trong trường. Việc này bao gồm rà soát các quy trình, kết quả và hoạt động đã thực hiện trong thời gian qua.

- Đối chiếu với tiêu chí kiểm định: Tiến hành đối chiếu các kết quả đạt được với hệ thống tiêu chí và tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN. Qua đó, nhà trường có thể xác định được mức độ đạt được của từng tiêu chí một cách rõ ràng và cụ thể.

- Xác định mức độ đạt yêu cầu: Dựa trên kết quả đối chiếu, xác định mức độ đạt được theo các cấp độ tương ứng. Việc này giúp nhà trường nắm bắt tình hình thực tế và nhận diện rõ ràng những điểm mạnh và điểm yếu cần cải thiện.

- Lập kế hoạch cải tiến: Cuối cùng, lập kế hoạch cải thiện những tồn tại đã được xác định, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển bền vững của nhà trường. Kế hoạch này nên bao gồm các biện pháp cụ thể và thời gian thực hiện rõ ràng, từ đó đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong quá trình triển khai.

Thông qua việc áp dụng những phương pháp này, nhà trường sẽ có cơ sở vững chắc để nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Xác định mục đích và phạm vi tự kiểm định.
- Thành lập Hội đồng tự đánh giá và các nhóm chuyên trách
- Xây dựng kế hoạch tự kiểm định.
- Thu thập thông tin để làm minh chứng.
- Phân tích và mã hóa minh chứng.
- Đánh giá mức độ đạt được.
- Viết báo cáo tự kiểm định.
- Công bố kết quả tự kiểm định trên mạng nội bộ Trường.

- Nộp báo cáo tự kiểm định về Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Trung tâm kiểm định chất lượng.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn) | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của CSGDNN |
|-----------|---|-----------------------|---|
| | ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | | <i>Đạt/Không đạt chất lượng</i> |
| | Tổng điểm | 100 | 96 |
| 1 | Tiêu chí 1 - Sứ mạng, mục tiêu, tổ chức và quản lý | 10 | 10 |
| 1.1 | Tiêu chuẩn 1.1: Sứ mạng, mục tiêu của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của trường, phù hợp với yêu cầu nhân lực trong các chiến lược phát triển ngành/chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương và được công bố công khai. | 02 | 02 |
| 1.2 | Tiêu chuẩn 1.2: Trường có quy chế về tổ chức và hoạt động, trong đó có phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo của trường. | 02 | 02 |
| 1.3 | Tiêu chuẩn 1.3: Trường đã xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng. | 02 | 02 |
| 1.4 | Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được đánh giá và có biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý. | 02 | 02 |
| 1.5 | Tiêu chuẩn 1.5: Hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường(đảng ủy, ban giám hiệu đối với các trường thuộc lực lượng vũ trang), tổ chức đảng, đoàn thể và các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định; thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của trường. | 02 | 02 |
| 2 | Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo | 16 | 16 |

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn) | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của CSGDNN |
|-----------|---|-----------------------|---------------------------------------|
| 2.1 | Tiêu chuẩn 2.1: Quy chế tuyển sinh và các kế hoạch, chính sách tuyển sinh được xây dựng, triển khai phù hợp chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường. | 02 | 02 |
| 2.2 | Tiêu chuẩn 2.2: Trường tuyển sinh theo kế hoạch bảo đảm công bằng, khách quan và theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào. Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát và cải tiến, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả. | 02 | 02 |
| 2.3 | Tiêu chuẩn 2.3: Trường xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp. Hình thức, phương thức, phương pháp đào tạo đa dạng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của từng chương trình đào tạo. | 02 | 02 |
| 2.4 | Tiêu chuẩn 2.4: Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cho từng lớp, khóa học, học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức đào tạo để người học đáp ứng chuẩn đầu ra. | 02 | 02 |
| 2.5 | Tiêu chuẩn 2.5: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động hoặc các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập. | 02 | 02 |
| 2.6 | Tiêu chuẩn 2.6: Trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo, bao gồm cả hình thức đào tạo từ xa (nếu có). | 02 | 02 |
| 2.7 | Tiêu chuẩn 2.7: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy, học theo đúng kế hoạch. Thực hiện biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. | 02 | 02 |

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn) | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của CSGDNN |
|----------|---|---------------|------------------------------|
| 2.8 | Tiêu chuẩn 2.8: Các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học được thiết kế phù hợp; được rà soát, đánh giá, cải tiến để bảo đảm độ chính xác, công bằng, khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra. | 02 | 02 |
| 3 | Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động | 14 | 12 |
| 3.1 | Tiêu chuẩn 3.1: Quy trình tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý của trường được ban hành và đưa vào áp dụng; hằng năm được rà soát, đánh giá để cải tiến. | 02 | 02 |
| 3.2 | Tiêu chuẩn 3.2: Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. | 02 | 02 |
| 3.3 | Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác, bảo đảm về số lượng, cơ cấu ngành, nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo của trường. | 02 | 00 |
| 3.4 | Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo và thực hiện các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan. | 02 | 02 |
| 3.5 | Tiêu chuẩn 3.5: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. | 02 | 02 |
| 3.6 | Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của ngành, nghề đào tạo. | 02 | 02 |
| 3.7 | Tiêu chuẩn 3.7: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. Đội ngũ viên chức, người lao động đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu | 02 | 02 |

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn) | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của CSGDNN |
|----------|---|---------------|------------------------------|
| | công việc được giao. Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động định kỳ được bồi dưỡng, cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. | | |
| 4 | Tiêu chí 4: Chương trình đào tạo, giáo trình | 14 | 14 |
| 4.1 | Tiêu chuẩn 4.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan. | 02 | 02 |
| 4.2 | Tiêu chuẩn 4.2: Trường ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo mà trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. | 02 | 02 |
| 4.3 | Tiêu chuẩn 4.3: Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai. | 02 | 02 |
| 4.4 | Tiêu chuẩn 4.4: Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương. | 02 | 02 |
| 4.5 | Tiêu chuẩn 4.5: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo có sự tham gia của chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo và các bên liên quan. | 02 | 02 |
| 4.6 | Tiêu chuẩn 4.6: Trường ban hành đầy đủ giáo trình các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo và phù hợp với phương pháp dạy học. | 02 | 02 |

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn) | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của CSGDNN |
|-----------|---|-----------------------|---------------------------------------|
| 4.7 | Tiêu chuẩn 4.7: Các giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo. | 02 | 02 |
| 5 | Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo | 16 | 14 |
| 5.1 | Tiêu chuẩn 5.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, các phòng công năng khác đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học và các hoạt động khác của trường. | 02 | 02 |
| 5.2 | Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể các khuôn viên của trường phù hợp với công năng, bền vững về môi trường. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt. | 02 | 02 |
| 5.3 | Tiêu chuẩn 5.3: Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các hạng mục khác phục vụ sinh hoạt cho người học, nhà giáo có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo, bảo đảm các yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường. | 02 | 02 |
| 5.4 | Tiêu chuẩn 5.4: Các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp được trường xác định và triển khai, bao gồm cả các nhu cầu, các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật (nếu có) và không phân biệt đối xử về giới. | 02 | 02 |
| 5.5 | Tiêu chuẩn 5.5: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo và được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe, vệ sinh môi trường. | 02 | 00 |
| 5.6 | Tiêu chuẩn 5.6: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng | 02 | 02 |

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn) | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của CSGDNN |
|-----------|---|-----------------------|---------------------------------------|
| | hiệu quả. | | |
| 5.7 | Tiêu chuẩn 5.7: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc điện tử; phòng đọc của cán bộ, nhà giáo; phòng đọc của người học; kho sách bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng. | 02 | 02 |
| 5.8 | Tiêu chuẩn 5.8: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, được cập nhật, áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học. | 02 | 02 |
| 6 | Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế | 08 | 08 |
| 6.1 | Tiêu chuẩn 6.1: Trường ban hành quy định và thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng. | 02 | 02 |
| 6.2 | Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên, được ứng dụng, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo của trường và phục vụ cộng đồng. | 02 | 02 |
| 6.3 | Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc ấn phẩm tương đương. | 02 | 02 |
| 6.4 | Tiêu chuẩn 6.4: Có hoạt động hợp tác với các trường hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường. | 02 | 02 |
| 7 | Tiêu chí 7: Người học và hoạt động hỗ trợ người học | 10 | 10 |

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn) | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của CSGDNN |
|-----------|--|-----------------------|---------------------------------------|
| 7.1 | Tiêu chuẩn 7.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo và việc tổ chức thực hiện quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ và công khai. | 02 | 02 |
| 7.2 | Tiêu chuẩn 7.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, bảo đảm quyền lợi của người học, tạo điều kiện cho người học thuộc đối tượng chính sách có cơ hội tiếp cận học nghề, lập nghiệp. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. | 02 | 02 |
| 7.3 | Tiêu chuẩn 7.3: Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện; hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập. | 02 | 02 |
| 7.4 | Tiêu chuẩn 7.4: Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội khác để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực. | 02 | 02 |
| 7.5 | Tiêu chuẩn 7.5: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát, quản lý người học được định kỳ rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu của người học và các bên liên quan. | 02 | 02 |
| 8 | Tiêu chí 8 - Giám sát, đánh giá chất lượng | 12 | 12 |
| 8.1 | Tiêu chuẩn 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp của người học và tỷ lệ bỏ học được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến. | 02 | 02 |
| 8.2 | Tiêu chuẩn 8.2: Trường triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ | 02 | 02 |

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn) | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của CSGDNN |
|-----|--|---------------|------------------------------|
| | của trường. | | |
| 8.3 | Tiêu chuẩn 8.3: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo. | 02 | 02 |
| 8.4 | Tiêu chuẩn 8.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo. | 02 | 02 |
| 8.5 | Tiêu chuẩn 8.5: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng, có kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng trường; có kế hoạch và biện pháp để thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có). | 02 | 02 |
| 8.6 | Tiêu chuẩn 8.6: Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm. | 02 | 02 |

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

*** Mở đầu:**

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Công Thương, nhà trường luôn xác định rõ sứ mạng của mình, từ đó định ra các mục tiêu trong từng giai đoạn để hoàn thành các nhiệm vụ giáo dục và đào tạo được giao, đồng thời góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói riêng và cả nước nói chung. Năm 2022, nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung giai đoạn 2022-2027 tầm nhìn đến năm 2045. Kế hoạch chiến lược đã xác định sứ mạng của trường là: "Cung cấp cho người học và xã hội bằng chất lượng đào tạo, nghiên cứu chuyển giao và đổi mới sáng tạo".

Mục tiêu và nhiệm vụ của Trường được công bố công khai trên các hệ thống thông tin đại chúng. Ngoài ra, căn cứ vào định hướng phát triển của ngành, trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương và nhu cầu xã hội, nhà trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ theo hướng nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng quy mô phát triển của trường, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của ngành.

Đồng thời nhà trường cũng thường xuyên rà soát, điều chỉnh hệ thống các văn bản quy định về cơ cấu tổ chức, trách nhiệm quyền hạn của các đơn vị theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm,.. và duy trì và triển khai hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, phân công bộ phận chuyên trách thực hiện và đảm bảo hiệu quả hoạt động này.

Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên là hạt nhân nòng cốt trong công tác lãnh đạo, phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị của nhà trường, đã triển khai xây dựng quy chế phối hợp giữa các tổ chức và nhà trường nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể hoạt động hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ trường cao đẳng. Nhà trường đã xây dựng hệ thống kiểm tra, giám sát nhằm duy trì công tác bảo đảm chất lượng và triển khai thực hiện đầy đủ các chính sách ưu đãi và bình đẳng giới.

*** Những điểm mạnh:**

Tuyên bố sứ mạng của nhà trường phù hợp với chiến lược phát triển trường, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, được phổ biến rộng rãi trong toàn trường và ngoài xã hội. Các ngành nghề đào tạo, quy mô đào tạo cho 29 ngành, nghề cao đẳng và 27 ngành, nghề trung cấp của trường dựa trên phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, các công ty, xí nghiệp, doanh nghiệp và các đơn vị tuyển dụng lao động. Mục tiêu nhiệm vụ của Trường được xác định rõ ràng, cụ thể theo từng giai đoạn phát triển và theo từng năm học; được công bố công khai bằng nhiều hình thức như: phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, truyền hình), tài liệu giới thiệu về trường (kỷ yếu, tờ rơi, tập san, thông báo tuyển sinh,...) và trang Website của trường.

Việc điều chỉnh chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ được Trường thực hiện kịp thời, trong đó phản ánh đúng xu thế phát triển của trường gắn với nhu cầu thực tế của thị trường lao động và định hướng phát triển của ngành; kế thừa và phát triển những thành tựu mới của khoa học để vận dụng vào mục tiêu đào tạo nghề mang tính hiện đại và thực tiễn. Ngoài ra hệ thống các văn bản quy định về tổ chức và quản lý, các Hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và trung tâm trực thuộc được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị. Tổ chức Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên trong nhà trường phát huy tốt vai trò lãnh đạo, hoạt động theo đúng điều lệ và theo quy định của pháp luật.

Nhà trường có hệ thống BDCL theo quy định và ban hành đầy đủ các quy định kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học, phổ biến, triển khai đầy đủ các văn bản

hướng dẫn về chế độ, chính sách đối với CBVC, HSSV đồng thời thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

* **Những tồn tại: Không**

* **Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Phòng Quản lý đào tạo chủ trì và phối hợp với các đơn vị: Tổ chức rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo đã ban hành và xây dựng các chương trình đào tạo mới (nếu có) tuân thủ đúng qui trình, lưu trữ đầy đủ hồ sơ.

Nhà trường tiếp tục thu thập thông tin về nguồn nhân lực để mở rộng ngành nghề cũng như tăng cường đầu tư các ngành trọng điểm nhằm đáp ứng cho nhu cầu của xã hội.

Hàng năm tiếp tục tổ chức kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chung và mục tiêu cụ thể của từng chiến lược để có biện pháp điều chỉnh kế hoạch một cách có hệ thống, có lý luận chặt chẽ, đảm bảo mọi thành viên trong trường đều có nhận thức đúng và hoạt động đúng.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|-----------------------------|-------------------------|
| Tiêu chí 1 | 10 |
| Tiêu chuẩn 1 | 2 |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 |
| Tiêu chuẩn 3 | 2 |
| Tiêu chuẩn 4 | 2 |
| Tiêu chuẩn 5 | 2 |

a) Tiêu chuẩn 1.1: Sứ mạng, mục tiêu của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của trường, phù hợp với yêu cầu nhân lực trong các chiến lược phát triển ngành/chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chức năng, nhiệm vụ của nhà trường được xác định “*Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng kỹ thuật và các trình độ thấp hơn trong các lĩnh vực công nghệ: Kỹ thuật địa chất, hóa chất, thông tin, kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, cơ khí, kinh tế, môi trường... theo quy định của pháp luật; là cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học – công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất – kinh doanh của ngành Công Thương và sự phát triển kinh tế xã hội*”. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được xác định, Trường Cao Đẳng Công Thương miền Trung đã xác định mục tiêu và sứ mạng cụ thể, rõ ràng trong các văn bản như: Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung giai đoạn 2022-2027 và tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2020-2025. Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định như sau:

Mục tiêu: Xây dựng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp uy tín, chất lượng trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp Việt Nam và Khu vực. Ứng dụng khoa học công nghệ mới, hiện đại vào quản lý, giảng dạy, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Hoàn thiện các điều kiện cơ bản nhằm đảm bảo đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, có khả năng hội nhập phục vụ cho nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Sứ mạng: Cung cấp cho người học và xã hội bằng chất lượng đào tạo, nghiên cứu chuyển giao và đổi mới sáng tạo (1.1.01-Quyết định số 281/QĐ/TC ngày 01/8/1978 về việc thành lập trường Trung học Chuyên nghiệp Địa chất II của Tổng cục Địa chất; 1.1.02-Quyết định số 575/CN Ng-TC ngày 21/12/1991 về việc đổi tên Trường Trung học chuyên nghiệp Địa chất II Thành trường Trung học Kỹ thuật Tuy Hòa của Bộ trưởng bộ Công nghiệp Năng; 1.1.03-Quyết định số 5073/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/9/2005 về việc thành lập Trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa trên cơ sở Trường Trung học Kỹ thuật Tuy Hòa của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; 1.1.04-Quyết định số 122/QĐ-LĐTBXH ngày 06/2/2018 về việc đổi tên Trường thành Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; 1.1.05-Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 1.1.06-Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường; 1.1.07-Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045; 1.1.08-Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2020-2025; 1.1.09-Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2025-2030; 1.1.10-Văn bản của địa phương/ngành để xác định nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực).

Ngoài ra, vào đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng. Căn cứ vào mục tiêu của năm học các đơn vị trong Trường xây dựng mục tiêu và kế hoạch để triển khai thực hiện (1.1.11-Mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng của trường, của các đơn vị năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Mục tiêu và nhiệm vụ của Trường được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng thông qua các bài viết giới thiệu về Trường, đăng thông tin tuyển sinh trên các báo, đài...; được giới thiệu qua các video, tờ rơi, thông báo tuyển sinh, Brochure...giới thiệu về Trường (1.1.12-Các bài báo đăng bài về Trường, các tài liệu quảng bá, thông tin về Trường năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 1.1.13-Website của trường tại địa chỉ: <http://mitc.edu.vn/gioi-thieu/su-mang-tam-nhin-va-cac-gia-tri.html>).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

b) Tiêu chuẩn 1.2: Trường có quy chế về tổ chức và hoạt động, trong đó có phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung có quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế quy định về chức năng, nhiệm vụ của nhà trường; sứ mạng, mục tiêu; công tác tổ chức và quản lý; phân công chức năng, nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu; chức năng, nhiệm vụ các đơn vị; nhiệm vụ của nhà giáo và HSSV; quan hệ giữa nhà trường với doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục, gia đình người học và xã hội; quan hệ phối hợp công tác giữa các đơn vị, công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và một số quy định cụ thể khác của trường.

Các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường. Nhà trường (1.1.05-Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung ban hành kèm theo Quyết định số 957/QĐ-CDCT ngày 30/6/2022; 1.2.01-Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung ban hành kèm theo Quyết định số 922/QĐ-CDCT ngày 11/11/2024; 1.2.02-Quy chế làm việc của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung ban hành kèm theo Quyết định số 1119/QĐ-CDCT ngày 25/12/2024; 1.1.07-Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 ban hành kèm theo Quyết định số 959/QĐ-CDCT ngày 01/7/2022; 1.2.03-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 34/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 27/4/2018; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34a/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 30/10/2019; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34b/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 11/01/2021; 1.2.04-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 58/2021/GCNĐKBS-TCGDN ngày 23/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 58a/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 05/4/2023; 1.2.05-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 41/2023/GCNĐKBS-TCGDN ngày 12/6/2023; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 41b/2023/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 26/4/2024 do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; 1.2.06-Giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia số 06/BLĐT BXH-GCNHĐ ngày 09/7/2020 do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cấp).

Hằng năm, Nhà trường và các đơn vị đều có báo cáo tổng kết đánh giá hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ đảm bảo phù hợp về cơ cấu tổ chức, cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường, không có sự chòng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị (1.2.07- Hội nghị viên chức, người lao động năm 2022, 2023, 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023, 2024, 2025; 1.2.08- Báo cáo tổng kết năm học 2022 - 2023, 2023 – 2024, 2024 – 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024, 2024 – 2025, 2025- 2026; 1.2.09- Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trực thuộc năm học 2022-2023; 1.2.10- Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trực thuộc năm học 2023-2024; 1.2.11- Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trực thuộc năm học 2024-2025).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

c) Tiêu chuẩn 1.3: Trường đã xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2017, nhà trường triển khai kế hoạch chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 sang phiên bản ISO 9001: 2015 và duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng. Hiện nay Nhà trường đã ban hành Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng gồm 04 chương 22 Điều trong đó quy định cụ thể từ khâu thành lập Ban chỉ đạo xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng, công tác xây dựng và vận hành hệ thống cũng như công tác tự đánh giá chất lượng trường và chương trình đào tạo

Để đảm bảo hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường được vận hành đúng quy định, nhà trường đã tổ chức xây dựng quy trình, công cụ đảm bảo chất lượng theo hướng dẫn của thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH bao gồm: xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh, thi, kiểm tra, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý; quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; quản lý xưởng, khảo sát học sinh sau khi tốt nghiệp, khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động. Hàng năm Trường đều tổ chức đánh giá nội bộ, theo đó tất cả các quy trình đều được đánh giá mức độ thực hiện của các quy trình (*1.3.01-Quyết định số 290/QĐ-CDCT ngày 03/05/2018 về việc ban hành Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 1.3.02-Quyết định số 2019/QĐ-CDCT ngày 31/12/2022 về việc ban hành Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 1.3.03-Quyết định số 521/QĐ-CĐCN-QLCL&NCKH ngày 11/9/2017 Về việc ban hành chính sách chất lượng của Trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa giai đoạn 2017-2022; 1.3.04-Quyết định số về việc ban hành chính sách chất lượng của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 1.1.11- Mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng của trường, của các đơn vị năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

d) Tiêu chuẩn 1.4: Hàng năm, hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được đánh giá và có biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hệ thống bảo đảm chất lượng bao gồm Chính sách chất lượng, sổ tay chất lượng, mục tiêu chất lượng, 52 quy trình quản lý và được Hiệu trưởng ra quyết định ban hành đưa vào sử dụng. Hàng năm nhà trường đều tiến hành rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn các hoạt động của Trường và báo cáo kết quả vận hành hệ thống thống (*1.4.01- Quyết định ban hành quy trình ISO; 1.4.02-Bộ quy trình và biểu mẫu <http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015>; 1.4.03-Sổ tay chất lượng; 1.3.04- Quyết định ban hành chính sách chất lượng của Trường Cao đẳng*

Công Thương miền Trung; 1.2.08- Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026).

Để đảm bảo hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường được vận hành đúng quy định, nhà trường đã tổ chức xây dựng quy trình, công cụ đảm bảo chất lượng theo hướng dẫn của thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐXH bao gồm: xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh, thi, kiểm tra, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý; quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; quản lý xưởng, khảo sát học sinh sau khi tốt nghiệp, khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động. Hàng năm Trường đều tổ chức đánh giá nội bộ, theo đó tất cả các quy trình đều được đánh giá mức độ thực hiện của các quy trình (1.4.04-Kế hoạch điều chỉnh quy trình ISO; 1.4.01-Quyết định ban hành quy trình ISO; 1.4.02-Bộ quy trình và biểu mẫu <http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015>). Nhà trường đang triển khai áp dụng và xây dựng cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng, hạ tầng thông tin (1.4.05-Hợp đồng cung cấp Phần mềm quản lý công việc Bitrix 24; <http://e.mitc.edu.vn>).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

đ) Tiêu chuẩn 1.5: Hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường (đảng ủy, ban giám hiệu đối với các trường thuộc lực lượng vũ trang), tổ chức đảng, đoàn thể và các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định; thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hội đồng trường của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung được thành lập theo Quyết định số 3129/QĐ-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thành lập Hội đồng Trường và công nhận, bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Trường nhiệm kỳ 2020–2025. Hội đồng trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ; thông qua các nghị quyết của Hội đồng trường hàng quý đã giúp nhà trường định hướng và thực hiện các hoạt động đào tạo một cách có hiệu quả (1.5.01-Quyết định số 3129/QĐ-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thành lập Hội đồng Trường và công nhận, bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Trường nhiệm kỳ 2020–2025; 1.5.02-Quy chế làm việc của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 31/QĐ-HĐT ngày 13/9/2023; 1.5.03-Nghị quyết Hội đồng trường hàng quý các năm 2023, 2024, 2025: số 21/NQ-HĐT ngày 06/4/2023, 29/NQ-HĐT ngày 29/8/2023, 39/NQ-HĐT ngày 19/01/2024, 46/NQ-HĐT ngày 05/4/2024, 52/NQ-HĐT ngày 17/6/2024, 60/NQ-HĐT ngày 28/10/2024, 73/NQ-HĐT ngày 19/8/2025).

Đảng bộ Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung trực thuộc Đảng bộ phường Tuy Hòa, với hơn 170 đảng viên đang sinh hoạt tại 07 chi bộ trực thuộc (1.5.04-Quyết định thành lập Đảng bộ Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung: Quyết định đổi tên Đảng bộ Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa thành Đảng bộ Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung số 2038-QĐ/TU của Thành ủy Tuy Hòa, Quyết định thành lập các chi bộ trực thuộc kèm theo danh sách đảng viên: Quyết định số 22-QĐ/ĐU ngày

28/9/2021 của Đảng ủy về việc sáp nhập chi bộ trực thuộc – Chi bộ Quản trị - Khoa học cơ bản; ...).

Ban chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 có 9 ủy viên, trong đó Ban Thường vụ là 03 đồng chí. Ban chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2025 – 2030 (hiện tại) có 7 đồng chí, trong đó có 1 Phó Bí thư phụ trách Đảng bộ và 6 ủy viên. Hàng tháng, Ban chấp hành Đảng ủy tổ chức Hội nghị Ban chấp hành mở rộng để kiểm điểm kết quả công tác lãnh đạo của tháng trước và triển khai phương hướng công tác lãnh đạo cho tháng sau (1.5.05-Nghị quyết đảng ủy mở rộng hằng tháng các năm 2023, 2024, 2025).

Các chi bộ trực thuộc tổ chức sinh hoạt chi bộ định kỳ vào một ngày cố định trong tháng để triển khai Nghị quyết của Đảng ủy tới đảng viên của chi bộ. Nghị quyết của Đảng ủy tập trung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ theo đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng của quần chúng; kiên quyết phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các biểu hiện tiêu cực khác. Thực hiện tự phê bình, phê bình và nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của đảng...

Hằng năm, thực hiện hướng dẫn của Đảng ủy phường Tuy Hòa (trước đây là Thành ủy Tuy Hòa), Đảng bộ tiến hành tổng kết công tác Đảng; kết quả xếp loại hàng năm Đảng bộ luôn được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh (1.5.06-Báo cáo tổng kết công tác đảng năm 2022, 2023, 2024; 1.5.07-Kết quả xếp loại Chi bộ, Đảng bộ năm 2022, 2023, 2024: Quyết định công nhận đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên số 42-QĐ/ĐU ngày 09/12/2022, 58-QĐ/ĐU ngày 22/12/2023, 71-QĐ/ĐU ngày 18/11/2024; 1.5.08-Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể lãnh đạo, cá nhân cán bộ do Thành ủy Tuy Hòa ban hành số: 304-TB/BTC ngày 06/01/2023, 435-TB/BTC ngày 16/01/2024, 537-TB/BTC ngày 24/12/2024).

Các tổ chức đảng, đoàn thể và các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định. Các tổ chức xã hội, đoàn thể trong trường bao gồm Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội SV thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của mình theo điều lệ, tham mưu với Đảng ủy, phối hợp với chuyên môn đồng cấp và các bộ phận trong trường thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, nhiệm vụ chính trị trung tâm của nhà trường, đã tập hợp được viên chức, người lao động, HSSV với 100% số viên chức, người lao động là đoàn viên công đoàn; 100% HSSV được tham gia các hoạt động của tổ chức Đoàn, Hội (1.5.09-Quyết định thành lập các hội đồng tư vấn; 1.5.10-Quy chế hoạt động hội đồng tư vấn; 1.5.11-Quyết định thành lập các tổ chức xã hội đoàn thể; 1.5.12-Điều lệ hoạt động của các tổ chức xã hội đoàn thể; 1.5.13-Các kế hoạch hoạt động của Công đoàn trường năm 2023, 2024, 2025: Kế hoạch công tác công đoàn năm học 2023-2024 số 11/KH-CD ngày 10/5/2023, Kế hoạch hoạt động công đoàn năm 2024 số 132/KH-CD ngày 29/02/2024; Kế hoạch tổ chức tổng kết hoạt động công đoàn năm 2024 và triển khai kế hoạch hoạt động công đoàn năm 2025 số 269/KH-CD ngày 31/12/2024; 1.5.14-Các kế hoạch hoạt động của Đoàn thanh niên (hiển máu, từ thiện, thanh niên tình nguyện) năm 2023, 2024, 2025).

Chương trình, kế hoạch hoạt động của các tổ chức đoàn thể bám sát nhiệm vụ chính trị của Nhà trường và theo sự chỉ đạo của các tổ chức đoàn thể cấp trên: Tổ chức Hội nghị Công chức, viên chức và người lao động, Giao lưu văn hóa - văn nghệ, cắm trại, thể dục thể thao, tham quan du lịch, thanh niên tình nguyện, trao quà khuyến học, tham gia các hoạt động do cấp trên phát động,... Các tổ chức đoàn thể đã góp phần không nhỏ tạo nên sự đoàn kết trong toàn trường; nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ, viên chức, người lao động và học sinh, sinh viên; góp phần tích cực nâng cao nhận thức, ý thức, giáo dục truyền thống lối sống, đạo đức, giáo dục ý thức nghề nghiệp, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, công nhân viên chức và học sinh, sinh viên; chủ động, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, nhân đạo, thiện nguyện, hoạt động phong trào, tổ chức tốt các hoạt động thi đua tạo không khí sôi nổi vui tươi lành mạnh trong nhà trường, tập hợp, thu hút được đông đảo cán bộ, viên chức và HSSV tham gia, giảm thiểu tiêu cực và các tệ nạn xã hội góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhà trường đã đạt nhiều thành tích và đã được các cấp ban ngành khen thưởng (1.5.15-Báo cáo tổng kết của Công đoàn trường năm 2022, 2023, 2024; 1.5.16-Báo cáo tổng kết của Đoàn thanh niên năm 2022, 2023, 2024; 1.5.17-Giấy khen, Bằng khen của Công đoàn trường năm 2023, 2024, 2025; 1.5.18-Giấy khen, Bằng khen của Đoàn thanh niên năm 2023, 2024, 2025; 1.2.07- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị viên chức, người lao động năm 2022, 2023, 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023, 2024, 2025; 1.2.08- Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026).

Hằng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác đoàn thể, tổ chức xã hội của nhà trường (1.5.19-Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CDCT ngày 14/4/2023; số 134a/KH-CDCT ngày 20/8/2024; 95/KH-CDCT ngày 11/6/2025; 1.5.20-Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CDCT ngày 28/7/2023; 72a/BC-CDCT ngày 25/9/2024; 37/BC-CDCT ngày 15/7/2025; 1.5.21-Danh sách VC-NLĐ khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 1.5.22-Bộ phiếu khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

*** Mở đầu:**

Hoạt động đào tạo là một trong những hoạt động chính của nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành. Vì vậy hoạt động đào tạo được Ban giám hiệu nhà trường quan tâm chỉ đạo sâu sát và có các định hướng phù hợp, đúng quy định nhằm đưa hoạt động đào tạo của trường ngày càng đạt chất lượng, khẳng định được vị thế của nhà trường trong khu vực nói riêng và trong cả nước nói chung.

Đầu năm 2017, trường được chuyển đổi cơ quan quản lý nhà nước về GDNN từ Bộ Giáo dục và Đào tạo về Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Dựa vào hướng dẫn quy chế tuyển sinh của Bộ LĐTBXH, Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung ban hành Quy chế tuyển sinh hàng năm và tổ chức tuyển sinh theo đúng các quy định hiện hành. Theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về chuyển đổi chương trình đào tạo, nhà trường đã tổ chức biên soạn và chuyển đổi chương trình đào tạo cho 24 ngành, nghề trình độ cao đẳng, 20 ngành, nghề trình độ trung cấp, hiện nay Nhà trường có 29 ngành đào tạo trình độ cao đẳng, 27 ngành đào tạo trung cấp. Về phương thức đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ.

Để phục vụ cho việc quản lý hoạt động đào tạo theo học chế tín chỉ, thì việc áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, đóng vai trò rất quan trọng, nhà trường đã mua phần mềm quản lý nhằm quản lý các hoạt động của trường từ tuyển sinh, quản lý quá trình đào tạo, xét tốt nghiệp bằng công cụ máy tính, giúp cho việc quản lý được thuận lợi, chính xác mang lại hiệu quả cao. Nhà trường xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng và phối hợp với các trường đại học để đào tạo liên thông Cao đẳng lên đại học và sau đại học.

*** Những điểm mạnh:**

Trường đã ban hành các Quy định về quản lý đào tạo đáp ứng yêu cầu đào tạo theo phương thức học chế tín chỉ theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Đa số giáo viên, giảng viên nhà trường nhiều năm đào tạo theo học chế tín chỉ bậc cao đẳng, nên có kinh nghiệm trong việc vận hành giảng dạy và quản lý theo phương thức này.

Công tác tuyển sinh của trường được thực hiện đúng quy định; công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động giảng dạy được thực hiện chặt chẽ. Công tác tin học hoá trong công tác quản lý và tổ chức đào tạo được trường chú trọng thực hiện

*** Những tồn tại:**

Việc thay đổi phương pháp giảng dạy và phương thức giảng dạy từ trực tiếp sang trực tuyến trong tình hình dịch Covid-19 nên giảng viên đôi lúc còn lúng túng. Ngoài ra việc thay đổi thường xuyên các quy định, quy chế tuyển sinh, đào tạo, quản lý người học gây khó khăn cho công tác quản lý, điều chỉnh phần mềm.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tổ chức rà soát chương trình đào tạo và điều chỉnh thường xuyên nhằm phù hợp với nhu cầu tuyển dụng và cập nhật kiến thức mới, sự tiến bộ của khoa học, công nghệ vào chương trình.

Tổ chức kết nối, hợp tác với doanh nghiệp nhằm kết hợp xây dựng chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; kết hợp hướng dẫn thực hành, thực tập có sự tham gia của doanh nghiệp và tuyển dụng người học sau khi tốt nghiệp.

Kiểm soát công tác quản lý đào tạo có hiệu quả thông qua phần mềm quản lý đào tạo, kết hợp với quy trình của hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong. Mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực

chuyên môn cho cán bộ, nhà giáo nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

*** Điểm đánh giá tiêu chí 2**

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|-----------------------------|-------------------------|
| Tiêu chí 2 | 16 |
| Tiêu chuẩn 1 | 2 |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 |
| Tiêu chuẩn 3 | 2 |
| Tiêu chuẩn 4 | 2 |
| Tiêu chuẩn 5 | 2 |
| Tiêu chuẩn 6 | 2 |
| Tiêu chuẩn 7 | 2 |
| Tiêu chuẩn 8 | 2 |

a) Tiêu chuẩn 2.1: Quy chế tuyển sinh và các kế hoạch, chính sách tuyển sinh được xây dựng, triển khai phù hợp chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 05/2021/TT-BLĐT BXH ngày 07 tháng 07 năm 2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành thông tư quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng (2.1.01-*Thông tư 05/2021/TT-BLĐT BXH quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng*) và giấy chứng nhận đăng ký HĐ GDNN số 58/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 23/06/2021, giấy chứng nhận đăng ký HĐ GDNN số 41/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 12/06/2023, và giấy chứng nhận đăng ký HĐ GDNN số 41a/2023/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 15/09/2023 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (1.2.03-*Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 34/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 27/4/2018; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34a/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 30/10/2019; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34b/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 11/01/2021; 1.2.04-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 58/2021/GCNĐKBS-TCGDN ngày 23/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 58a/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 05/4/2023; 1.2.05-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 41/2023/GCNĐKBS-TCGDN ngày 12/6/2023; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 41b/2023/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 26/4/2024 do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp*) Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung đã xây dựng và ban hành quy chế, kế hoạch tuyển sinh của Trường tại các quyết định từ 2022 đến 2025,

trong đó quy định cụ thể đối tượng tuyển sinh, hình thức tuyển sinh, tiêu chí tuyển sinh (2.1.02-*Quy chế tuyển sinh hàng năm của nhà trường*).

Bên cạnh đó, Nhà trường triển khai các chính sách tuyển sinh linh hoạt và phù hợp, đặc biệt chú trọng đến các đối tượng ưu tiên như học sinh vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số, người thuộc diện chính sách, học sinh vừa tốt nghiệp THCS theo mô hình 9+. Các chính sách này góp phần tạo điều kiện để đa dạng hóa người học, mở rộng cơ hội học nghề cho các nhóm yếu thế trong xã hội.

Hoạt động truyền thông, tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh được tổ chức đa dạng, thông qua nhiều hình thức như: tư vấn trực tiếp tại trường phổ thông, phối hợp với địa phương, tham gia các hội chợ giáo dục nghề nghiệp, truyền thông qua website, mạng xã hội, ấn phẩm quảng bá, qua đó, đảm bảo thông tin tuyển sinh được truyền tải đầy đủ, chính xác và đến đúng đối tượng (2.1.03-*Kế hoạch tuyển sinh hàng năm của nhà trường*)

Việc triển khai tuyển sinh được thực hiện đúng quy trình, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận chuyên môn và được kiểm tra, giám sát đúng quy trình. Số lượng và cơ cấu người học tuyển vào cơ bản phù hợp với kế hoạch, thể hiện năng lực tổ chức và sự chủ động của nhà trường trong công tác tuyển sinh, góp phần ổn định và nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo (2.1.04-*Báo cáo kết quả tuyển sinh của nhà trường năm 2022, 2023, 2024*; 2.1.05-*Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tuyển sinh năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Quy chế tuyển sinh, chính sách tuyển sinh của Trường được xây dựng và triển khai phù hợp với chương trình đào tạo các ngành, nghề trong trường (2.1.06-*Danh sách các ngành, nghề đào tạo theo giấy phép hoạt động của trường năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; 2.1.07-*Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2022 - 2025*; 2.1.08-*Bộ các chương trình đào tạo từng ngành nghề (Cao đẳng, Trung cấp)*; 2.1.09-*Chuẩn đầu ra các ngành học giai đoạn 2022-2025*)

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

b) Tiêu chuẩn 2.2: Trường tuyển sinh theo kế hoạch bảo đảm công bằng, khách quan và theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào. Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát và cải tiến, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường tổ chức công tác tuyển sinh theo đúng kế hoạch đã được xây dựng và phê duyệt, đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu, năng lực đào tạo, ngành nghề tuyển sinh và yêu cầu thực tế của thị trường lao động. Việc triển khai tuyển sinh được thực hiện công khai, minh bạch và thống nhất theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Căn cứ vào quy chế tuyển sinh và để đảm bảo thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan theo quy định, Trường đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh từng nghề và xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm (2.2.01-*Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; 2.1.02-*Quy chế tuyển sinh hàng năm của nhà trường*; 2.1.03-*Kế hoạch tuyển sinh hàng*

năm của nhà trường; 1.2.03-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 34/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 27/4/2018; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34a/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 30/10/2019; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34b/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 11/01/2021; 1.2.04-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 58/2021/GCNĐKBS-TCGDN ngày 23/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 58a/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 05/4/2023; 1.2.05-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 41/2023/GCNĐKBS-TCGDN ngày 12/6/2023; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 41b/2023/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 26/4/2024 do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; 2.2.02-Thông báo tuyển sinh năm học 2022 -2023, 2023-2024, 2024-2025).

Hình thức tuyển sinh, đối tượng, vùng tuyển, chỉ tiêu, thủ tục đăng ký, thời gian nộp hồ sơ. Toàn bộ thông tin tuyển sinh được công bố rộng rãi, rõ ràng thể hiện bằng văn bản, trên tờ rơi, trên website của Trường, trên các báo chí, trên cổng thông tin tuyển sinh, phổ biến tại các bảng thông báo trong khuôn viên trường. Hồ sơ đăng ký học của HS gồm: Phiếu đăng ký xét tuyển; Lý lịch HS (theo mẫu); Bản sao Giấy khai sinh; Bản sao CCCD; Bản sao học bạ, bằng tốt nghiệp THPT hoặc bản sao học bạ THPT, THCS, bằng tốt nghiệp (nếu học sinh vừa tốt nghiệp thì nộp bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời); 04 ảnh 4x6 chụp gần nhất không quá 6 tháng; giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có), giấy khám sức khỏe (2.2.03-Mẫu hồ sơ đăng ký học của HS các năm).

Nhà trường thực hiện tuyển sinh trên nguyên tắc công bằng, khách quan, không phân biệt giới tính, vùng miền, dân tộc, tôn giáo, bảo đảm quyền tiếp cận học nghề của mọi đối tượng. Các bước trong quy trình tuyển sinh như: phát hành thông tin, tiếp nhận hồ sơ, xét tuyển/trúng tuyển và nhập học đều được thực hiện đúng quy trình, có kiểm tra chéo và lưu trữ hồ sơ theo quy định (2.2.04-Quy trình tuyển sinh của Trường). Thực hiện theo kế hoạch tuyển sinh, Trường đã thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh và tổ chức họp Hội đồng tuyển sinh để triển khai công tác tuyển sinh theo kế hoạch tuyển sinh và xây dựng các thông tin về tuyển sinh đối với từng bậc, hệ (2.2.05-Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.06-Biên bản kiểm tra hồ sơ của Hội đồng tuyển sinh năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.07-Quyết định công nhận kết quả trúng tuyển và danh sách HS trúng tuyển từ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.08-Giấy báo nhập học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025). Hàng năm, kết thúc công tác tuyển sinh Nhà trường dựa trên số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học ra quyết định danh sách lớp và phân công giáo viên chủ nhiệm cho các lớp. Quy trình tuyển sinh được thực hiện đúng kế hoạch, việc rà soát đối chiếu được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc, công bằng, khách quan. Chính vì vậy, trong suốt những năm qua không xảy ra sai sót, nhầm lẫn hay khiếu kiện về kết quả tuyển sinh (2.2.09-Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.10-Quyết định thành lập lớp; 2.1.05-Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tuyển sinh năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Trường có thành lập Đoàn thanh tra, kiểm tra các hoạt động của trường nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo trong đó có nội dung kiểm tra công tác tuyển sinh. Nội dung kiểm tra công tác tuyển sinh gồm: Công tác chuẩn bị cho công tác tuyển sinh (Thông báo tuyển sinh; Kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, quyết định tổ chức công tác tuyển sinh; Việc phân công, bố trí lực lượng tham gia công tác tuyển sinh; Việc chuẩn bị CSVC, công tác phục vụ cho công tác tuyển sinh); Công tác tổ chức coi thi, chấm thi (năng khiếu)); Thực hiện quy trình xét tuyển; Thực hiện ưu tiên, tuyển thẳng; Việc tổ chức công bố kết quả và triệu tập thí sinh trúng tuyển; Việc hướng dẫn thí sinh và thu nhận hồ sơ. Trong biên bản báo cáo kết quả thanh kiểm tra công tác tuyển sinh đã đánh giá công tác tuyển sinh hàng năm của trường được tổ chức triển khai đúng qui định, công bằng, khách quan và không có khiếu nại nào về công tác tuyển sinh của trường (2.2.11-Các văn bản đề xuất cải tiến hoạt động tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025)

Nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch tuyển sinh phù hợp với điều kiện thực tế, Trường khảo sát lấy ý kiến người học, nhà giáo, CBQL về hoạt động tuyển sinh của Trường hàng năm và căn cứ vào nội dung báo cáo của bộ phận kiểm tra giám sát mà xây dựng kế hoạch, đề xuất những biện pháp cải tiến hoạt động tuyển sinh phù hợp và hiệu quả hơn (2.1.05-Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tuyển sinh năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát bởi các bộ phận chức năng như phòng đào tạo, ban giám hiệu và hội đồng tuyển sinh. Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm, phân tích số liệu, đối sánh với kế hoạch và nhu cầu tuyển sinh để đề xuất các giải pháp cải tiến phù hợp cho những năm tiếp theo. Việc thực hiện đầy đủ các khâu trong quy trình kiểm tra, giám sát và cải tiến công tác tuyển sinh thể hiện tinh thần trách nhiệm và cam kết chất lượng của Nhà trường, đồng thời góp phần từng bước nâng cao uy tín, thu hút người học và ổn định quy mô đào tạo bền vững.

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

c) Tiêu chuẩn 2.3: Trường xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp. Hình thức, phương thức, phương pháp đào tạo đa dạng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của từng chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quy phạm nội bộ đầy đủ, đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, làm cơ sở pháp lý cho hoạt động dạy và học. Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, Trường đã ban hành quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ gồm 30 Điều trong đó quy định rõ về kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, điều kiện dự thi thi kết thúc môn, hình thức và quy trình tổ chức thi, xét công nhận tốt nghiệp theo Quyết định số 1149/QĐ-CDCT ngày 08/8/2022 (2.3.01-Quy chế đào tạo tín chỉ trình độ trung cấp, cao đẳng).

Ngoài ra để đảm bảo công tác thi, kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện đúng quy trình, quy định, Trường còn ban hành các quy trình quản lý gồm: quy trình tổ chức thi và kiểm tra – QT-ĐT -04; quy trình xét công nhận tốt nghiệp – QT-ĐT- 09, quy trình in, quản lý và cấp phát văn bằng chứng chỉ - QT-ĐT- 08 (1.4.02-Bộ quy trình và biểu mẫu <http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-90012015.html>; 2.3.02-Quyết định ban hành quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ trong GDNN; 2.3.03-Quyết định thành lập hội đồng tốt nghiệp hàng năm; 2.3.04-Biên bản họp xét tốt nghiệp của hội đồng tốt nghiệp hàng năm; 2.3.05-Quyết định công nhận tốt nghiệp hàng năm, Danh sách HSSV được công nhận tốt nghiệp hàng năm; 2.3.06-Hồ sơ quản lý cấp phát phối, bằng, chứng chỉ- Lưu tại phòng QLĐT).

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người học, đồng thời phục vụ công cuộc phát triển kinh tế xã hội của vùng duyên hải Nam Trung Bộ nói riêng và cả nước nói chung, nhà trường đã ban hành quy chế đào tạo nhằm thực hiện chủ trương thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo. Bên cạnh các loại hình đào tạo truyền thống như cao đẳng, trung cấp, đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng (2.3.01-Quy chế đào tạo tín chỉ trình độ trung cấp, cao đẳng; 2.2.10- Quyết định thành lập lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025). Nhà trường còn đào tạo các lớp chứng chỉ ngắn hạn, bồi dưỡng theo chuyên đề nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên, kỹ thuật viên các công ty, doanh nghiệp; phối hợp với các trường đại học để đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học và sau đại học,...Nhà trường cũng đã tổ chức khảo sát nhu cầu người học để linh hoạt thay đổi phương thức đào tạo cho phù hợp và tạo thuận lợi nhất cho người học (2.3.07-Biên bản phối hợp đào tạo từ cao đẳng lên đại học, sau đại học; 2.3.08-Hồ sơ đào tạo ngắn hạn).

Với triết lý đào tạo “Giáo dục khai phóng – Gắn kết thực tiễn – Năng lực sáng tạo”, nhà trường áp dụng phương thức đào tạo kết hợp giữa lý thuyết tại trường và thực hành, thực tập tại doanh nghiệp, đảm bảo chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp cho HSSV. Trong các năm học qua, nhà trường đã tiến hành triển khai mô hình đào tạo kép với các đối tác chiến lược (Công ty CP Cơ khí Vina Nha Trang, LALAMA69-1, COLGATE, VINFAST,...). Trong quá trình thực tập, các giáo viên ngoài việc kiểm tra quá trình thực tập, còn tiếp cận công nghệ sản xuất hiện đại, cách thức quản lý để có những đề xuất điều chỉnh, cập nhật, thay đổi nội dung chương trình, bổ sung môn học, trang bị thêm kỹ năng mềm cho HSSV.

Căn cứ các mục tiêu đào tạo đã đề ra, nhà trường đã tổ chức thu thập ý kiến định kỳ hằng năm, thông qua hội nghị CBVC, thông qua nhận xét đánh giá của các doanh nghiệp nhận học sinh, sinh viên thực tập tốt nghiệp, các giáo viên hướng dẫn thực tập tiếp xúc trực tiếp cơ sở sản xuất của các doanh nghiệp, ghi nhận ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy, thông qua phiếu khảo sát để đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên, người học về chất lượng của các phương thức đào tạo.

Bên cạnh đó nhà trường tổ chức đối thoại trực tiếp với học sinh, sinh viên. Thông qua đối thoại đã nắm bắt được các luồng thông tin hữu ích giúp nhà trường điều chỉnh hoạt động dạy và học, các dịch vụ phục vụ người học ngày một tốt hơn.

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

d) Tiêu chuẩn 2.4: Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cho từng lớp, khóa học, học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức đào tạo để người học đáp ứng chuẩn đầu ra.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung thực hiện nhiệm vụ đào tạo dựa trên các ngành, nghề đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (1.2.03-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 34/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 27/4/2018; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34a/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 30/10/2019; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34b/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 11/01/2021; 1.2.04-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 58/2021/GCNĐKBS-TCGDN ngày 23/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 58a/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 05/4/2023; 1.2.05-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 41/2023/GCNĐKBS-TCGDN ngày 12/6/2023; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 41b/2023/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 26/4/2024 do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp). Các chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ Cao đẳng và Trung cấp được xây dựng, thẩm định và phê duyệt đúng quy định, đảm bảo tính khoa học và cập nhật theo chuẩn đầu ra (CDR). Trong mỗi CTĐT, các nội dung về thời lượng lý thuyết, thực hành và thực tập được phân bổ chi tiết cho từng mô-đun/môn học, đảm bảo người học đạt được các năng lực cần thiết theo cam kết (2.1.07- Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2022 - 2025; 2.1.08-Bộ các chương trình đào tạo từng ngành nghề (Cao đẳng và Trung cấp); 2.4.01-Kế hoạch xây dựng và thẩm định chuẩn đầu ra, biên bản họp thẩm định chuẩn đầu ra; 2.1.09-Chuẩn đầu ra các ngành học giai đoạn 2022-2025).

Hàng năm, Nhà trường xây dựng hệ thống kế hoạch đào tạo (KHĐT) đồng bộ, từ kế hoạch tổng thể toàn khóa đến kế hoạch chi tiết cho từng năm học, học kỳ và lớp học. Việc lập kế hoạch dựa trên sự cân đối giữa năng lực đội ngũ giảng viên, điều kiện cơ sở vật chất và đặc thù của từng hình thức đào tạo. Hệ thống thời khóa biểu được công khai kịp thời, giúp giảng viên và người học chủ động trong tiến trình dạy và học (2.4.02-Kế hoạch đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.03-Thời khóa biểu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Quá trình triển khai đào tạo được thực hiện nghiêm túc theo tiến độ đã phê duyệt. Các Khoa/Bộ môn căn cứ vào chuyên môn để phân công giảng viên phụ trách các mô-đun/môn học cụ thể. Hoạt động giảng dạy diễn ra đúng nội dung và thời gian quy định. Mọi điều chỉnh về kế hoạch đều phải thông qua Ban Giám hiệu phê duyệt để đảm bảo tính thống nhất (2.4.03-Thời khóa biểu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Khoa và các Bộ môn chịu trách nhiệm thực hiện nội dung giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung quy định. Công tác kiểm tra hồ sơ chuyên môn được thực hiện định kỳ nhằm duy trì kỷ cương và chất lượng giảng dạy (2.4.04- Đề cương giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.05- Giáo án giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-

2025; 2.4.06- *Giáo trình giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; 2.4.07-*Sổ lên lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Điểm nổi bật trong công tác đào tạo của Nhà trường là việc tổ chức thực tập tại doanh nghiệp. Hoạt động này được lồng ghép bài bản, giúp người học tiếp cận môi trường làm việc thực tế, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm. Đây là khâu then chốt giúp nâng cao khả năng thích ứng của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp. Việc lồng ghép các học phần thực hành, thực tập và kỹ năng mềm vào kế hoạch đào tạo được triển khai bài bản, phù hợp với đặc điểm từng ngành nghề. (2.4.08-*Hợp đồng đào tạo kép*; 2.4.09-*Quyết định cử HSSV đi thực tập doanh nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*, 2.4.10- *Quy trình đào tạo tại doanh nghiệp QT-ĐT-06*; 2.4.11- *Quyết định cử HSSV đi đào tạo tại doanh nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; 2.4.12- *Sổ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Nhằm không ngừng hoàn thiện công tác tổ chức đào tạo, hàng năm Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (cán bộ quản lý, giảng viên, người học). Kết quả khảo sát về sự phù hợp của kế hoạch đào tạo và cơ cấu lý thuyết/thực hành là cơ sở quan trọng để Nhà trường thực hiện các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng đầu ra và khẳng định uy tín với thị trường lao động. Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo một cách đồng bộ, chi tiết và phù hợp là nền tảng quan trọng giúp đảm bảo chất lượng đầu ra, khẳng định uy tín của Nhà trường và nâng cao khả năng cạnh tranh của người học trên thị trường lao động (2.4.13- *Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2022-2023*; 2.4.14- *Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2022-2023*; 2.4.15- *Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2023-2024*; 2.4.16- *Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2023-2024*; 2.4.17- *Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2024-2025*; 2.4.18- *Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2024-2025*; 2.4.19- *Mẫu phiếu khảo sát HSSV*; 2.4.20- *Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2022-2023*; 2.4.21- *Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2022-2023*; 2.4.22-*Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2023-2024*; 2.4.23-*Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2023-2024*; 2.4.24-*Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2024-2025*; 2.4.25-*Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2024-2025*; 2.4.26-*Mẫu phiếu khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp*).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

đ) Tiêu chuẩn 2.5: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động hoặc các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung luôn chú trọng tổ chức các hoạt động đào tạo bám sát mục tiêu và nội dung chương trình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo sự chuẩn mực về cấu trúc, thời lượng và sự phân bổ khoa học giữa lý thuyết, thực hành với thực tập, cùng hệ thống đánh giá kết quả học tập khách quan (2.1.07-*Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2024 -*

2025; 2.1.08-Bộ các chương trình đào tạo từng ngành nghề (Cao đẳng và trung cấp); 2.4.01-Kế hoạch xây dựng và thẩm định chuẩn đầu ra, biên bản họp thẩm định chuẩn đầu ra; 2.1.09-Chuẩn đầu ra các ngành học giai đoạn 2022-2025; 2.4.04- Đề cương giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.05- Giáo án giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.06- Giáo trình giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.07-Sổ lên lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025). Trên cơ sở đó, Nhà trường xây dựng kế hoạch giảng dạy chi tiết cho từng mô-đun, môn học theo từng học kỳ và toàn khóa, tạo ra sự thống nhất cao giữa mục tiêu đào tạo và quá trình tổ chức thực hiện, đồng thời phân công giảng viên đúng chuyên môn để cập nhật kịp thời kiến thức thực tiễn vào bài giảng (2.4.04- Đề cương giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.05- Giáo án giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.06- Giáo trình giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.07-Sổ lên lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Đặc biệt, hoạt động thực tập tại doanh nghiệp được Nhà trường thực hiện một cách chủ động và linh hoạt. Căn cứ vào tiến độ đào tạo và yêu cầu thực tế từ phía đơn vị sử dụng lao động, Nhà trường sẽ điều chỉnh lịch trình đưa học sinh, sinh viên đi thực tế nhằm tối ưu hóa trải nghiệm nghề nghiệp, đồng thời cử giảng viên hướng dẫn và theo sát quá trình đánh giá, xác nhận kết quả từ phía doanh nghiệp (2.5.01-Kế hoạch thực tập tốt nghiệp của từng lớp năm học 2022-2023; 2.5.02-Kế hoạch thực tập tốt nghiệp của từng lớp năm học 2023-2024; 2.5.03-Kế hoạch thực tập tốt nghiệp của từng lớp năm học 2024-2025; 2.5.04-Quyết định cử HSSV đi thực tập tốt nghiệp năm học 2022-2023; 2.5.05-Quyết định cử HSSV đi thực tập tốt nghiệp năm học 2023-2024; 2.5.06-Quyết định cử HSSV đi thực tập tốt nghiệp năm học 2024-2025; 2.5.07-Danh sách học sinh thực tập tốt nghiệp năm học 2022-2023; 2.5.08-Danh sách học sinh thực tập tốt nghiệp năm học 2023-2024; 2.5.09-Danh sách học sinh thực tập tốt nghiệp năm học 2024-2025; 2.5.10-Đề cương thực tập thực tập tốt nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.10-Quy trình đào tạo tại doanh nghiệp QT-ĐT-06; 2.4.11-Quyết định cử HSSV đi đào tạo tại doanh nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.12-Sổ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.5.11-Các hình ảnh đi thực tập, thực tế năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Điểm nhấn quan trọng trong công tác đào tạo của Nhà trường chính là sự gắn kết chặt chẽ với các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh thông qua mô hình đào tạo kép, giúp người học hình thành tác phong công nghiệp và thái độ nghề nghiệp đúng đắn. Để duy trì sự bền vững, Nhà trường chủ động ký kết các biên bản hợp tác và hợp đồng đào tạo nhằm quy định rõ trách nhiệm trong việc hướng dẫn, giám sát và đánh giá người học (2.5.12-Biên bản ghi nhớ thỏa thuận hợp tác, hợp đồng hỗ trợ đào tạo giữa Trường và các doanh nghiệp).

Không dừng lại ở việc tiếp nhận thực tập, các đơn vị sử dụng lao động còn đóng vai trò là đối tác chiến lược khi tham gia trực tiếp vào việc góp ý cải tiến chương trình, hỗ trợ thiết bị công nghệ hoặc phối hợp đào tạo một số mô-đun đặc thù ngay tại cơ sở sản xuất (2.5.13-Danh sách đơn vị sử dụng lao động tham gia đánh giá kết quả người học

năm 2024-2025). Sự hiện diện của doanh nghiệp trong Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và trong quy trình đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp đã khẳng định tính thực tiễn và chất lượng đào tạo của Nhà trường (2.5.14-Phiếu đánh giá ý thức thực tập của HSSV năm học 2024-2025; 2.5.15-Quyết định về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của doanh nghiệp).

Việc thực hiện đào tạo gắn với thực hành – thực tập tại doanh nghiệp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, tăng khả năng thích ứng thực tế của người học, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc giới thiệu việc làm sau tốt nghiệp. Nhà trường thường xuyên đánh giá hiệu quả hoạt động thực tập, lấy ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp, giảng viên hướng dẫn và người học để điều chỉnh hoạt động phối hợp, hoàn thiện mô hình liên kết giữa Nhà trường và đơn vị sử dụng lao động (2.4.13- Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2022-2023; 2.4.14- Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2022-2023; 2.4.15- Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2023-2024; 2.4.16- Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2023-2024; 2.4.17- Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2024-2025; 2.4.18- Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2024-2025; 2.4.19- Mẫu phiếu khảo sát HSSV; 2.4.20- Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2022-2023; 2.4.21- Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2022-2023; 2.4.22-Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2023-2024; 2.4.23-Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2023-2024; 2.4.24-Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2024-2025; 2.4.25-Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2024-2025; 2.4.26-Mẫu phiếu khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

e) Tiêu chuẩn 2.6: Trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo, bao gồm cả hình thức đào tạo từ xa (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung đã xây dựng và vận hành hệ thống quản trị số đồng bộ, tạo bước đột phá trong công tác quản lý và tổ chức đào tạo. Trung tâm của hệ thống này là phần mềm SIM.Net, công cụ chủ lực giúp số hóa toàn diện vòng đời đào tạo của người học. Từ giai đoạn tuyển sinh, dữ liệu thí sinh được cập nhật hệ thống để quản lý tập trung, làm cơ sở cho việc phân lớp và quản lý thông tin học sinh, sinh viên chi tiết suốt khóa học. Việc lập kế hoạch đào tạo và thời khóa biểu cũng được thực hiện trực tiếp trên SIM.Net, đảm bảo tính khoa học, tránh chồng chéo nguồn lực về phòng học và giảng viên. Toàn bộ kết quả học tập, từ điểm thành phần đến điểm thi kết thúc môn, đều được cập nhật và lưu trữ an toàn trên hệ thống, giúp người học dễ dàng tra cứu và Nhà trường quản lý dữ liệu một cách minh bạch, chính xác (2.6.01-Hợp đồng mua phần mềm quản lý hoạt động đào tạo, - Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng cung cấp phần mềm đào tạo; 2.6.02-Hướng dẫn quy trình sử dụng cổng thông tin điện tử của nhà trường; 2.6.03-Danh sách cấp địa chỉ mã truy cập phần mềm của GV, NV, HSSV của nhà trường, Giao diện quản lý các phân hệ trên SIM.Net).

Song song với việc quản lý dữ liệu đào tạo, Nhà trường đã ứng dụng nền tảng SharePoint làm kho lưu trữ học liệu số và hồ sơ bài giảng chuyên nghiệp. Toàn bộ giáo án, tài liệu giảng dạy và bài giảng điện tử của giảng viên được tổ chức lưu trữ khoa học theo từng khoa, bộ môn trên nền tảng điện toán đám mây. Việc này không chỉ giúp bảo tồn tài sản trí tuệ của Nhà trường mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát chuyên môn của Ban Giám hiệu và các cấp quản lý mọi lúc, mọi nơi mà không cần hồ sơ giấy cồng kềnh. Hệ thống này đảm bảo tính kế thừa và cho phép giảng viên chia sẻ học liệu, cập nhật nội dung bài giảng một cách nhanh chóng, đồng bộ theo yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp (2.4.02-Kế hoạch đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.03-Thời khóa biểu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.04- Đề cương giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.05- Giáo án giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.06- Giáo trình giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.07-Sổ lên lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Để đảm bảo dòng chảy thông tin nội bộ luôn thông suốt và hiệu quả, Nhà trường triển khai nền tảng quản trị Bitrix24. Đây là kênh giao tiếp chính thống để truyền đạt các thông báo, kế hoạch đào tạo và các văn bản điều hành từ Ban Giám hiệu đến từng cán bộ, nhà giáo. Việc ứng dụng Bitrix24 giúp tối ưu hóa quy trình làm việc nhóm, quản lý tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị và tăng cường khả năng tương tác nội bộ. Mọi điều chỉnh về tiến độ đào tạo hay các thông tin khẩn cấp đều được gửi đến các đối tượng liên quan theo thời gian thực, đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các phòng chức năng và các khoa chuyên môn. Việc lồng ghép chặt chẽ giữa SIM.Net, SharePoint và Bitrix24 đã tạo nên một hệ sinh thái quản lý giáo dục hiện đại, góp phần nâng cao năng suất lao động và khẳng định chất lượng quản trị của Nhà trường trong bối cảnh chuyển đổi số (2.6.04-Hợp đồng mua phần mềm Bitrix24, Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng cung cấp phần mềm Bitrix24; 2.4.05-Hướng dẫn quy trình sử dụng Bitrix24, Hình ảnh giao diện Bitrix24).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

f) Tiêu chuẩn 2.7: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy, học theo đúng kế hoạch. Thực hiện biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học là một trong những khâu quan trọng nhất trong quản lý hoạt động đào tạo nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả của quá trình giảng dạy – học tập. Để hiện thực hóa mục tiêu này, hằng năm Nhà trường đều chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát chi tiết, được Ban giám hiệu phê duyệt và phân công trách nhiệm cụ thể cho các phòng, ban, đơn vị chuyên môn thực hiện (2.7.01-Kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 2.7.02-Kế hoạch dự giờ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025).

Hệ thống kiểm tra, giám sát của Trường được vận hành dựa trên cơ chế rà soát định kỳ và điều chỉnh linh hoạt theo thực tiễn. Việc thực hiện kế hoạch đào tạo luôn được lưu trữ hồ sơ đầy đủ, tạo lập minh chứng rõ ràng phục vụ hiệu quả cho công tác kiểm tra nội bộ và kiểm định chất lượng. Cụ thể, phòng QLCL&NCKH và phòng Quản lý đào tạo thường xuyên phối hợp với các Khoa triển khai hoạt động dự giờ chuyên môn. Sau mỗi tiết dạy, các hội đồng đều tổ chức đóng góp ý kiến để giảng viên rút kinh nghiệm, đồng thời kết quả đánh giá được tổng hợp định kỳ hằng học kỳ để báo cáo Ban giám hiệu (2.7.03-*Thông báo dự giờ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*; 2.7.04-*Biên bản dự giờ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*).

Hoạt động kiểm tra được triển khai toàn diện, từ định kỳ đến đột xuất, tập trung vào các nội dung trọng tâm như: việc thực hiện kế hoạch giảng dạy, chất lượng bài giảng, phương pháp sư phạm, sự chuẩn bị của giảng viên và tinh thần chuyên cần của người học. Quy trình này đảm bảo giảng viên luôn bám sát chương trình đào tạo và lịch giảng đã công bố. Mọi diễn biến trong quá trình lên lớp đều được ghi nhận qua hồ sơ kiểm tra chuyên môn, làm cơ sở đánh giá tính nghiêm túc trong công tác giảng dạy (2.7.05-*Thông báo kiểm tra hồ sơ giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024- 2025*; 2.7.06-*Báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy năm học 2022-2023, 2023- 2024, 2024-2025*).

Đặc biệt, Nhà trường không chỉ dừng lại ở việc kiểm tra mà còn chú trọng hậu kiểm và xử lý kết quả. Các báo cáo kiểm tra, giám sát là căn cứ khoa học để Nhà trường đưa ra các biện pháp điều chỉnh kịp thời như: tái phân công giảng viên, cải tiến phương pháp giảng dạy, bổ sung học liệu hoặc tổ chức các lớp phụ đạo cho người học (2.7.07-*Kế hoạch tổ chức hội nghị tổng kết năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025*; 1.2.08-*Báo cáo tổng kết năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025- 2026*; 2.7.08-*Các biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát*).

Bên cạnh đó, Nhà trường thiết lập kênh thông tin đa chiều thông qua phản hồi từ người học, giảng viên và doanh nghiệp để phát hiện kịp thời các bất cập phát sinh. Việc duy trì hệ thống giám sát chặt chẽ này đã giúp Trường Cao đẳng Công thương Miền Trung nâng cao chất lượng đào tạo thực chất, đảm bảo môi trường học tập kỷ cương và chuyên nghiệp (2.4.13- *Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2022-2023*; 2.4.14- *Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2022-2023*; 2.4.15- *Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2023-2024*; 2.4.16- *Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2023-2024*; 2.4.17- *Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2024-2025*; 2.4.18- *Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2024-2025*; 2.4.19- *Mẫu phiếu khảo sát HSSV*; 2.4.20- *Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2022-2023*; 2.4.21- *Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2022-2023*; 2.4.22-*Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2023-2024*; 2.4.23-*Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2023-2024*; 2.4.24-*Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2024-2025*; 2.4.25-*Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2024-2025*; 2.4.26-*Mẫu phiếu khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp*).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

g) Tiêu chuẩn 2.8: Các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học được thiết kế phù hợp; được rà soát, đánh giá, cải tiến để bảo đảm độ chính xác, công bằng, khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung xác định công tác đánh giá kết quả học tập và rèn luyện là thành tố cốt lõi trong đảm bảo chất lượng đào tạo. Các hình thức, phương pháp và công cụ đánh giá được thiết kế chuyên biệt cho từng môn học, mô-đun và đặc thù ngành nghề, đảm bảo bám sát chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Nhà trường thực hiện đa dạng hóa các hình thức đánh giá, bao gồm đánh giá quá trình (chuyên cần, tiểu luận, thuyết trình), đánh giá định kỳ và cuối kỳ qua các bài thi lý thuyết, thực hành, kỹ năng nghề. Hệ thống công cụ đánh giá như đề thi, thang điểm đánh giá được xây dựng khoa học, có hướng dẫn cụ thể nhằm đảm bảo tính minh bạch theo đúng quy trình (2.8.01-Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học; 2.8.02-Lịch thi kết thúc môn học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.8.03-Hồ sơ bài thi, biên bản thi kết thúc môn học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Về đánh giá rèn luyện, Nhà trường áp dụng hệ thống điểm rèn luyện kết hợp đa chiều giữa người học, cố vấn học tập và các đoàn thể. Quy trình xét duyệt được thực hiện nghiêm túc hằng kỳ qua hội đồng thi đua, khen thưởng nhằm phản ánh chính xác ý thức kỷ luật và năng lực phát triển cá nhân của học sinh sinh viên (2.8.04-Quyết định ban hành Quy chế làm việc của hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật và xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với HSSV; 2.8.05-Biên bản họp xét kết quả rèn luyện năm học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.8.06-Quyết định công nhận kết quả rèn luyện năm học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Công tác rà soát, cải tiến quy định về tổ chức đào tạo, thi và xét tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện được thực hiện hằng năm để cập nhật theo các Thông tư mới và thực tiễn hoạt động (2.8.07-Kế hoạch rà soát, bổ sung các Quy định, Quy chế cần thiết lập tại trường năm 2024, 2025; 2.8.08-Báo cáo kết quả rà soát, bổ sung các Quy chế, Quy định cần thiết lập tại Trường năm 2024, 2025; 2.8.09-Quy chế đào tạo, Quy chế đánh giá điểm rèn luyện; 2.7.01-Kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2022, 2023, 2024, 2025; 2.8.10- Kế hoạch điều chỉnh quy trình ISO; 1.4.01-Quyết định ban hành quy trình ISO; 1.4.02-Bộ quy trình và biểu mẫu <http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015>).

Song song đó, hoạt động giám sát nội bộ và khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác kiểm tra, đánh giá được triển khai thường xuyên. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành các biện pháp điều chỉnh kịp thời nhằm tối ưu hóa phương pháp đánh giá (1.5.19-Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CDCT ngày 14/4/2023; số 134a/KH-CDCT ngày 20/8/2024; 95/KH-CDCT ngày 11/6/2025; 1.5.20-Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức,

người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CDCT ngày 28/7/2023; 72a/BC-CDCT ngày 25/9/2024; 37/BC-CDCT ngày 15/7/2025; 1.5.21-Danh sách VC-NLĐ khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 1.5.22-Bộ phiếu khảo sát; 2.4.13-Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2022-2023; 2.4.14- Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2022-2023; 2.4.15- Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2023-2024; 2.4.16- Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2023-2024; 2.4.17- Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2024-2025; 2.4.18- Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2024-2025; 2.4.19- Mẫu phiếu khảo sát HSSV).

Toàn bộ kết quả đánh giá được lưu trữ hệ thống và báo cáo định kỳ, đóng vai trò là căn cứ pháp lý để phân loại trình độ, xét duyệt học bổng, khen thưởng cũng như công nhận tốt nghiệp và định hướng nghề nghiệp cho người học. Quy trình đánh giá bài bản, khách quan và bám sát chuẩn đầu ra không chỉ giúp người học hoàn thiện năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức mà còn là minh chứng khẳng định uy tín và cam kết về chất lượng đào tạo của Nhà trường trước xã hội.

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

*** Mở đầu:**

Để thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, Nhà trường luôn xác định: xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trong những năm qua, Nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng, đào tạo và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; đáp ứng theo chuẩn quy định đối với trường cao đẳng. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ sư phạm; cử cán bộ quản lý đi học tập, bồi dưỡng các lớp quản lý nhà nước, các lớp tập huấn ở trong và ngoài nước. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý nhà trường có tuổi đời bình quân trẻ, có năng lực tốt, đảm bảo tính kế thừa và phát triển của các đơn vị phòng, khoa, trung tâm cũng như nhà trường.

*** Những điểm mạnh:**

Ban giám hiệu Nhà trường có phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và khả năng điều hành, quản lý tốt, có tầm nhìn chiến lược, luôn quan tâm đến chính sách hỗ trợ nhà giáo, cán bộ công nhân viên, lãnh đạo đơn vị nhiều năm liền vững mạnh toàn diện.

Đội ngũ quản lý đáp ứng các tiêu chuẩn, được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp; có năng lực, trình độ để thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được giao.

Trường có đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng và đáp ứng tốt các yêu cầu về giáo dục nghề nghiệp; đạt chuẩn về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm. Đội ngũ viên chức, người lao động có kinh nghiệm trong công tác, làm việc có hiệu quả, chấp hành nghiêm túc kỷ luật lao động.

Trường có cơ chế, chính sách khuyến khích toàn bộ nhà giáo, viên chức, người lao động tham gia cải tiến công tác quản lý, tác phong làm việc; nghiên cứu cải tiến các chương trình đào tạo, xây dựng giáo trình, ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào quá trình giảng dạy và truyền thụ kiến thức, kỹ năng cho người học đảm bảo chất lượng và uy tín.

Những tồn tại:

Trong bối cảnh hội nhập và các tiêu chuẩn liên tục thay đổi, nhà giáo của Trường cần liên tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, rèn luyện tay nghề để theo kịp sự phát triển và nhu cầu của xã hội.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Năm học 2025 - 2026 và những năm tiếp theo, tiếp tục triển khai xây dựng kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo nhằm đáp ứng chuẩn về năng lực nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu giảng dạy của Trường.

Giai đoạn 2025 - 2030: Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ quản lý; tăng cường đào tạo ngoại ngữ, phấn đấu đạt 50% nhà giáo trở lên có khả năng sử dụng ngoại ngữ để phục vụ chuyên môn; 100% nhà giáo sử dụng thành thạo máy tính và vận dụng công nghệ vào công việc hàng ngày; đẩy mạnh việc ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ vào phục vụ giảng dạy, mở rộng phạm vi và đa dạng nội dung thâm nhập thực tế của đội ngũ nhà giáo; đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động để đáp ứng các hoạt động của nhà trường.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học và trình độ chuyên môn, kỹ năng tay nghề của đội ngũ cán bộ nhà giáo đáp ứng nhu cầu hội nhập.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|-----------------------------|-------------------------|
| Tiêu chí 3 | 12 |
| Tiêu chuẩn 1 | 2 |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 |
| Tiêu chuẩn 3 | 0 |
| Tiêu chuẩn 4 | 2 |
| Tiêu chuẩn 5 | 2 |
| Tiêu chuẩn 6 | 2 |
| Tiêu chuẩn 7 | 2 |

a) Tiêu chuẩn 3.1: Quy trình tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý của trường được ban hành và đưa vào áp dụng; hằng năm được rà soát, đánh giá để cải tiến.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hệ thống quy chế của Trường được xây dựng trên cơ sở tuân thủ đúng các quy định của cơ quan chủ quản và các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, không ngừng hoàn thiện về thể chế, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, người lao động. Nhà trường có đầy đủ các quy định nội bộ về việc tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động.

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ về việc ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Thông tư 21/2020/TT-BLĐTBXH sửa đổi Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Nhà trường đã xây dựng quy định về việc tuyển dụng viên chức (3.1.01-Quy chế tổ chức xét tuyển viên chức và nội quy kỳ xét tuyển viên chức ban hành kèm theo Quyết định số 909/QĐ-CDCT ngày 31/12/2020). Căn cứ kế hoạch tuyển dụng đã được Bộ Công Thương phê duyệt, năm 2023 nhà trường tuyển dụng được 08/19 chỉ tiêu được phê duyệt; năm 2024 nhà trường tuyển dụng được 12/22 chỉ tiêu được phê duyệt; năm 2025 nhà trường không thực hiện tuyển dụng (3.1.02-Hồ sơ tuyển dụng năm 2023, 2024).

Ngoài ra, căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH13 của Quốc hội; Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 06/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/03/2017 của Bộ Lao động – Thương binh & Xã hội quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Nhà trường có xây dựng một số tiêu chí hỗ trợ nhằm thu hút các ứng viên vào các vị trí việc làm trường có nhu cầu nhưng khó tuyển dụng (3.1.03-Thông báo số 366/TB-CDCT ngày 04/6/2021 của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung về chính sách hỗ trợ cho giảng viên trong thời gian tập sự; Thông báo số 2033/TB-CDCT ngày 30/11/2023 của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung về chính sách hỗ trợ cho viên chức trong thời gian tập sự; Thông báo số 150/TB-CDCT ngày 30/9/2024 của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung về chính sách hỗ trợ cho viên chức trong thời gian tập sự;

3.1.04-Quyết định về việc chi hỗ trợ giảng viên trong thời gian tập sự: số 320/QĐ-CDCT ngày 01/3/2023, 1534/QĐ-CDCT ngày 29/9/2023, 1535/QĐ-CDCT ngày 29/9/2023, 1536/QĐ-CDCT ngày 29/9/2023, 1537/QĐ-CDCT ngày 29/9/2023, 515/QĐ-CDCT ngày 03/4/2023, 1029/QĐ-CDCT ngày 06/12/2024, 398/QĐ-CDCT ngày 27/5/2024, 1029/QĐ-CDCT ngày 06/12/2024...).

Căn cứ Quy định số 50-QĐ/TW ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ và Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW ngày 15/02/2022 của Ban tổ chức Trung ương về hướng dẫn một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ; Nhà trường đã ra thông báo, hướng dẫn quy hoạch cán bộ quản lý đến các đơn vị trong nhà trường (3.1.05-Kế hoạch số 36-KH/ĐU ngày 14/02/2023 của Đảng ủy Trường về thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, Kế hoạch số 51-KH/ĐU ngày 20/02/2024 của Đảng ủy Trường về thực hiện công tác quy hoạch cán bộ; 3.1.06-Hồ sơ quy hoạch cán bộ quản lý của trường năm 2023, 2024, 2025).

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về việc đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; Căn cứ Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, hằng năm, Nhà trường có xây dựng hướng dẫn, tổ chức đánh giá, xếp loại nhà giáo, viên chức và người lao động và thông báo kết quả đánh giá, xếp loại theo đúng quy định (3.1.07-Hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động và thi đua khen thưởng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025: số 987/HĐ-CDCT ngày 22/6/2023, số 06/HĐ-CDCT ngày 18/6/2024; số 05/HĐ-CDCT ngày 24/6/2025; 3.1.08-Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1182/TB-CDCT ngày 28/7/2023, 92/TB-CDCT ngày 05/7/2024, 76/TB-CDCT ngày 24/7/2025; 3.1.09-Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng từ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1193/QĐ-CDCT ngày 31/7/2023, 576/QĐ-CDCT ngày 24/7/2024, 437/QĐ-CDCT ngày 24/7/2025).

Ngoài ra, hằng năm, Nhà trường có tiến hành rà soát, chỉnh sửa các quy chế nội bộ của nhà trường như: Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, Quy chế bổ nhiệm, Quy định chế độ làm việc của nhà giáo, quy chế thi đua khen thưởng, quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ... (1.1.05- Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung ban hành kèm theo Quyết định số 957/QĐ-CDCT ngày 30/6/2022; 1.2.02-Quy chế làm việc của trường ban hành kèm theo các Quyết định số: 328/QĐ-CDCT ngày 25.5.2021, 1119/QĐ-CDCT ngày 25.12.2024; 3.1.10-Quy định luân chuyển, điều động viên chức lãnh đạo, quản lý, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 545/QĐ-CDCT ngày 12/10/2021; 3.1.11-Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm đối với viên chức lãnh đạo, quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 1018/QĐ-CDCT ngày 18/7/2022; 3.1.12-Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với viên chức lãnh đạo, quản lý Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung ban hành

kèm theo Quyết định số 204/QĐ-CDCT ngày 08/4/2025; 3.1.13-Quy chế đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động và thi đua khen thưởng ban hành kèm theo các Quyết định: số 465/QĐ-CDCT ngày 24/3/2023; số 229/QĐ-CDCT ngày 23/4/2024; số 1102/QĐ-CDCT ngày 20/12/2024; 3.1.14-Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo các Quyết định: số 1199/QĐ-CDCT ngày 01/8/2023, 852/QĐ-CDCT ngày 21/10/2024; 3.1.15-Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ban hành kèm theo các Quyết định số 1660/QĐ-CDCT ngày 17/10/2023; 661/QĐ-CDCT ngày 29/8/2024, 641/QĐ-CDCT ngày 22/10/2025).

Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của viên chức, người lao động về việc tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý, công tác bổ nhiệm (1.5.19-Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CDCT ngày 14/4/2023; số 134a/KH-CDCT ngày 20/8/2024; 95/KH-CDCT ngày 11/6/2025; 1.5.20-Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CDCT ngày 28/7/2023; 72a/BC-CDCT ngày 25/9/2024; 37/BC-CDCT ngày 15/7/2025; 1.5.21-Danh sách VC-NLĐ khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 1.5.22-Bộ phiếu khảo sát VC-NLĐ).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

b) Tiêu chuẩn 3.2: Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện tốt việc giải quyết các chế độ chính sách cho cán bộ, viên chức và người lao động. Nhà trường thực hiện chế độ nâng bậc lương, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương, giải quyết chế độ hưu trí, chế độ ốm đau, thai sản cho cán bộ, nhà giáo, người lao động đảm bảo kịp thời và đúng quy định.

Về thực hiện chế độ nâng bậc lương và phụ cấp: Trong năm 2022, thực hiện nâng bậc lương thường xuyên cho 50 người, nâng bậc lương trước thời hạn cho 5 người, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung cho 4 người, nâng phụ cấp thâm niên nghề cho 116 nhà giáo. Trong năm 2023, thực hiện nâng bậc lương thường xuyên cho 38 người, nâng bậc lương trước thời hạn cho 5 người, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung cho 5 người, nâng phụ cấp thâm niên nghề cho 104 nhà giáo. Trong năm 2024, thực hiện nâng bậc lương thường xuyên cho 37 người, nâng bậc lương trước thời hạn cho 4 người, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung cho 7 người, nâng phụ cấp thâm niên nghề cho 112 nhà giáo. Trong năm 2025, thực hiện nâng bậc lương thường xuyên cho 54 người, nâng bậc lương trước thời hạn cho 5 người, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung cho 8 người, nâng phụ cấp thâm niên nghề cho 108 nhà giáo.

Về thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương, công nhận hết thời gian tập sự/thử việc: Trong năm 2023, trường bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp

lượng chức danh nghề nghiệp cho 01 giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết và 03 chuyên viên (3.2.01-Danh sách viên chức được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương chức danh nghề nghiệp; 3.2.02-Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương số 513/QĐ-CDCT, 516/QĐ-CDCT, 518/QĐ-CDCT, 520/QĐ-CDCT ngày 03/4/2023 về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp); công nhận hết thời gian tập sự cho 01 giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (3.2.03-Quyết định số 2024/QĐ-CDCT ngày 29/11/2023). Trong năm 2024, nhà trường công nhận hết thời gian tập sự/ thử việc cho 01 người lao động và 03 viên chức (3.2.04-Quyết định số 946/QĐ-CDCT ngày 19/11/2024, Quyết định số 395/QĐ-CDCT, 396/QĐ-CDCT, 397/QĐ-CDCT ngày 27/5/2024). Trong nửa đầu năm 2025, không có người lao động, viên chức nào được công nhận hết thời gian tập sự/ thử việc.

Về thực hiện các chế độ hưu trí, thai sản, ốm đau: Trong năm học 2022-2023, có 01 viên chức nghỉ hưu; năm học 2023-2024 không có viên chức nào nghỉ hưu, năm học 2024-2025 có 01 viên chức nghỉ hưu (3.2.05-Danh sách cán bộ nghỉ hưu các năm; 3.2.06-Danh sách duyệt hồ sơ giải quyết chế độ ốm đau, thai sản các năm; 3.2.07-Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được hưởng chế độ chính sách theo quy định năm).

Về công tác đánh giá xếp loại viên chức, người lao động và thi đua khen thưởng: Hàng năm, nhà trường xây dựng/cập nhật quy chế đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động và thi đua khen thưởng; xây dựng hướng dẫn đánh giá xếp loại; tiến hành đánh giá xếp loại và ban hành thông báo kết quả đánh giá xếp loại, công nhận danh hiệu thi đua khen thưởng theo từng năm học (3.1.07-Hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động và thi đua khen thưởng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 987/HD-CDCT ngày 22/6/2023, số 06/HD-CDCT ngày 18/6/2024; số 05/HD-CDCT ngày 24/6/2025; 3.1.08-Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1182/TB-CDCT ngày 28/7/2023, 92/TB-CDCT ngày 05/7/2024, 76/TB-CDCT ngày 24/7/2025; 3.1.09-Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng từ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1193/QĐ-CDCT ngày 31/7/2023, 576/QĐ-CDCT ngày 24/7/2024, 437/QĐ-CDCT ngày 24/7/2025; 3.2.08-Biên bản họp đánh giá xếp loại của các đơn vị; 3.2.09-Phiếu đánh giá xếp loại viên chức, người lao động).

Nhà trường có báo cáo thể hiện kết quả của việc thực hiện chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động hằng năm (1.2.07-Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị viên chức, người lao động năm 2022, 2023, 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023, 2024, 2025; 1.2.08-Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026).

Công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động được nhà trường quy định cụ thể tại Quy chế quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động, trong đó quy định rõ đối tượng, điều kiện được cử đi đào tạo, bồi dưỡng và điều kiện được hưởng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng (3.2.10-Quy chế quản lý

hoạt động đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động ban hành kèm theo các Quyết định: số 823/QĐ-CDCT ngày 08/6/2022; số 482/QĐ-CDCT ngày 17/6/2024). Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ viên chức, người lao động, trong đó có bồi dưỡng nhà giáo (3.2.11-Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2022-2023 số 1277/KH-CDCT ngày 31/8/2022, Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2023 - 2024 số 1340/KH-CDCT ngày 25/8/2023, Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2024 - 2025 số 139/KH-CDCT ngày 27/8/2024). Căn cứ vào điều kiện thực tế, nguồn kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng, các chương trình/dự án của các cơ quan quản lý cấp trên, Nhà trường cử nhà giáo tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy (3.2.12-Quyết định cử nhà giáo tham gia đào tạo bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025). Kết thúc các khóa đào tạo, bồi dưỡng, nhà giáo có báo cáo kết quả về nhà trường (3.2.13-Văn bằng, chứng chỉ, tư liệu về nhà giáo tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025).

Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động về chế độ, chính sách, thực hiện bồi dưỡng (1.5.19-Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CDCT ngày 14/4/2023; số 134a/KH-CDCT ngày 20/8/2024; 95/KH-CDCT ngày 11/6/2025; 1.5.20-Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CDCT ngày 28/7/2023; 72a/BC-CDCT ngày 25/9/2024; 37/BC-CDCT ngày 15/7/2025; 1.5.21-Danh sách VC-NLĐ khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 1.5.22-Bộ phiếu khảo sát VC-NLĐ).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

c) Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác, bảo đảm về số lượng, cơ cấu ngành, nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ nhà giáo của Nhà trường tham gia giảng dạy 100% đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ và chuyên môn, nghiệp vụ khác. Trong những năm qua, Nhà trường chú trọng đến việc đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo về tin học, ngoại ngữ, kỹ năng nghề... đảm bảo đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Trong năm học 2022-2023, nhà trường có 126 nhà giáo, trong đó có 13 tiến sĩ, 93 thạc sĩ, 17 đại học, 2 cao đẳng, 1 trình độ khác; nhà giáo có trình độ sau đại học là 106/126, đạt 84.13%; trong đó có 92/126 (73.02%) đạt đầy đủ các chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ, kỹ năng nghề dạy cao đẳng theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTĐBXH; Thông tư số 05/2024/TT-BLDDTĐBXH ngày 10/5/2024.

Trong năm học 2023-2024, nhà trường có 126 nhà giáo, trong đó có 13 tiến sĩ, 91 thạc sĩ, 19 đại học, 2 cao đẳng, 1 trình độ khác; nhà giáo có trình độ sau đại học 104/126, đạt 82.54%; trong đó có 93/126 (73.81%) đạt đầy đủ các chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ, kỹ năng nghề dạy cao đẳng theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTĐBXH; Thông tư số 05/2024/TT-BLDDTBXH ngày 10/5/2024.

Trong năm học 2024-2025, nhà trường có 124 nhà giáo, trong đó có 13 tiến sĩ, 89 thạc sĩ, 19 đại học, 2 cao đẳng, 1 trình độ khác; nhà giáo có trình độ sau đại học 102/124, đạt 82.26%; 108/124 (86.3%) nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ, kỹ năng nghề dạy cao đẳng theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTĐBXH; Thông tư số 05/2024/TT-BLDDTBXH ngày 10/5/2024.

Đến thời điểm hiện tại (31/12/2025), tổng số nhà giáo của trường là 120 người, trong đó có 7 tiến sĩ, 88 thạc sĩ, 19 đại học, 2 cao đẳng, 1 trình độ khác; nhà giáo có trình độ sau đại học 95/120, đạt 79.17%; 105/120 nhà giáo (87.5%) nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ, kỹ năng nghề dạy cao đẳng theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTĐBXH; Thông tư số 05/2024/TT-BLDDTBXH ngày 10/5/2024 (3.3.01-Quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của trường ban hành kèm theo Quyết định số 568/QĐ-CDCT ngày 22/7/2024; 3.3.02-Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.3.03-Hồ sơ nhà giáo; 3.3.04-Công văn triệu tập, Thông báo của đơn vị thực hiện bồi dưỡng cho nhà giáo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.2.12-Quyết định cử nhà giáo tham gia bồi dưỡng kèm danh sách tham gia bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.2.13- Văn bằng, chứng chỉ, tư liệu về nhà giáo tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025; 3.3.05-Báo cáo Hội nghị viên chức, người lao động năm 2023, 2024, 2025; 1.2.08- Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 3.3.06-Báo cáo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo năm học 2024-2025 số 45a/BC-CDCT ngày 17/9/2025).

Trước mỗi học kỳ, năm học, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng nghề, đảm bảo tất cả các môn học, mô đun đều có đủ nhà giáo đứng lớp (2.4.02- Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.3.07-Tiến độ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.03-Thời khóa biểu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025). Kế hoạch giảng dạy được xây dựng chi tiết đến từng môn học, mô-đun, có kế hoạch/ lịch giảng dạy cụ thể. Các lớp học lý thuyết, thực hành có số HSSV đảm bảo đúng quy định (3.3.08-Kế hoạch giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.07-Sổ lên lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.3.09-Sổ tay nhà giáo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Hàng năm, kết thúc mỗi học kỳ, Nhà trường đều có báo cáo giờ giảng qua bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo hàng năm, nhà trường căn cứ vào báo cáo giờ giảng để thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ (3.3.10-Báo cáo giờ giảng năm học

2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.3.11-Bảng thanh toán lương, thanh toán vượt giờ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: Quyết định số 1173/QĐ-CDCT ngày 26/7/2023 của Hiệu trưởng về việc công nhận khối lượng thực hiện của nhà giáo năm học 2022-2023, Quyết định số 588/QĐ-CDCT ngày 31/7/2024 của Hiệu trưởng về việc công nhận khối lượng năm học 2023-2024, Quyết định số 456 /QĐ-CDCT ngày 01/8/2025 của Hiệu trưởng về việc đề nghị nghiệm thu khối lượng năm học 2024-2025).

Nhà trường có đội ngũ nhà giáo đủ và đảm bảo tỷ lệ quy đổi nhà giáo/người học là 1/25 (3.3.12-Bảng tính học sinh - sinh viên quy đổi năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.3.13-Bảng tính nhà giáo quy đổi năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo tham gia giảng dạy (1.5.19-Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CDCT ngày 14/4/2023; số 134a/KH-CDCT ngày 20/8/2024; 95/KH-CDCT ngày 11/6/2025; 1.5.20-Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CDCT ngày 28/7/2023; 72a/BC-CDCT ngày 25/9/2024; 37/BC-CDCT ngày 15/7/2025; 1.5.21-Danh sách VC-NLĐ khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 1.5.22-Bộ phiếu khảo sát VC-NLĐ).

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

d) Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo và thực hiện các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn chú trọng việc chuẩn hóa công tác giảng dạy, đảm bảo toàn thể đội ngũ nhà giáo thực hiện nghiêm túc mục tiêu và yêu cầu của chương trình đào tạo. Các hoạt động chuyên môn được triển khai đồng bộ, đáp ứng đầy đủ các quy định về tổ chức đào tạo hiện hành.

Về việc thực hiện chương trình đào tạo: 100% giảng viên của Nhà trường thực hiện giảng dạy dựa trên chuẩn đầu ra, đảm bảo đúng nội dung và thời lượng của từng môn học, mô-đun đã được phê duyệt trong chương trình đào tạo. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, giảng viên chủ động xây dựng kế hoạch bài giảng và giáo án chi tiết. Các hồ sơ này đều được tổ bộ môn thẩm định và phê duyệt chặt chẽ, đảm bảo tính khoa học và thực tiễn (2.4.03-Thời khóa biểu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; Hồ sơ giảng dạy năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025; 2.4.07-Sổ lên lớp năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025).

Về việc tuân thủ các quy định tổ chức đào tạo: Đội ngũ nhà giáo chấp hành nghiêm túc quy chế chuyên môn: đảm bảo giờ giấc lên lớp, ghi chép sổ đầu bài đầy đủ và tổ chức kiểm tra, đánh giá người học đúng tiến độ. Các trường hợp sai sót trong việc thực hiện quy chế được thanh tra kiểm tra báo cáo nhằm kịp thời chấn chỉnh. Việc đánh giá kết quả học tập (giữa kỳ, cuối kỳ) được thực hiện khách quan, công bằng và

tuân thủ chặt chẽ các quy định nội bộ cũng như quy chế đào tạo hiện hành của Nhà trường (2.1.07-Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2022 – 2025; 2.1.08-Bộ các chương trình đào tạo từng ngành nghề (Cao đẳng, Trung cấp); 2.4.04-Đề cương giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.05-Giáo án giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.4.06-Giáo trình giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.8.09-Quy chế đào tạo, Quy chế đánh giá điểm rèn luyện; Lịch thi kết thúc môn học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.7.06-Báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Về công tác giám sát và hỗ trợ chuyên môn: Hoạt động giám sát được thực hiện thường xuyên thông qua công tác dự giờ, kiểm tra giáo án và kiểm soát việc thực hiện quy chế chuyên môn của Phòng QLCL&NCKH. Kết quả từ các đợt kiểm tra, thao giảng được ghi nhận minh bạch, làm cơ sở quan trọng để đánh giá xếp loại chất lượng giảng dạy và bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhà giáo hằng năm (3.4.01-Kế hoạch hội giảng hàng năm; 3.2.11-Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hàng năm; 2.7.02-Kế hoạch dự giờ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024-2025; 2.7.03-Thông báo dự giờ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 – 2025; 2.7.04-Biên bản dự giờ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 – 2025; 1.2.08-Báo cáo tổng kết năm học 2022 - 2023, 2023 – 2024, 2024 – 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024, 2024 – 2025, 2025- 2026).

Về ứng dụng công nghệ trong giảng dạy: Nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, giảng viên tích cực ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm hỗ trợ vào giảng dạy lý thuyết cũng như thực hành mô phỏng. Nhà trường đã đầu tư mua sắm các phần mềm ứng dụng chuyên dụng, tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên đổi mới phương pháp dạy học theo hướng hiện đại (3.4.02-Các kế hoạch ứng dụng công nghệ trong giảng dạy 2023 – 2024, 2024 - 2025).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

đ) Tiêu chuẩn 3.5: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong những năm qua, Nhà trường luôn chú trọng vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo để đáp ứng yêu cầu giảng dạy, trong đó nhiệm vụ hàng đầu là tổ chức bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Do vậy, Nhà trường có nhiều chính sách khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, đổi mới phương pháp giảng dạy thông qua các quy định, quy chế được nhà trường xây dựng (3.5.01-Quy chế quản lý tài chính số 155/QĐ-CDCT ngày 06/02/2023; 3.5.02-Quy chế chi tiêu nội bộ số 168/QĐ-CDCT ngày 08/02/2023; số 186/QĐ-CDCT ngày 19/3/2024, số 784/QĐ-CDCT ngày 08/10/2024; số 68/QĐ-CDCT ngày 19/02/2025, số 336/QĐ-CDCT ngày 04/6/2025; 3.5.03-Bộ quy chế quản lý nội bộ của Nhà trường,

Quyết định số 615/QĐ-CDCT ngày 31/8/2018 về việc hỗ trợ cho viên chức có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3, Thông báo số 602/TB-CDCT ngày 01/11/2019 về việc khen thưởng cho viên chức, người lao động đạt chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế; Thông báo số 32/TB-CDCT ngày 17/01/2019 về việc hỗ trợ cho viên chức có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4).

Hàng năm, căn cứ nhu cầu học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ của nhà giáo giảng dạy, lãnh đạo các đơn vị tổng hợp nhu cầu và gửi về phòng Tổ chức - Hành chính, trình Hiệu trưởng phê duyệt và thực hiện kế hoạch học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo trên cơ sở điều kiện thực tế, nguồn kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường (3.5.04-Tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo của các đơn vị năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.2.11-Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nhà giáo: Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2022-2023 số 1277/KH-CDCT ngày 31/8/2022, Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2023 - 2024 số 1340/KH-CDCT ngày 25/8/2023; Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2024 - 2025 số 139/KH-CDCT ngày 27/8/2024).

Trong năm học 2022-2023, trường cử 261 lượt viên chức, người lao động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Trong đó, có 209/261 lượt nhà giáo được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng.

Trong năm học 2023-2024, trường cử 142 lượt viên chức, người lao động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Trong đó, có 123/142 lượt nhà giáo được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng.

Trong năm học 2024-2025, trường cử 214 lượt viên chức, người lao động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Trong đó, có 179/214 lượt nhà giáo được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng.

Sau mỗi đợt tham gia bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, nhà giáo đều báo cáo kết quả học tập với Trưởng đơn vị và nộp bằng cấp, chứng chỉ cho nhà trường (thông qua Phòng Tổ chức – Hành chính) để lưu hồ sơ viên chức, người lao động (3.2.12-Quyết định cử nhà giáo tham gia bồi dưỡng kèm danh sách tham gia bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Bên cạnh việc tự học tập, bồi dưỡng của nhà giáo, các đơn vị giảng dạy cũng thường xuyên tự tổ chức sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, đã giúp cho nhà giáo nâng cao trình độ về chuyên môn, phương pháp giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường (3.5.05-Biên bản kiểm tra, dự giờ của các đơn vị năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; Kế hoạch số 1410/KH-CDCT ngày 27/9/2022 về tổ chức dự giờ và kiểm tra đột xuất hoạt động giảng dạy năm học 2022-2023; Kế hoạch số 146/KH-CDCT ngày 12/9/2024 về đổi mới phương pháp dạy và học năm học 2024-2025; Kế hoạch số 129/KH-CDCT ngày 13/8/2024 về tổ chức dự giờ và đánh giá chất lượng tiết giảng năm học 2024-2025; Kế hoạch số 1740/KH-CDCT ngày 22/11/2022 về kiểm tra, đánh giá nội bộ hoạt động đào tạo giai đoạn 2019-2022; Kế hoạch số 90/KH-CDCT ngày 21/5/2024 về thanh kiểm tra nội bộ công tác đào tạo của trường;

2.7.02-Kế hoạch dự giờ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025; 2.7.03-Thông báo dự giờ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025; 2.7.04-Biên bản dự giờ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025).

Thực hiện yêu cầu đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung quan tâm đến việc đổi mới phương pháp giảng dạy của đội ngũ giảng viên. Các bộ môn, các khoa tổ chức dự giờ định kỳ giảng viên vào mỗi học kỳ, ít nhất 1 lần/người và tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp khoa mỗi năm học một lần. Ở cấp trường, mỗi năm học tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi một lần, để đánh giá và tôn vinh những giảng viên giỏi cấp cơ sở hàng năm, góp phần nâng cao hiệu quả sinh hoạt chuyên môn; đẩy mạnh các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong các đơn vị; khuyến khích, động viên, tạo cơ hội cho nhà giáo học tập, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm. Hội giảng cấp trường là cơ sở để Nhà trường lựa chọn các nhà giáo tham gia Hội giảng cấp Tỉnh, Bộ và toàn quốc, đó cũng là dịp để đội ngũ nhà giáo của Nhà trường được giao lưu, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm với các nhà giáo của các trường trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp. Hoạt động dự giờ và hội thi nhằm đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên và tiến cử giảng viên tham gia hội giảng cấp trường và các cấp cao hơn, đồng thời cũng là cơ hội học tập chuyên môn nghiệp vụ cho các giảng viên khác (3.5.06-Kế hoạch số 134/KH-CDCT ngày 03/02/2023 về tổ chức Hội giảng nhà giáo GDNN năm 2023; Kế hoạch số 132/KH-CDCT ngày 15/8/2024 về tham gia Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2024; 3.5.07-Danh sách nhà giáo tham gia hội giảng các cấp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.5.08-Các Quyết định khen thưởng, Bằng khen, Giấy khen cá nhân đạt giải tại hội giảng các cấp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Trong năm học 2022-2023, có 05 nhà giáo có tiết giảng giỏi cấp khoa, 07 nhà giáo có tiết giảng giỏi cấp trường và 05 nhà giáo có tiết giảng đạt giải tại hội giảng cấp tỉnh (3.5.09-Quyết định số 682/QĐ-CDCT ngày 26/4/2023 của Hiệu trưởng).

Trong năm học 2023-2024, có 02 nhà giáo có tiết giảng tại Hội thi giáo viên GDNN toàn quốc, trong đó 01 nhà giáo có tiết giảng đạt giải Khuyến khích, 01 nhà giáo có tiết giảng đạt (3.5.10-Quyết định số 928/QĐ-CDCT ngày 14/11/2024 của Hiệu trưởng).

Trong năm học 2024-2025, có 07 nhà giáo có tiết giảng tại Hội thi giáo viên GDNN giỏi cấp tỉnh, trong đó 02 nhà giáo đạt giải nhất, 02 nhà giáo đạt giải nhì và 03 nhà giáo có tiết giảng đạt giải Khuyến khích (3.5.11-Quyết định khen thưởng số 400/QĐ-CDCT ngày 30/6/2025 của Hiệu trưởng).

Hàng năm, Nhà trường có tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy của đội ngũ nhà giáo (1.2.07-Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị viên chức, người lao động năm 2022, 2023, 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023, 2024, 2025; 1.2.08-Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 3.5.12-Báo cáo công tác phát triển bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên năm

2023 số 2015/BC-CDCT ngày 27/11/2023, Báo cáo công tác phát triển bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên năm 2024 số 116/BC-CDCT ngày 31/12/2024).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về chính sách biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của nhà trường (*Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CDCT ngày 14/4/2023; số 134a/KH-CDCT ngày 20/8/2024; 95/KH-CDCT ngày 11/6/2025; Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CDCT ngày 28/7/2023; 72a/BC-CDCT ngày 25/9/2024; 37/BC-CDCT ngày 15/7/2025; Danh sách các đối tượng khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; Bộ phiếu khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

e) Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 28/2022/TT-BLĐ TBXH ngày 28/12/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Nhà trường xây dựng Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo (*Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo các Quyết định: số 1199/QĐ-CDCT ngày 01/8/2023, 852/QĐ-CDCT ngày 21/10/2024*), trong đó có quy định về việc nhà giáo đi thực tế tại các đơn vị sử dụng lao động nhằm cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất. Ngoài ra, Nhà trường xác định việc gắn kết giáo dục nghề nghiệp với các doanh nghiệp là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, là yếu tố cốt lõi trong xây dựng dạy nghề gắn liền yêu cầu thực tiễn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và xã hội (*Biên bản thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp [http://mitc.edu.vn /category/trung-tam-dich-vu/doanh-nghiep](http://mitc.edu.vn/category/trung-tam-dich-vu/doanh-nghiep)*).

Hàng năm, nhà giáo thực hiện đăng ký lịch thực tập, tên doanh nghiệp thực tập, bảng mô tả công việc gửi về Khoa. Căn cứ lịch đăng ký từ các nhà giáo, lãnh đạo khoa thực hiện xây dựng kế hoạch chi tiết cử nhà giáo đi thực tế tại doanh nghiệp và gửi lên phòng Tổ chức - Hành chính để trình Hiệu trưởng ra quyết định cử nhà giáo đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động; đơn vị sản xuất kinh doanh dịch vụ. Ngoài ra, các hoạt động tham quan doanh nghiệp, quản lý, hướng dẫn người học tại nơi thực tập, nhà giáo có cơ hội thâm nhập thực tế để rèn luyện kỹ năng nghề, bổ sung kinh nghiệm nghề nghiệp, cập nhật kiến thức, cập nhật công nghệ thực tiễn từ các mô hình sản xuất, quản lý mới để đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng sự phát triển và ứng dụng nhanh chóng của các công nghệ hiện đại từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Sau mỗi

đợt thực tập, nhà giáo đều có báo cáo kết quả thực tập, có ý kiến đánh giá kết quả của cán bộ tại đơn vị mà nhà giáo và người học đến thực tập. Đặc biệt, ý kiến đề xuất của các nhà giáo sau mỗi đợt thực tập góp phần điều chỉnh nội dung, phương pháp, phương tiện dạy nhằm trang bị cho người học năng lực, phẩm chất hoàn thiện và sự cập nhật quy trình sản xuất, các dịch vụ chăm sóc khách hàng để đáp ứng được thực tế sản xuất.

Trong năm học 2022-2023, có 74 nhà giáo được cử tham gia thực tế tại các doanh nghiệp. Trong năm học 2023-2024, có 85 nhà giáo được cử tham gia thực tế tại các doanh nghiệp và 73 nhà giáo được cử tham gia cập nhật công nghệ mới tại doanh nghiệp. Trong năm học 2024-2025, có 77 nhà giáo được cử tham gia thực tế tại các doanh nghiệp và 64 nhà giáo được cử tham gia cập nhật công nghệ mới tại doanh nghiệp (*Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo; Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo của các chương trình đào tạo năm 2023, 2024, 2025; Kế hoạch đi thực tế tại đơn vị sử dụng lao động của nhà giáo năm 2023, 2024, 2025; Quyết định cử nhà giáo đi thực tế tại đơn vị sử dụng lao động năm 2023, 2024, 2025; Báo cáo của nhà giáo sau khi đi thực tế tại đơn vị sử dụng lao động năm 2023, 2024, 2025; Báo cáo công tác phát triển bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên năm 2023 số 2015/BC-CDCT ngày 27/11/2023; Báo cáo công tác phát triển bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên năm 2024 số 116/BC-CDCT ngày 31/12/2024*).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo về thực hiện bồi dưỡng cho nhà giáo tại đơn vị sử dụng lao động (*1.5.19-Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CDCT ngày 14/4/2023; số 134a/KH-CDCT ngày 20/8/2024; 95/KH-CDCT ngày 11/6/2025; 1.5.20-Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CDCT ngày 28/7/2023; 72a/BC-CDCT ngày 25/9/2024; 37/BC-CDCT ngày 15/7/2025; 1.5.21-Danh sách VC-NLĐ khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 1.5.22-Bộ phiếu khảo sát VC-NLĐ*).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

f) Tiêu chuẩn 3.7: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. Đội ngũ viên chức, người lao động đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động định kỳ được bồi dưỡng, cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

** Ban Giám hiệu trường:*

Năm học 2022-2023, 2023-2024, Ban Giám hiệu trường có 4 thành viên, gồm 1 Hiệu trưởng và 3 Phó Hiệu trưởng. Năm học 2024-2025, Ban Giám hiệu trường có 3 thành viên, gồm 1 Quyền Hiệu trưởng và 2 Phó Hiệu trưởng (Năm 2023, bổ nhiệm mới 1 Phó Hiệu trưởng, bổ nhiệm lại 1 Phó Hiệu trưởng).

Đến thời điểm tháng 12/2025, Ban Giám hiệu Trường hiện có 2 thành viên gồm 1 Quyền Hiệu trưởng và 1 Phó Hiệu trưởng. Ban Giám hiệu nhà trường đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng: có phẩm chất đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng, đáp ứng điều kiện về chuyên môn, nghiệp vụ, có sức khỏe và năng lực, kinh nghiệm quản lý, điều hành hoạt động của nhà trường; cả 02 đồng chí đều có trình độ Tiến sĩ với chuyên ngành phù hợp với nhiệm vụ đào tạo của nhà trường; 02 đồng chí đều đã được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đủ thâm niên giảng dạy và thâm niên quản lý theo quy định (1.1.05- Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung ban hành kèm theo Quyết định số 957/QĐ-CDCT ngày 30/6/2022; 1.2.02- Quy chế làm việc của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung ban hành kèm theo Quyết định số 328/QĐ-CDCT ngày 25/5/2021 và Quyết định số 1119/QĐ-CDCT ngày 25/12/2024; 3.7.01-Danh sách trích ngang, hồ sơ Ban Giám hiệu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.7.02- Quyết định số 3168/QĐ-BCT ngày 16/8/2017 của Bộ Công Thương về việc bổ nhiệm ông Trần Kim Quyên giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa, Quyết định số 1555/QĐ-BCT ngày 03/8/2022 của Bộ Công Thương về việc bổ nhiệm lại Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung, Quyết định số 1269/QĐ-CDCT ngày 04/4/2016 của Bộ Công Thương về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa đối với ông Nguyễn Văn Đức, Quyết định số 1627/QĐ-BCT ngày 25/6/2021 của Bộ Công Thương về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung đối với ông Nguyễn Văn Đức, Quyết định số 428/QĐ-CDCT ngày 31/01/2018 của Bộ Công Thương về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa đối với bà Nguyễn Thị Kim Ngọc, Quyết định số 469/QĐ-CDCT ngày 27/02/2023 của Bộ Công Thương về việc bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung, Quyết định số 1055/QĐ-CDCT ngày 28/4/2023 của Bộ Công Thương về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung, Quyết định số 2046/QĐ-BCT ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao Quyền Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung).

Cơ cấu Ban Giám hiệu hợp lý, có sự phân công rõ ràng nhiệm vụ của các đồng chí trong Ban Giám hiệu. Quyền hạn và trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường được quy định cụ thể trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường (tại Điều 7, 8). Việc phân công nhiệm vụ của các thành viên lãnh đạo trường được thể hiện bằng văn bản cụ thể do Hiệu trưởng ký ban hành (3.7.03-Quyết định phân công công tác đối với Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng: số 300/QĐ-CDCT ngày 13/5/2021, 799/QĐ-CDCT ngày 18/5/2023). Sự phân công rõ ràng về quyền hạn và trách nhiệm đã tạo điều kiện cho các thành viên Ban Giám hiệu phát huy năng lực và tính chủ động, sáng tạo trên từng lĩnh vực công tác được giao, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành các hoạt động của nhà trường.

Ban Giám hiệu nhà trường có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ quản lý; thực hiện tốt quyền hạn và trách nhiệm trong công tác quản lý (3.7.04-Nhận xét, đánh giá cán bộ của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng năm 2023, 2024; 3.7.05-Biên bản họp của BCH Đảng uỷ năm 2023, 2024, 2025; 3.7.06-Quyết định thi đua khen thưởng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.7.07-Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng các cấp đối với các đồng chí trong BGH năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

** Cán bộ quản lý*

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đều đạt và vượt chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ khi bổ nhiệm cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc Trường căn cứ vào Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng, Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường và Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo của trường. Các chức vụ lãnh đạo quản lý đơn vị trực thuộc trường do Hiệu trưởng bổ nhiệm theo thẩm quyền, riêng Kế toán trưởng được Bộ Công Thương bổ nhiệm và bổ nhiệm lại (3.7.08-Quyết định số 3029/QĐ-BCT ngày 21/7/2016 của Bộ Công Thương bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa, Quyết định số 2496/QĐ-BCT ngày 09/11/2021 của Bộ Công Thương về việc bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng trường Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung; 3.7.09-Công văn số 3639/BCT-TCCB ngày 21/5/2025 của Bộ Công Thương về việc công tác cán bộ; 3.7.10-Quyết định số 311/QĐ-CDCT ngày 23/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung về việc giao Phụ trách kế toán).

- Về bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý:

Năm 2023, bổ nhiệm 4 trưởng phó đơn vị, thôi giữ chức vụ 2 trưởng phó đơn vị; năm 2024, bổ nhiệm 7 trưởng phó đơn vị, bổ nhiệm lại 02 trưởng phó đơn vị, thôi giữ chức vụ 1 trưởng đơn vị; nửa đầu năm 2025, bổ nhiệm lại 7 trưởng bộ môn.

- Về số lượng và trình độ chuyên môn cán bộ quản lý: Năm học 2022-2023, nhà trường có 42 cán bộ quản lý, trong đó có 4 thành viên Ban Giám hiệu, 22 trưởng phó đơn vị và 16 trưởng bộ môn, tổ trưởng tổ chuyên môn; có 10 tiến sĩ, 30 thạc sĩ, 2 đại học. Năm học 2023-2024, nhà trường có 43 cán bộ quản lý, trong đó có 4 thành viên Ban Giám hiệu, 22 trưởng phó đơn vị, 17 trưởng bộ môn, tổ trưởng tổ chuyên môn; có 11 tiến sĩ, 30 thạc sĩ, 2 đại học. Năm học 2024-2025, nhà trường có 42 cán bộ quản lý, trong đó có 3 thành viên Ban Giám hiệu, 22 trưởng phó đơn vị, 17 trưởng bộ môn, tổ trưởng tổ chuyên môn; về trình độ cán bộ quản lý: có 10 tiến sĩ, 30 thạc sĩ, 2 đại học.

Nhà trường luôn tạo điều kiện cho cán bộ quản lý thực hiện các nghĩa vụ và quyền hạn theo khoản 1 Điều 15, khoản 6 Điều 16, khoản 1 Điều 17 Điều lệ Trường cao đẳng, quy định cụ thể các nghĩa vụ và các quyền của cán bộ quản lý tại Điều 10, Điều 11, Điều 13 Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

Định kỳ, nhà trường tổ chức họp giao ban 01 lần/tháng. Trước mỗi cuộc họp, lãnh đạo các đơn vị tiến hành đánh giá kết quả đã thực hiện và đề ra kế hoạch dự kiến cho tháng tiếp theo. Tại cuộc họp, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của cán bộ quản lý từng đơn vị, kịp thời giải quyết các vấn đề các đơn vị gặp vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Hàng năm, trường đều có báo cáo tổng kết năm học và đề ra phương hướng năm học tiếp theo. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức Hội nghị viên chức, người lao động hàng năm trên cơ sở tổng hợp Hội nghị viên chức, người lao động các đơn vị trực thuộc, từ đó đánh giá được mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao của cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc.

Tất cả cán bộ quản lý có phẩm chất chính trị và năng lực điều hành, quản lý tốt và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Qua kết quả đánh giá, xếp loại và bình xét thi đua hàng năm, 100% cán bộ quản lý đạt danh hiệu lao động tiên tiến; nhiều lượt cán bộ quản lý đạt các danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, chiến sĩ thi đua Bộ Công Thương, được tặng bằng khen của Bộ Công Thương, của Công đoàn các cấp, giấy khen của Hiệu trưởng,...

- Về kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý:

Trong năm học 2022-2023, trong 42 cán bộ quản lý, có 24/42 (57.14%) cán bộ quản lý được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 18/42 (42.86%) cán bộ quản lý được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, 0/42 (0%) cán bộ quản lý được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ; 0/42 (0%) cán bộ quản lý được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; 0/42 (0%) cán bộ quản lý không đánh giá xếp loại. 42/42 (100%) cán bộ quản lý đạt danh hiệu lao động tiên tiến, 20/42 (47.62%) cán bộ quản lý đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở. (1.2.09-Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trực thuộc năm học 2022-2023; 3.7.11-Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng năm học 2023-2024 số 1193/QĐ-CDCT ngày 31/7/2023; 3.7.12-Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động năm học 2023-2024 số 1182/TB-CDCT ngày 28/7/2023).

Trong năm học 2023-2024, trong 43 cán bộ quản lý, có 20/43 (46.51%) cán bộ quản lý được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 23/43 (53.49%) cán bộ quản lý được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, 0/43 (0%) cán bộ quản lý được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ; 0/43 (0%) cán bộ quản lý được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; 0/43 (0%) cán bộ quản lý không đánh giá xếp loại. 43/43 (100%) cán bộ quản lý đạt danh hiệu lao động tiên tiến, 20/43 (46.51%) cán bộ quản lý đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở (1.2.10-Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trực thuộc năm học 2023-2024; 3.7.13-Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng năm học 2023-2024 số 576/QĐ-CDCT ngày 24/7/2024; 3.7.14-Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động năm học 2023-2024 số 92/TB-CDCT ngày 05/7/2024).

Trong năm học 2024-2025, trong 42 cán bộ quản lý, có 10/42 (23.8%) cán bộ quản lý được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 29/42 (69.06%) cán bộ quản lý được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, 1/42 (2.38%) cán bộ quản lý được đánh giá

hoàn thành nhiệm vụ; 0/42 (0%) cán bộ quản lý được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; 2/42 (4.76%) cán bộ quản lý không đánh giá xếp loại. 39/42 (92.86%) cán bộ quản lý đạt danh hiệu lao động tiên tiến, 10/42 (23.8%) cán bộ quản lý đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở (1.2.11-Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trực thuộc năm học 2024-2025; 3.7.15-Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng năm học 2024-2025 số 437/QĐ-CDCT ngày 24/7/2025; 3.7.16-Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động năm học 2024-2025 số 76/TB-CDCT ngày 24/7/2025; 3.7.17-Danh sách trích ngang của đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.7.18-Hồ sơ cán bộ của đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

** Viên chức, người lao động*

Nhà trường có đội ngũ viên chức, người lao động đảm bảo đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng tốt công việc được giao. Trong năm học 2022-2023, trường có 170 viên chức, người lao động, trong đó, 13 tiến sĩ, 103 thạc sĩ, 41 đại học, 4 cao đẳng và 9 trình độ khác, trình độ sau đại học chiếm 116/170 người, đạt 68.24%. Trong năm học 2023-2024, trường có 168 viên chức, người lao động, trong đó, 13 tiến sĩ, 100 thạc sĩ, 42 đại học, 4 cao đẳng và 9 trình độ khác, trình độ sau đại học chiếm 113/168 người, đạt 67.26%. Trong năm học 2024-2025, trường có 171 viên chức, người lao động, trong đó, 13 tiến sĩ, 99 thạc sĩ, 45 đại học, 4 cao đẳng và 10 trình độ khác, trình độ sau đại học chiếm 112/171 người, đạt 65.5% (3.7.19-Danh sách trích ngang đội ngũ viên chức, người lao động của trường năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.7.20-Hồ sơ đội ngũ viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

** Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, viên chức người lao động*

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch cử cán bộ quản lý, viên chức và người lao động đi đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia Hội thảo, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ. Trong năm học 2022-2023, trường cử 261 lượt viên chức, người lao động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, trong đó, có 161/261 lượt viên chức và nhân viên phục vụ, thừa hành và 100/261 lượt cán bộ quản lý được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng. Trong năm học 2023-2024, trường cử 142 lượt viên chức, người lao động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, trong đó, có 97/142 lượt viên chức và nhân viên phục vụ, thừa hành và 45/142 lượt cán bộ quản lý được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng. Trong năm học 2024-2025, trường cử 214 lượt viên chức, người lao động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, trong đó, có 98/214 lượt viên chức và nhân viên phục vụ, thừa hành và 103/214 lượt cán bộ quản lý được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng (3.7.21-Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2022-2023 số 1277/KH-CDCT ngày 31/8/2022; 3.7.22-Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2023 - 2024 số 1340/KH-CDCT ngày 25/8/2023; 3.7.23-Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2024 - 2025 số 139/KH-CDCT ngày 27/8/2024; 3.7.24-Quyết định kèm danh sách cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của trường được cử đi học tập, bồi dưỡng

nâng cao trình độ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.7.25-Văn bằng, chứng chỉ, báo cáo kết quả của cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được cử đi học tập, bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 3.7.26-Phiếu nhận xét, đánh giá cán bộ, viên chức và người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 1.2.07-Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị viên chức, người lao động năm 2022, 2023, 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023, 2024, 2025; 1.2.08-Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 1.2.09-Báo cáo tổng kết của các đơn vị trực thuộc năm học 2022-2023; 1.2.10-Báo cáo tổng kết của các đơn vị trực thuộc năm học 2023-2024; 1.2.11-Báo cáo tổng kết của các đơn vị trực thuộc năm học 2024-2025; 3.5.12-Báo cáo công tác phát triển bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên năm 2023 số 2015/BC-CDCT ngày 27/11/2023; Báo cáo công tác phát triển bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên năm 2024 số 116/BC-CDCT ngày 31/12/2024).

Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của cán bộ, viên chức, người lao động về công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, viên chức, người lao động của nhà trường (1.5.19-Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CDCT ngày 14/4/2023; số 134a/KH-CDCT ngày 20/8/2024; 95/KH-CDCT ngày 11/6/2025; 1.5.20-Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CDCT ngày 28/7/2023; 72a/BC-CDCT ngày 25/9/2024; 37/BC-CDCT ngày 15/7/2025; 1.5.21-Danh sách VC-NLĐ khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 1.5.22-Bộ phiếu khảo sát VC-NLĐ).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình đào tạo, giáo trình

*** Mở đầu:**

Nhà trường tuyển sinh đào tạo 29 ngành trình độ cao đẳng, 27 ngành trình độ trung cấp, việc xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT) được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH. 100% CTĐT của Trường đã được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN. Các CTĐT của Trường đảm bảo thực hiện các yêu cầu và cấu trúc, mục tiêu theo hướng thực hành ứng dụng nghề nghiệp. Việc xây dựng CTĐT được thực hiện thông qua các Hội đồng xây dựng CTĐT từng ngành do đội ngũ giáo viên các khoa thực hiện được thẩm định bởi hội đồng thẩm định, có sự tham gia của doanh nghiệp. Chương trình được xây dựng theo hướng liên thông hợp lý giữa các cấp trình độ. Các môn học tự chọn trong mỗi ngành, nghề, hàng năm sẽ được đề xuất thay đổi cho phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường lao động cũng như điều kiện cụ thể của Trường.

Trên cơ sở các CTĐT đã ban hành, nhà trường xây dựng kế hoạch biên soạn tài liệu giảng dạy dùng chung cho tất cả các ngành đào tạo. Việc chỉnh sửa bổ sung, điều chỉnh CTĐT còn dựa trên cơ sở tham khảo các ý kiến phản hồi từ các sở ngành, các

danh nghiệp, các nhà giáo,...Để đảm bảo đa dạng hóa và có đủ giáo trình và tài liệu giảng dạy dùng chung cho tất cả các học phần thuộc CTĐT, nhà trường đã tiến hành thẩm định giáo trình ngoài để bổ sung giáo trình chưa biên soạn kịp. Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử với hơn 50.000 tài liệu số hóa nhằm bổ sung thư viện truyền thống giúp người học thuận tiện cho việc tham khảo tài liệu mọi lúc, mọi nơi.

*** Những điểm mạnh:**

Tất cả các ngành đào tạo của Trường được biên soạn, thẩm định và được Bộ LĐTBXH cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN. Các CTĐT của trường đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định, được cập nhật, bổ sung theo định kỳ trên cơ sở góp ý của các doanh nghiệp đảm bảo tính liên thông. Có đầy đủ giáo trình và tài liệu giảng dạy thông qua việc biên soạn và thẩm định giáo trình ngoài.

Trong năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025, nhà trường điều chỉnh và xây dựng 07 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng và 07 chương trình trình độ trung cấp đối với các ngành, nghề trọng điểm nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển lao động trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, ứng dụng các công nghệ quản lý, sản xuất mới vào các nghề đang có nhu cầu cao trong xã hội.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tăng cường xây dựng bộ tiêu chí, biểu mẫu góp ý chương trình đào tạo, giáo trình giúp cán bộ, giáo viên, HSSV và các doanh nghiệp thuận tiện trong đóng góp xây dựng chương trình gần với thực tiễn, phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp.

Năm 2025 tiếp tục rà soát, biên soạn mới chương trình và cập nhật giáo trình đảm bảo đáp ứng thực tiễn nghề nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|-----------------------------|-------------------------|
| Tiêu chí 1 | 14 |
| Tiêu chuẩn 1 | 2 |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 |
| Tiêu chuẩn 3 | 2 |
| Tiêu chuẩn 4 | 2 |
| Tiêu chuẩn 5 | 2 |
| Tiêu chuẩn 6 | 2 |
| Tiêu chuẩn 7 | 2 |

a) Tiêu chuẩn 4.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung luôn chú trọng công tác xây dựng và quản lý chương trình đào tạo (CTĐT) như một yếu tố then chốt để khẳng định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường đã ban hành và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO QT-ĐT-01 về xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo. Quy trình này đảm bảo mọi hoạt động từ khâu khảo sát nhu cầu, soạn thảo đến thẩm định và ban hành đều được kiểm soát chặt chẽ, khoa học (*4.1.01-Quy trình ISO QT-ĐT-01 xây dựng chương trình đào tạo, Thông tư 01/2024/BLĐTBXH quy định quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo*).

Việc xây dựng CTĐT trình độ Cao đẳng và Trung cấp được thực hiện nghiêm túc theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH và cập nhật kịp thời theo Thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH. Các chương trình đều đảm bảo đúng danh mục ngành nghề, có đầy đủ hồ sơ biên soạn và được Hiệu trưởng phê duyệt ban hành theo đúng thẩm quyền (*1.2.03-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 34/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 27/4/2018; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34a/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 30/10/2019; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34b/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 11/01/2021; 1.2.04-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 58/2021/GCNĐKBS-TCGDN ngày 23/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 58a/2021/GCNĐKBS-TCGDN ngày 05/4/2023; 1.2.05-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 41/2023/GCNĐKBS-TCGDN ngày 12/6/2023; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 41b/2023/GCNĐKBS-TCGDN ngày 26/4/2024 do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp*).

Quy trình triển khai của Nhà trường đảm bảo tính khách quan và thực tiễn qua các bước:

- Thành lập Ban biên soạn và Hội đồng thẩm định: Thành phần bao gồm các nhà giáo, cán bộ quản lý và đặc biệt là sự tham gia của đại diện đơn vị sử dụng lao động. Sự phối hợp này giúp CTĐT bám sát chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng mà doanh nghiệp đang tìm kiếm.

- Thẩm định và phê duyệt: Hội đồng thẩm định chú trọng đánh giá tính khoa học, khối lượng kiến thức và tính liên thông giữa các trình độ. Mọi ý kiến đóng góp được ghi nhận qua biên bản thẩm định trước khi Hiệu trưởng ký quyết định ban hành chính thức cho các khóa học.

- Cập nhật và điều chỉnh: Thực hiện đúng Quy trình ISO QT-ĐT-01, hàng năm Nhà trường tổ chức rà soát lại toàn bộ CTĐT. Việc điều chỉnh dựa trên kết quả các hội thảo xin ý kiến từ doanh nghiệp, giảng viên và kết quả giám sát chất lượng nội bộ nhằm đáp ứng kịp thời sự thay đổi của công nghệ và xu thế hội nhập (*4.1.02-Quyết định thành lập Ban biên soạn chương trình đào tạo các ngành nghề năm 2022 – 2025; 4.1.03-Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 4.1.04-Biên bản họp của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 4.1.05-Kế hoạch cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo*).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

b) Tiêu chuẩn 4.2: Trường ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo mà trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung luôn đảm bảo tính pháp lý trong mọi hoạt động giáo dục nghề nghiệp thông qua việc đăng ký và cập nhật kịp thời các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động. Từ nền tảng ban đầu theo Giấy chứng nhận số 201/2017/GCNĐKHHĐ-TCĐN (gồm 25 ngành Cao đẳng và 20 ngành Trung cấp), Nhà trường đã thực hiện cấp đổi theo tên trường mới vào năm 2018. Đặc biệt, nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, ngày 23/6/2021, Nhà trường đã mở rộng quy mô đào tạo lên 29 ngành trình độ Cao đẳng và 27 ngành trình độ Trung cấp theo Giấy chứng nhận số 58/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN. Việc ban hành các chương trình đào tạo (CTĐT) tương ứng luôn được thực hiện đồng bộ, đúng quy định ngay sau khi được cấp phép hoạt động (*1.2.03-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 34/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 27/4/2018; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34a/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 30/10/2019; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34b/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 11/01/2021; 1.2.04-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 58/2021/GCNĐKBS-TCGDN ngày 23/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 58a/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 05/4/2023; 1.2.05-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 41/2023/GCNĐKBS-TCGDN ngày 12/6/2023; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 41b/2023/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 26/4/2024 do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp*).

Về xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, Nhà trường đã thiết lập quy trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo chặt chẽ thông qua việc thành lập các Hội đồng thẩm định chuyên môn cho từng ngành/nghề. Kết quả là 100% các CTĐT đã được cấp phép đều có chuẩn đầu ra đi kèm, đảm bảo cấu trúc toàn diện về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm (*2.1.08-Bộ các chương trình đào tạo từng ngành nghề (Cao đẳng, Trung cấp); 4.1.02-Quyết định thành lập Ban biên soạn chương trình đào tạo các ngành nghề năm 2022 – 2025; 2.1.07-Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2022 - 2025*).

Điểm nổi bật là Nhà trường không chỉ chú trọng chuyên môn mà còn chuẩn hóa các kỹ năng bổ trợ bắt buộc để tăng khả năng thích nghi của học sinh, sinh viên (HSSV). Về Tin học, toàn bộ HSSV tốt nghiệp phải đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT. Về Ngoại ngữ, Sinh viên Cao đẳng phải đạt trình độ tối thiểu TOEIC 350-400 hoặc năng lực ngoại ngữ Bậc 2 (A2) theo khung 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT) (*4.2.01-Quy định về chuẩn đầu ra Tin học, Ngoại ngữ*).

Về công khai, minh bạch thông tin: Nhà trường thực hiện nghiêm túc trách nhiệm giải trình và công khai chất lượng đào tạo. Hệ thống CTĐT và CDR được công bố rộng rãi đến HSSV ngay từ thời điểm nhập học thông qua các buổi sinh hoạt đầu khóa. Đồng thời, toàn bộ dữ liệu này được đăng tải thường xuyên và đầy đủ trên website đào tạo của Nhà trường (4.2.02-<http://daotao.mitc.edu.vn>), giúp HSSV, phụ huynh và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, giám sát.

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

c) Tiêu chuẩn 4.3: Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện theo Thông tư số 12/2017/TT-BLĐT BXH ngày 20/4/2017 về quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực cho trình độ trung cấp và cao đẳng và Thông tư số 04/2023/TT-BLĐT BXH ngày 15/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐT BXH, Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung đảm bảo tất cả các chương trình đào tạo (CTĐT) đang triển khai đều đáp ứng đầy đủ quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp (4.3.01-*Thông tư số 12/2017/TT-BLĐT BXH ngày 20/4/2017 về quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực cho trình độ trung cấp và cao đẳng và Thông tư số 04/2023/TT-BLĐT BXH ngày 15/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐT BXH*; Chuẩn đầu ra các ngành học giai đoạn 2022-2025).

Việc áp dụng các Thông tư này trong quy trình xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra đảm bảo rằng các CTĐT trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng của trường luôn chuẩn hóa về mục tiêu, thời gian đào tạo và các môn học/mô-đun bắt buộc.

Chuẩn đầu ra (CDR) của tất cả các ngành, nghề được xây dựng một cách khoa học, thể hiện chi tiết qua chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Mục tiêu đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của Nhà trường và yêu cầu thực tiễn của ngành, nghề, gắn liền với các vị trí việc làm cụ thể sau tốt nghiệp. (2.1.07-*Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2022 – 2025*; 2.1.08-*Bộ các chương trình đào tạo từng ngành nghề (Cao đẳng, Trung cấp)*; 2.1.09-*Chuẩn đầu ra các ngành học giai đoạn 2022-2025*; 4.2.02-<http://daotao.mitc.edu.vn>; 4.3.02-*Bảng đối sánh chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia Việt Nam*).

Nhà trường thực hiện công khai 100% chuẩn đầu ra trên hệ thống Website của trường (4.2.02-<http://daotao.mitc.edu.vn>) để các bên liên quan dễ dàng tra cứu và giám sát. Để đảm bảo chuẩn đầu ra luôn tiệm cận với nhu cầu thị trường, hàng năm Nhà trường tổ chức các cuộc khảo sát, lấy ý kiến từ chuyên gia tại các doanh nghiệp, cơ sở

y tế và cán bộ quản lý về mức độ đáp ứng năng lực của người học tốt nghiệp. Kết quả rà soát, thanh tra nội bộ cho thấy các chuẩn đầu ra của Trường luôn đảm bảo tính hệ thống, thực tiễn và phù hợp với tiêu chuẩn nghề nghiệp hiện hành (4.2.03-Bộ hồ sơ thể hiện kết quả rà soát quy định về nội dung, tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát trong trường năm 2023 - 2024, 2024 – 2025).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

d) Tiêu chuẩn 4.4: Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công Thương Miền Trung xác định việc định kỳ rà soát và cải tiến chương trình đào tạo (CTĐT) là nhiệm vụ trọng tâm nhằm duy trì chất lượng giáo dục và đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động. Giai đoạn từ năm 2023 đến nay, Nhà trường đã thiết lập lộ trình cập nhật CTĐT cho tất cả các ngành nghề theo hướng hiện đại hóa và hội nhập.

Từ năm học 2023-2024 đến nay, công tác rà soát được thực hiện quyết liệt đối với cả trình độ Cao đẳng và Trung cấp. Nhà trường đã tiến hành đánh giá lại toàn bộ nội dung giảng dạy của các ngành nghề chủ chốt và các ngành mới đưa vào đào tạo như: Thương mại điện tử, Kỹ thuật chế biến món ăn. Việc rà soát này nhằm đảm bảo nội dung đào tạo không chỉ đúng quy định pháp lý mà còn tương thích với thực tế sản xuất và kinh doanh hiện nay (4.1.05-Kế hoạch cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo).

Về phương thức cải tiến và tiếp cận công nghệ: Quá trình điều chỉnh chương trình được thực hiện bài bản thông qua các hoạt động chuyên môn sâu. Nhà trường chủ động tham khảo các CTĐT nghề chuyển giao từ nước ngoài đã được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp công khai, bám sát chuẩn đầu ra đã được Bộ ban hành, tham vấn ý kiến của doanh nghiệp thông qua khảo sát ý kiến hàng năm và trong quá trình triển khai xây dựng, điều chỉnh CTĐT. Điều này giúp giảng viên tiếp cận được với các quy trình công nghệ tiên tiến, từ đó vận dụng bổ sung kiến thức và điều chỉnh nội dung thực hành cho 100% các chương trình hiện có (4.1.02-Quyết định thành lập Ban biên soạn chương trình đào tạo các ngành nghề năm 2022 – 2025; 4.1.03-Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 2.1.07-Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2022 - 2025).

Hoạt động cập nhật CTĐT qua các năm tập trung mạnh vào việc đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới nhất vào chương trình, giúp người học sau khi tốt nghiệp có năng lực thực chiến cao, đáp ứng đúng yêu cầu của các doanh nghiệp tại địa phương và khu vực miền Trung - Tây Nguyên (4.1.05-Kế hoạch cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo; 2.1.07-Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2022 - 2025).

Ngoài ra, Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện để đội ngũ giảng viên nghiên cứu các xu hướng phát triển ngành nghề trên thế giới, từ đó có báo cáo kết quả

rà soát và đề xuất các bảng liệt kê thông tin cập nhật, cải tiến chất lượng CTĐT một cách thiết thực (3.2.11-Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2022-2023 số 1277/KH-CDCT ngày 31/8/2022, Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2023 - 2024 số 1340/KH-CDCT ngày 25/8/2023, Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2024 - 2025 số 139/KH-CDCT ngày 27/8/2024; 3.2.12-Quyết định cử nhà giáo tham gia đào tạo bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023 – 2024, 2024 – 2025; 3.6.05-Báo cáo của nhà giáo sau khi đi thực tế tại đơn vị sử dụng lao động năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

d) Tiêu chuẩn 4.5: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo có sự tham gia của chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo và các bên liên quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp gồm 29 ngành cao đẳng và 27 ngành trung cấp, trong đó cao đẳng: 505 mô đun, môn học; trung cấp: 307 mô đun, môn học. Việc xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo theo thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 19 tháng 02 năm 2024. Khi tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình của từng ngành, nghề nhà trường ban hành các tiêu chí và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng trong quá trình xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo.

Giáo trình là một trong những yếu tố giúp công tác dạy và học đạt kết quả cao. 100% giáo trình đào tạo được xây dựng đều bám sát chương trình đào tạo được Nhà trường phê duyệt, sử dụng. Giáo trình các môn học, mô đun được xây dựng có hệ thống, đảm bảo chất lượng. Trong quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo thành phần không chỉ có cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường mà còn có sự tham gia của doanh nghiệp. Đội ngũ xây dựng giáo trình có trình độ cao, có thâm niên giảng dạy và có kỹ năng nghề nghiệp. Vì vậy, giáo trình của các nghề đang đào tạo được xây dựng theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức (1.4.01-Quyết định ban hành bộ quy trình iso; 1.4.02-Bộ quy trình và biểu mẫu <http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015>; 4.5.01-Quy trình xây dựng chọn lựa thẩm định giáo trình giảng dạy; 4.5.02-Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn giáo trình; 4.5.03-Biên bản họp khoa chuyên môn về việc chỉnh sửa nội dung giáo trình; 4.5.04-Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu giáo trình; 4.5.05-Quyết định công nhận giáo trình giảng dạy; 4.5.06-Danh mục giáo trình giảng dạy áp dụng cho trình độ cao đẳng, trung cấp).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

e) Tiêu chuẩn 4.6: Trường ban hành đầy đủ giáo trình các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo và phù hợp với phương pháp dạy học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã ban hành quy định biên soạn, thẩm định, lựa chọn và sử dụng giáo trình giảng dạy trình độ trung cấp, cao đẳng theo quyết định số 525/QĐ-CDCT, ngày 17/9/2019. Do vậy, tất cả các giáo trình, tài liệu phục vụ công tác giảng dạy của Trường đều được nhà trường tổ chức lựa chọn, thẩm định và nghiệm thu trước khi Hiệu trưởng ban hành quyết định đưa vào sử dụng. Khi nghiệm thu, các thành viên hội đồng nghiệm thu giáo trình, tài liệu giảng dạy của Trường đều cho rằng các giáo trình và tài liệu giảng dạy của trường biên soạn đã cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo, phục vụ tốt cho việc giảng dạy các mô đun, môn học trong chương trình đào tạo (4.5.02-Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn giáo trình; 4.5.03-Biên bản họp khoa chuyên môn về việc chỉnh sửa nội dung giáo trình; 4.5.04-Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu giáo trình; 4.5.05-Quyết định công nhận giáo trình giảng dạy; 4.5.06-Danh mục giáo trình giảng dạy áp dụng cho trình độ cao đẳng, trung cấp)

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

g) Tiêu chuẩn 4.7: Các giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm nhà trường và các khoa chuyên môn đều tổ chức lấy ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên, người tốt nghiệp và đại diện doanh nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo. Kết quả lấy ý kiến được sử dụng cho việc chỉnh sửa nội dung giáo trình nhằm đáp ứng các yêu cầu cụ thể hoá về nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần đạt trong chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung chương trình đào tạo, phương pháp dạy học tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Phòng quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học dựa trên đề xuất của khoa chuyên môn theo định kỳ ban hành giáo trình, tài liệu giảng dạy nhằm đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo (1.5.19-Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CDCT ngày 14/4/2023; số 134a/KH-CDCT ngày 20/8/2024; 95/KH-CDCT ngày 11/6/2025; 1.5.20-Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CDCT ngày 28/7/2023; 72a/BC-CDCT ngày 25/9/2024; 37/BC-CDCT ngày 15/7/2025; 1.5.21-Danh sách VC-NLĐ khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 1.5.22-Bộ phiếu khảo sát VC-NLĐ; 2.4.20- Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2022-2023; 2.4.21- Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2022-2023; 2.4.22-Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2023-2024; 2.4.23-Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2023-2024; 2.4.24-Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2024-2025; 2.4.25-Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2024-2025; 2.4.26-Mẫu phiếu khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp; 4.5.02-Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn giáo trình; 4.5.03-Biên bản họp khoa chuyên môn về việc chỉnh sửa nội dung giáo trình;

4.5.04-Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu giáo trình; 4.5.05-Quyết định công nhận giáo trình giảng dạy).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

*** Mở đầu:**

Trường Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung có mặt bằng tổng thể với tổng diện tích là 156.037,5 m², gồm 2 cơ sở:

Địa điểm cơ sở 1: Số 261, đường Nguyễn Tất Thành - Phường Tuy Hòa - tỉnh Đắk Lắk (bao gồm Nhà khách và Ký túc xá), với diện tích 23.431,7 m²

Địa điểm cơ sở 2: Số 01, đường Nguyễn Hữu Thọ - Phường Tuy Hòa - tỉnh Đắk Lắk, với diện tích 130.605,8 m²

- Tổng diện tích các hạng mục đã xây dựng: 21.229 m²;
- Tổng diện tích cây xanh, mặt nước: 79.134 m²;
- Tổng diện tích sân đường nội bộ: 55.675 m²;

Diện tích hiện tại của nhà trường cao hơn diện tích tối thiểu đối với trường cao đẳng (40.000 m² đối với khu vực ngoài đô thị) theo quy định tại Điều 3, Nghị định 143/2016/NĐ-CP; Điều 5, Điều 6, Nghị định 140/2018/NĐ-CP và khoản 3, Điều 1, Nghị định 24/2022/NĐ-CP về điều kiện thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Trường có đầy đủ phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, các công trình phụ trợ, đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu, rèn luyện thể chất của nhà giáo và HSSV, học viên.

Trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và công tác chuyên môn của nhà trường tương đối đồng bộ, đa dạng về chủng loại, phù hợp với các nghề mà nhà trường đang đào tạo. Nhà trường có đủ hệ thống kho đảm bảo yêu cầu lưu trữ vật tư, dụng cụ thực hành cho các khoa.

Thư viện nhà trường được xây dựng 4 tầng với tổng diện tích sàn 2.405m², có đầy đủ trang thiết bị và tài liệu phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu của cán bộ, nhà giáo và người học, được trang bị phòng đọc Internet với các phần mềm quản lý, tra cứu và phần mềm dạy học trực tuyến.

*** Những điểm mạnh:**

- Địa điểm của Trường phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh Phú Yên cũ nay là tỉnh Đắk Lắk và mạng lưới cơ sở dạy nghề trong cả nước. Trường có diện tích rộng, có nền đất tốt, cao ráo không bị úng ngập, thiên nhiên ưu đãi, giao thông thuận tiện. Vị trí trường nằm ở Trung tâm (gần bến xe buýt, quanh trường hệ thống giao thông thoáng) thuận tiện cho việc đi lại của HSSV, cũng như công tác PCCC, CNCH của Trường.

- Mặt bằng tổng thể của Trường đã được quy hoạch phù hợp với Chiến lược phát triển trường, có khả năng mở rộng để đáp ứng yêu cầu phát triển trong tương lai.

Quy hoạch chi tiết tổng thể mặt bằng của trường có đủ các khối công trình, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đáp ứng nhu cầu hoạt động dạy nghề.

- Trường có qui hoạch tổng thể phát triển khoa học, đồng bộ. Các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành được đầu tư, xây dựng mới khang trang, trang thiết bị được đầu tư mua sắm mới hàng năm đảm bảo chất lượng, hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường.

*** Những tồn tại:**

Thiết bị đào tạo một số nghề chưa đáp ứng đủ 100% danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu theo quy định của Bộ LĐ - TB & XH.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Đầu tư mua sắm trang thiết bị theo hướng hiện đại phù hợp cho công tác đào tạo các ngành nghề trọng điểm theo chuẩn Quốc tế, khu vực và trong nước.

Huy động tối đa các nguồn lực thực hiện xây dựng cơ sở vật chất và đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|-----------------------------|-------------------------|
| Tiêu chí | 14 |
| Tiêu chuẩn 1 | 2 |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 |
| Tiêu chuẩn 3 | 2 |
| Tiêu chuẩn 4 | 2 |
| Tiêu chuẩn 5 | 0 |
| Tiêu chuẩn 6 | 2 |
| Tiêu chuẩn 7 | 2 |
| Tiêu chuẩn 8 | 2 |

a) Tiêu chuẩn 5.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, các phòng công năng khác đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học và các hoạt động khác của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung có hệ thống phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn với tổng diện tích đáp ứng được quy mô đào tạo của Nhà trường. Trường có 06 khu giảng đường với số phòng học lý thuyết là 104 phòng với tổng diện tích sàn 14.879 m². Số phòng học chuyên môn, xưởng thực hành và phòng thí nghiệm là 115 phòng với tổng diện tích 12.512 m², Khu nhà Hiệu bộ (1072 m²); Khu ký túc xá (3.880 m²); Thư viện (2.555 m²); Nhà ăn (306 m²); Trạm y tế (40 m²); Sân thể dục thể thao (5.000 m²), Sân và đường nội bộ (55.675 m²)

(5.1.01-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 5.1.02-Quyết định số 5424/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 về phê duyệt dự án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án: Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội; 5.1.03-Hồ sơ hoàn công Cơ sở 1 và Cơ sở 2; 5.1.04-Bản vẽ các hạng mục công trình; 5.1.05-Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường tại cơ sở 1 và cơ sở 2; 5.1.06-Bảng thống kê diện tích các hạng mục công trình, Bảng thống kê diện tích cây xanh).

Các phòng, xưởng thực hành đáp ứng nhu cầu đào tạo của từng nghề, đảm bảo HSSV có việc làm ngay khi ra trường, đáp ứng và cung cấp nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp trong nước. Các trang thiết bị phù hợp với yêu cầu đào tạo (5.1.07-Danh mục thiết bị theo từng nghề đào tạo; 5.1.08-Hồ sơ kiểm kê hàng năm 2023, 2024, 2025).

Nhà trường có quy chế sử dụng, quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ các công trình. Trong đó phân công cụ thể cho khoa chịu trách nhiệm sử dụng, quản lý từng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn (5.1.09-Quyết định ban hành quy định quản lý và sử dụng tài sản tại Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung). Nhà trường có kiểm tra, đánh giá tình hình quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất (5.1.10-Báo cáo quyết toán mua sắm thiết bị, sửa chữa các hạng mục năm 2024; 1.4.01- Quyết định ban hành quy trình ISO; 1.4.02- Bộ quy trình và biểu mẫu <http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015>).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến đối thoại của HSSV với các bộ phận chuyên môn, Ban giám hiệu về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường (5.1.11-Kế hoạch đối thoại giữa Hiệu trưởng với HSSV năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 – 2025; 5.1.12-Báo cáo kết quả đối thoại giữa Hiệu trưởng với HSSV hàng năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 – 2025; 2.4.13- Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2022-2023; 2.4.14- Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2022-2023; 2.4.15- Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2023-2024; 2.4.16- Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2023-2024; 2.4.17- Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2024-2025; 2.4.18- Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2024-2025; 2.4.19- Mẫu phiếu khảo sát HSSV).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

b) Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể các khuôn viên của trường phù hợp với công năng, bền vững về môi trường. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên Nhà trường đã được Bộ Công Thương phê duyệt, đảm bảo hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc, cảnh quan; bảo đảm chỉ giới quy hoạch, khoảng cách và các giải pháp ngăn cách hợp lý các công trình xây dựng trong và ngoài khuôn viên (5.1.01-Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất; 5.1.02-Quyết định số 5424/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 về phê duyệt dự án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án: Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội). Mặt bằng khuôn viên của Trường hiện nay gồm 2 cơ sở với tổng diện tích đất 156.037,5 m² (5.2.01-Danh sách các xí nghiệp gần trường; 5.2.02-Ảnh chụp 02 cơ sở của trường từ Google Maps; 5.2.03-Danh mục bản vẽ quy hoạch tổng thể phát triển trường).

Địa điểm Cơ sở 1 và cơ sở 2 của Trường vị trí của Trường tiếp giáp các trục đường lớn nên thuận tiện cho việc đi lại, học tập, giảng dạy của HSSV, giảng viên, cán bộ viên chức,... Xung quanh cơ sở I và cơ sở II không có nguồn phát ra tiếng ồn lớn, không có các điểm tụ họp đông người. Các giảng đường, phòng thí nghiệm và thực hành nằm sâu bên trong nên đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập. Vị trí nằm nơi cao ráo, không bị ngập úng. Kết cấu hạ tầng giao thông xung quanh đã được địa phương đầu tư hoàn chỉnh, mật độ giao thông các tuyến đường xung quanh không lớn nên an toàn.

Trường sử dụng nguồn điện do Công ty điện lực Đắk Lắk cung cấp, nguồn nước máy của Công ty cấp thoát nước Tuy Hòa vì vậy luôn đảm bảo nguồn điện cho hoạt động giảng dạy, học tập và nguồn nước sạch an toàn (5.2.04-Hóa đơn tiền điện, nước; 5.2.05-Sơ đồ hệ thống cấp thoát nước 2 cơ sở của Trường; 5.2.06-Sơ đồ hệ thống điện toàn trường tại cơ sở 1 và 2).

- Cụ thể hóa Đề án chiến lược phát triển của nhà trường đã đề ra, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, các yêu cầu về không gian, kiến trúc, kiểm soát kiến trúc, cảnh quan và những yêu cầu khác đối với từng khu vực thiết kế phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động đào tạo phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung.

- Đảm bảo đồng bộ các công trình học tập và nghiên cứu đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung, khớp nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung, đáp ứng các điều kiện về kỹ thuật (an toàn PCCC, khoảng cách ly, đấu nối điện, nước,...) để tổ chức thực hiện.

- Xây dựng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung trở thành một cơ sở giáo dục chất lượng cao, uy tín trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp, đủ năng lực đào tạo theo chuẩn khu vực và quốc tế, đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao cho hội nhập, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đồng thời, xây dựng và phát triển thành trường cao đẳng chất lượng cao, uy tín trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp, tiến hành đào tạo theo chuẩn khu vực và quốc tế. Đến năm 2035 trở thành một trong những trường có chất lượng hàng đầu khu vực ASEAN.

Đối với cơ sở 1 của Trường có diện tích cây xanh, lưu không: 8.901 m². Mặt trước giáp với vườn cây xanh giữa đường Nguyễn Tất Thành và đường giao thông nội

bộ nên luôn thoáng mát. Cơ sở 2 của Trường có diện tích cây xanh 70.233 m², được trồng nhiều cây xanh và cách khu rừng phòng hộ ven biển dưới 1 km nên không khí luôn trong lành, thoáng mát đảm bảo tốt điều kiện học tập của học sinh, sinh viên

Với diện tích đất, vị trí khu đất, kiến trúc xây dựng và mật độ cây xanh có diện tích là 35% tổng diện tích khu đất cơ sở 1 và 53,7% tổng diện tích khu đất cơ sở 2 đã làm cho Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung có một khung cảnh đẹp, môi trường sư phạm được đảm bảo (5.1.06-Bảng thống kê diện tích các hạng mục công trình, Bảng thống kê diện tích cây xanh).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

c) Tiêu chuẩn 5.3: Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các hạng mục khác phục vụ sinh hoạt cho người học, nhà giáo có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo, bảo đảm các yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đầy đủ các khối công trình chức năng theo yêu cầu của một trường cao đẳng chất lượng cao đảm bảo phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động khác của Trường (5.3.01-Quyết định phê duyệt dự án, bản vẽ quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên trường; 5.1.02-Quyết định số 5424/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 vv phê duyệt dự án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án: Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội; 5.3.02-Bảng thống kê phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa phục vụ đào tạo). Tất cả các dãy nhà, dãy phòng học đều có khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt và được khai thác đúng công năng, hiệu quả. Các công trình có đầy đủ hồ sơ xây dựng, thiết kế và đáp ứng được nhu cầu hoạt động của Trường theo quy định được liệt kê như sau:

* Cơ sở 1:

- Diện tích xây dựng: 12.865 m²

| STT | CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC | Số tầng | Diện tích | Diện tích | Ghi chú |
|-----------|---|---------|----------------------------|-----------------------|---------|
| | | | xây dựng (m ²) | sàn (m ²) | |
| I | Cơ sở I (25.431,7 m²) | | 12.865 | 19.323 | |
| a) | Khu trường | | | | |
| 1 | Nhà A1 (15 phòng) | 4 | 502 | 1.948 | |
| 2 | Nhà A2 (12 phòng) | 3 | 468 | 1337 | |
| 3 | Nhà A3 (12 phòng) | 3 | 453 | 1.359 | |

| | | | | | |
|-----------|------------------------------|---|-------|-------|--|
| 4 | Nhà thường trực | 1 | 20 | 20 | |
| 5 | Nhà B1 (22 phòng) | 3 | 371 | 1.072 | |
| 6 | Nhà B2 (16 phòng) | 5 | 442 | 2.405 | |
| 7 | Nhà C1 (23 phòng) | 5 | 570 | 1.889 | |
| 8 | Nhà C2 (16 phòng) | 4 | 457 | 1.529 | |
| 9 | Nhà C3 (20 phòng) | 5 | 457 | 1.894 | |
| 10 | Nhà xưởng động lực | 1 | 190 | 190 | |
| 11 | Nhà xưởng máy công cụ | 1 | 205 | 205 | |
| 12 | Phòng học chuyên ngành khoan | 1 | 113 | 113 | |
| 13 | Nhà để xe học sinh | 1 | 170 | 170 | |
| 14 | Nhà để xe CBVC | | 238 | 238 | |
| 15 | Nhà ăn | 1 | 306 | 306 | |
| 16 | Vườn khoan địa chất | 1 | | | |
| 17 | Vườn thực nghiệm | 1 | 900 | | |
| 18 | Sân bóng đá, bóng chuyền | 1 | 5.000 | | |
| b) | <i>Khu ký túc xá</i> | | | | |
| 19 | Ký túc xá K1 | 2 | 343 | 713 | |
| 20 | Ký túc xá K2 | 2 | 400 | 805 | |
| 21 | Ký túc xá K3 | 2 | 400 | 805 | |
| 22 | Ký túc xá K4 | 2 | 356 | 717 | |
| 23 | Nhà quản lý Ký túc xá | 1 | 120 | 120 | |
| c) | <i>Khu nhà khách</i> | | | | |
| 24 | Nhà khách | 5 | 384 | 1.488 | |

* Cơ sở 2:

- Diện tích xây dựng: 8.364 m²

| STT | CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC | Số tầng | Diện tích | Diện tích | Ghi chú |
|-----|---|---------|----------------------------|-----------------------|---------|
| | | | xây dựng (m ²) | sàn (m ²) | |
| | Cơ sở II | | 8.364 | 21.059 | |
| 1 | Nhà học lý thuyết và TN A1, A2, A3 (65 phòng) | 5 | 2.340 | 10.235 | |
| 2 | Xưởng thực hành B1, B2 | 3 | 2.400 | 7.200 | |

| | | | | | |
|---|---------------------------------|---|-------|-------|--|
| 3 | Khu nội trú học sinh (15 phòng) | 1 | 720 | 720 | |
| 4 | Nhà quản lý | 1 | 68 | 68 | |
| 5 | Trạm xử lý nước thải | 1 | 836 | 836 | |
| 6 | Nhà để xe học sinh | 1 | 2.000 | 2.000 | |

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Trường được thiết kế và thi công đồng bộ với khối các công trình giảng dạy và học tập, thực hành bảo đảm đáp ứng yêu cầu làm việc và các hoạt động đào tạo, thực nghiệm, thực hành của nhà trường theo quy chuẩn trường học như: đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy,.... Trong đó, hệ thống giao thông nội bộ, hệ thống điện cho nhà làm việc, các nhà xưởng thực hành, điện sinh hoạt và chiếu sáng được ưu tiên đảm bảo về mặt tiêu chuẩn thiết bị và chủng loại, đảm bảo cho quá trình học tập, thực hành, vận hành máy móc an toàn cho người sử dụng cũng như tài sản trong Trường (5.3.03-Danh mục thiết bị tại các phòng học).

Nhà trường đã khai thác triệt để tất cả công năng của các phòng học, đáp ứng được lưu lượng HSSV như hiện nay, việc bố trí các phòng học theo quy định của Nhà trường. Hằng năm, các khoa đều báo cáo về tình hình sử dụng các phòng thực hành của khoa mình (5.3.04-Bảng tổng hợp số giờ quản lý phòng học chuyên môn năm 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025). Các trang thiết bị hiện có của Nhà trường đáp ứng về mặt công nghệ, phù hợp với nhu cầu công nghệ tiên tiến trên thị trường. Nguyên tắc sử dụng các trang thiết bị của Nhà trường là thực hiện theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.

Các xưởng thực hành đều có nội quy xưởng, các thiết bị tại các phòng học chuyên môn của các đơn vị được bố trí theo sơ đồ (5.3.05-Bảng nội quy phòng học; 5.3.06-Nội quy xưởng thực hành). Trang thiết bị dụng cụ trong phòng, xưởng thực hành được bố trí hợp lý, gọn gàng, thuận tiện, lắp đặt chắc chắn, có lối đi đủ rộng thuận tiện cho việc đi lại, thao tác, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành cho cả lớp, nhóm và cá nhân học sinh với từng ngành nghề.

Nhằm duy trì công tác quản lý, tổ chức, sắp xếp cơ sở vật chất, thiết bị bảo đảm các yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường tại khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các hạng mục khác phục vụ sinh hoạt cho người học, nhà giáo, Nhà trường ban hành Bộ tiêu chí thực hiện 5S, thành lập Ban 5S và thực hiện kiểm tra định kỳ thường xuyên (5.3.07-Quyết định về việc kiện toàn Ban chỉ đạo 5S và Xanh hóa; 5.3.08-Quyết định ban hành bộ tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý theo tiêu chuẩn 5S và xanh hóa).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

d) Tiêu chuẩn 5.4: Các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp được trường xác định và triển khai, bao gồm cả các nhu cầu, các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật (nếu có) và không phân biệt đối xử về giới.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Với hơn 47 năm xây dựng và phát triển, nhiều hạng mục, công trình được cải tạo, sửa chữa và xây mới. Hiện nay, cơ sở vật chất của Nhà trường đã đảm bảo theo quy định đối với trường cao đẳng, yêu cầu đào tạo năng lực nghề nghiệp; tính thiết thực và hiện đại, phù hợp với kỹ thuật và công nghệ; kết hợp dạy kiến thức chuyên môn kỹ thuật với rèn luyện kỹ năng thực hành; phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường dạy nghề và điều kiện kinh tế- xã hội ở các địa phương. Đảm bảo các yêu cầu về điều kiện đất đai, các chỉ tiêu quy hoạch như quy định về quy hoạch xây dựng, có đủ các khối công trình phục vụ nhu cầu đào tạo và học tập.

Trường Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung có mặt bằng tổng thể với tổng diện tích là 156.037,5 m², gồm 2 cơ sở:

Địa điểm cơ sở 1: Số 261, đường Nguyễn Tất Thành - Phường Tuy Hòa - tỉnh Đắk Lắk (bao gồm Nhà khách và Ký túc xá), với diện tích 23.431,7 m²

Địa điểm cơ sở 2: Số 01, đường Nguyễn Hữu Thọ - Phường Tuy Hòa - tỉnh Đắk Lắk, với diện tích 130.605,8 m²

Nhà trường được UBND tỉnh Phú Yên cấp đất và đã xây dựng và phát triển theo định hướng chiến lược phát triển được Bộ Công Thương phê duyệt (*5.1.01-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 1.1.07-Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 ban hành kèm theo Quyết định số 959/QĐ-CDCT ngày 01/7/2022*). Vị trí xây dựng của Trường phù hợp với qui hoạch các điểm dân cư và mạng lưới trường nghề, đảm bảo tốt những điều kiện an toàn, yên tĩnh cho giảng dạy và học tập (Bản đồ khu vực đặt địa điểm Trường).

Cơ sở vật chất của Nhà trường được xây dựng trên cơ sở Quy hoạch tổng thể, đồng bộ mặt bằng khuôn viên Trường đã được Bộ Công Thương phê duyệt. Trường thuộc dự án đầu tư phát triển các trường Dạy nghề chất lượng cao (*5.4.01-Sử dụng vốn ODA của Chính phủ Pháp*) hiện nay được xây dựng đúng theo quy hoạch phê duyệt. Các xưởng thực hành, khu vực vệ sinh của nhà trường đều có hành lang, lối đi, cầu thang máy đảm bảo cho việc di chuyển đối với người khuyết tật (*5.4.02-Hồ sơ bản vẽ chi tiết mặt bằng các tòa nhà*).

Với mục tiêu xây dựng Nhà trường thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp "Xanh - Sạch - Đẹp", nhà trường đã có những kế hoạch và chiến lược cụ thể trong việc quy hoạch, xây dựng các giảng đường, khu làm việc, các xưởng thực hành hài hoà với không gian chung và đặc biệt ưu tiên quan tâm tới việc trồng cây xanh trong khuôn viên trường chính điều này đã tạo môi trường học tập, sinh hoạt, vui chơi an toàn, hấp dẫn hơn đối với học sinh, sinh viên, giúp các em càng thêm yêu quý trường lớp, thầy, cô và bạn bè. Trường học "Xanh - Sạch - Đẹp" còn có ý nghĩa thiết thực trong việc giáo dục học sinh, sinh viên ý thức, thói quen giữ gìn bảo vệ môi trường nơi trường học, gia đình và cộng đồng dân cư đồng thời góp phần từng bước hoàn thiện nhân cách tốt đẹp, lối sống văn minh cho thế hệ trẻ ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

Đến thời điểm hiện tại, diện tích cây xanh: 79.134 m². Hệ thống cây xanh, cây bóng mát, chậu hoa cây cảnh, thảm cỏ được định kỳ, thường xuyên chăm sóc, bổ sung

xanh mát quanh năm đảm bảo cảnh quan, môi trường làm việc và học tập của cán bộ, nhà giáo, HSSV “Xanh, Sạch, Đẹp”.

Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo của Nhà trường được đầu tư phát triển trường dạy nghề chất lượng cao đảm bảo hiện đại, đồng bộ và sử dụng hiệu quả năng lượng, thân thiện và bảo vệ môi trường.

Trường Cao đẳng công Thương miền Trung có môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường. Công tác an ninh trật tự được đảm bảo thường xuyên, Nhà trường phối hợp với Công an 2 địa phương và Công ty Bảo vệ Nhà trường để làm tốt công tác HSSV ngoại trú, duy trì trật tự khu vực và ngăn chặn các tệ nạn xã hội học đường (5.4.03-Hợp đồng giữa Nhà trường và Công ty Bảo vệ). Nhà trường phối hợp với Công an khu vực thực hiện phổ biến, tuyên truyền, nâng cao ý thức về trật tự, an toàn giao thông (ATGT) và phòng chống bạo lực học đường (5.4.04-Quyết Định phân loại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2023, 2024; 5.4.05-Quyết Định V/v công nhận cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn an ninh, trật tự” năm 2024).

Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm luôn được chú trọng để đảm bảo an toàn cho cán bộ, viên chức, người lao động và HSSV. Nhà ăn, căng tin thông thoáng, đủ ánh sáng. Có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn. Có thùng chứa để thu gom rác, thực phẩm, thức ăn thừa; các dụng cụ chứa đựng rác được làm bằng vật liệu chắc chắn, có nắp đậy và thuận tiện cho việc làm vệ sinh.

Vấn đề an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích luôn được Nhà trường quan tâm và chú trọng. Toàn bộ HSSV của trường được sống và học tập trong một môi trường an toàn. Quá trình xây dựng trường học an toàn đã có sự tham gia của tất cả HSSV, cán bộ, công nhân viên, người lao động và các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể của địa phương. Nhà trường đã bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần, trong đó, HSSV được bảo vệ, được đối xử công bằng, nhân ái; không bị bạo hành, xâm hại; môi trường giảm thiểu tối đa hoặc loại bỏ hoàn toàn các yếu tố nguy cơ gây tai nạn thương tích và ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý, sức khỏe tinh thần; HSSV được dễ dàng tiếp cận với môi trường xung quanh, được tạo điều kiện tốt nhất để phát triển toàn diện, phù hợp với độ tuổi, giới tính và khả năng của bản thân (5.4.06-Quyết Định ban hành Quy chế học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Công thương miền Trung).

Đối với công tác an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai được Nhà trường quan tâm đặc biệt, các phòng học thực hành và nhà xưởng đều có đầy đủ các trang thiết bị và phương tiện phòng cháy, chữa cháy đảm bảo an toàn theo quy định. Các bình chữa cháy được đặt tại các vị trí dễ quan sát, bên cạnh đều có tiêu lệnh chữa cháy. Nhà trường đã tổ chức tốt cho lực lượng PCCC của Nhà trường được tham gia tập huấn theo đúng kế hoạch của các cơ quan quản lý cấp trên. Định kỳ hằng năm, Cơ quan Cảnh sát PCCC về kiểm tra và đều đánh giá là Nhà

trường đã thực hiện tốt công tác này (5.4.07-Các biên bản kiểm tra của cơ quan quản lý PCCC năm 2023, 2024).

Nhà trường đã xây dựng và thực hiện nghiêm túc Bộ quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trên cơ sở nội dung xây dựng quy tắc ứng xử theo Điều 4 Thông tư số 38 /2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 1042/QĐ- LĐTBXH ngày 25/7/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có hiệu lực và có ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện Đề án “Xây dựng văn hoá ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025”, Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung đã xây dựng và ban hành Bộ quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học của trường “Văn hóa MITC” theo Quyết định số 716/QĐ-CĐCT ngày 12/11/2020;

Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị trong trường triển khai tuyên truyền sâu rộng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, học sinh, gia đình và cộng đồng. Cụ thể:

- Tuyên truyền về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử trong trường học.

- Tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, biện pháp, trách nhiệm của nhà trường, gia đình người học, tổ chức, đoàn thể, chính quyền địa phương đối với việc xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học.

- Tuyên truyền về thái độ, hành vi, ngôn ngữ, chuẩn mực của người học, nhà giáo, cán bộ, nhân viên trong trường học.

- Tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước, yêu thương con người và truyền thống văn hóa ứng xử của dân tộc ta; nêu gương cán bộ, nhà giáo, nhân viên và người đứng đầu nhà trường trong xây dựng văn hóa ứng xử, các cá nhân điển hình, mô hình nhà trường thực hiện tốt công tác xây dựng văn hóa ứng xử.

Đẩy mạnh việc thực hiện văn hoá ứng xử trong trường học nhằm tạo chuyển biến căn bản về ứng xử văn hoá của cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và học sinh góp phần phát triển năng lực, hoàn thiện nhân cách, lối sống văn hoá. Xây dựng văn hoá trường học lành mạnh, thân thiện; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

Xây dựng văn hóa nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, lành mạnh và phòng chống bạo lực học đường hiệu quả. Từ năm 2023 tới nay, trường đã thực hiện các biện pháp phòng chống bạo lực học đường và không xảy ra vụ việc bạo lực học đường.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức giáo dục văn hóa ứng xử cho người học thông qua học chính khóa, hoạt động ngoại khóa. Đồng thời nâng cao năng lực ứng xử văn hóa và năng lực tổ chức giáo dục ứng xử văn hóa của cán bộ, nhà giáo, nhân viên của nhà trường.

Đối với công tác y tế trường học và trợ giúp học sinh, sinh viên, Nhà trường đã thực hiện tốt các nội dung này theo Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 38 /2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02

năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Nhà trường có bộ phận y tế với 01 nhân viên để khám chữa bệnh cho sinh viên, phòng y tế được trang bị đầy đủ trang thiết bị, vật tư y tế và danh mục thuốc y tế đảm bảo theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/05/2016 quy định về công tác y tế trường học thực hiện việc sơ cứu ban đầu và cấp phát thuốc cho HSSV.

Nhà trường luôn chú trọng đến việc: Tổ chức các hoạt động quản lý, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cán bộ quản lý, nhà giáo, người lao động và học sinh, sinh viên theo quy định; Triển khai các biện pháp và chế độ vệ sinh phòng, chống dịch bệnh do cơ quan y tế hoặc cơ quan quản lý cấp trên yêu cầu (5.4.08-*Thông báo khám sức khỏe HSSV hàng năm 2023, 2024, 2025*).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

đ) Tiêu chuẩn 5.5: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo và được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sự phạm, an toàn sức khỏe, vệ sinh môi trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các thiết bị hiện có của từng nghề đào tạo đáp ứng trên 80% danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành (Bảng đối chiếu danh mục thiết bị hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu). Đặc biệt, một số nghề đào tạo cấp độ quốc gia và quốc tế có tỷ lệ đáp ứng trên 90% như: nghề Hàn, Cắt gọt kim loại, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ thông tin....

Đối với các nghề chưa có danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu, tỷ lệ đáp ứng trên 80% so với danh mục thiết bị theo chương trình đào tạo. Cuối mỗi năm, Nhà trường đều thực hiện kiểm kê tài sản (5.5.01-*Biên bản kiểm kê TSCĐ, CCDC năm 2022, 2023, 2024*) và có báo cáo kiểm kê tài sản cố định (5.5.02-*Báo cáo kiểm kê TSCĐ năm 2022, 2023, 2024*).

Dựa trên kết quả việc so sánh thiết bị hiện có với danh mục thiết bị tối thiểu, hiện nay trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của các ngành nghề đào tạo. Tuy nhiên, danh mục thiết bị hiện có của Trường không đáp ứng đủ 100% so với danh mục thiết bị tối thiểu theo quy định của Bộ Lao động - TB&XH. Do vậy, tiêu chuẩn này Nhà trường tự đánh giá chưa đạt.

Tất cả thiết bị đào tạo của Nhà trường đều được theo dõi quản lý, kiểm kê hàng năm (5.5.03-*Sổ theo dõi tài sản TSCĐ năm 2023, 2024, 2025*) với đầy đủ thông tin: tên TSCĐ (CCDC), nước sản xuất, số lượng, năm sản xuất, năm sử dụng, nguyên giá, giá trị còn lại.

Các thiết bị được giao trực tiếp cho các cá nhân quản lý, sử dụng phục vụ đào tạo Nhà trường đã ban hành quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị và áp dụng trong toàn trường và được cập nhật thường xuyên (5.5.04-*Quy trình Bảo trì bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị trường học QT-HC-04*).

Theo quy định tại Quy chế Quản lý tài sản, vào dịp hè, các đơn vị có thiết bị phục vụ đào tạo sẽ xây dựng kế hoạch (5.5.05-Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị năm 2023, 2024, 2025; 5.5.06-Tổng hợp chi phí sửa chữa lớn các công trình xây dựng năm 2024) và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng thiết bị theo quy trình đã được ban hành, Nhà trường sẽ giám sát, kiểm tra quá trình và kết quả thực hiện bảo trì, bảo dưỡng thiết bị của các đơn vị.

Điểm tự đánh giá: 0 điểm

e) Tiêu chuẩn 5.6: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đảm bảo vật tư thực hành được quản lý, sử dụng đúng quy định và phù hợp với từng mô đun, bài học, Trường đã xây dựng định mức tiêu hao vật tư thực hành cho các ngành, nghề có sử dụng vật tư thực hành và xây dựng định mức vật tư thực hành cho từng ngành cụ thể: Đối với các khoa (Điện- Tự Động Hóa, Cơ Khí, Hóa - Tài nguyên & Môi trường, Tin học & Kinh tế và Khoa Quản trị kinh doanh – Du lịch và Thời trang) nhà trường đã ban hành các quyết định phê duyệt định mức vật tư thực hành nghề nghiệp đối với trình độ cao đẳng và trung cấp ứng với mỗi khoa (5.6.01-Quy định định mức vật tư thực hành cho các chương trình đào tạo).

Ngoài ra, từ đầu năm học các khoa đề xuất danh mục vật tư thực hành cho từng ngành, nghề phù hợp với thực tế giảng dạy, nhà trường xem xét mua để thực hiện cho cả năm học (5.6.02-Đề xuất vật tư thực hành cho HSSV từ năm 2023, 2024, 2025; 5.6.03-Biên bản bàn giao, cấp phát vật tư hàng năm). Việc thực hiện thủ tục mua sắm, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo có hệ thống sổ sách theo dõi, từ khâu nhập vật tư đến khâu cấp phát có biên bản giao nhận, nhà trường thực hiện theo quy trình mua sắm thiết bị trường học, theo đó Trường tổ chức quản lý và sử dụng vật tư thực hành đúng quy trình, quy định, đúng định mức đảm bảo kịp thời, đáp ứng yêu cầu kế hoạch đào tạo cho từng bài, từng mô đun, môn học. Để công tác bảo quản vật tư được tốt, nhà trường bố trí cho các đơn vị kho vật tư tại các vị trí cao ráo, thoáng mát, thuận tiện cho các đơn vị sử dụng (5.6.04-Hồ sơ quản lý vật tư thực hành của các khoa; 5.6.05-Danh mục vật tư tiêu hao hàng năm; 5.5.02-Báo cáo kiểm kê TSCĐ năm 2022, 2023, 2024).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

g) Tiêu chuẩn 5.7: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc điện tử; phòng đọc của cán bộ, nhà giáo; phòng đọc của người học; kho sách bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện trường do Phòng quản lý chất lượng và Nghiên cứu khoa học quản lý trực tiếp, có đủ nhân viên thư viện chuyên trách. Các phòng đọc thư viện có kết nối

Internet phục vụ nhu cầu tra cứu tài liệu, sách tham khảo cho cán bộ, giáo viên và học sinh. Thư viện trong khuôn viên của Trường, có diện tích phục vụ 1.500 m². Thư viện ở 02 cơ sở với các phòng chức năng như sau: 02 phòng Đọc (150 chỗ ngồi), 02 phòng mượn, 01 phòng đa phương tiện (30 máy tính), phòng nghiệp vụ, phòng sinh hoạt chuyên đề, các phòng tự học (100 chỗ ngồi), kho Lưu trữ. Để phục vụ bạn đọc, thư viện đủ đáp ứng cho HSSV khai thác và học tập. Ngoài ra nhà giáo còn biên soạn tài liệu giảng dạy để phục vụ cho chương trình đào tạo (5.7.01-Danh sách nhân viên thư viện; 5.7.02-Nội quy thư viện; 5.7.03-Lịch phục vụ bạn đọc; 5.7.04-Sơ đồ bố trí thư viện).

Giao diện thư viện điện tử tại địa chỉ <http://lib.mitc.edu.vn> giúp cho bạn đọc tra cứu tìm kiếm tài liệu dễ dàng. Thư viện tin học hóa các hoạt động nghiệp vụ thư viện. Thư viện có 13.811 tên sách với 50.296 bản sách đã được biên mục vào phần mềm Helix và phục vụ bạn đọc tra cứu tìm tài liệu bằng mục lục trực tuyến (5.7.05-Hợp đồng phần mềm thư viện; 5.7.06-Danh sách giáo trình điện tử; 5.7.07-link truy cập thư viện điện tử:).

Thư viện sử dụng khung phân loại thập phân Dewey (DDC) để phân loại và sắp xếp tài liệu theo từng chuyên ngành khoa học. Thư viện tổ chức kho sách phục vụ bạn đọc theo hình thức kho mở. Bạn đọc vào kho trực tiếp chọn tài liệu trên giá rất dễ dàng và thuận tiện

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

h) Tiêu chuẩn 5.8: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, được cập nhật, áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung cam kết xây dựng và duy trì một thư viện với nguồn học liệu phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên, nhân viên và học viên. Thư viện không chỉ đảm bảo cung cấp đầy đủ tài liệu mà còn liên tục cập nhật và áp dụng những tiến bộ trong công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài liệu.

Thư viện của Nhà trường cung cấp nhiều loại tài liệu, bao gồm sách giáo trình, tài liệu tham khảo, tạp chí chuyên ngành, bài báo nghiên cứu và tài liệu điện tử. Tất cả tài liệu được lựa chọn và cập nhật thường xuyên để đảm bảo phù hợp với chương trình đào tạo và nhu cầu nghiên cứu của người dùng (5.8.01-Danh mục tài liệu giáo trình tại thư viện; 5.8.02-Danh mục sách tài liệu tham khảo tại thư viện).

Thư viện đã áp dụng CNTT hiện đại trong quản lý và sử dụng tài liệu. Hệ thống quản lý thư viện điện tử cho phép người dùng dễ dàng tra cứu, mượn và trả sách trực tuyến. Ngoài ra, các tài liệu điện tử được lưu trữ và truy cập thông qua nền tảng trực tuyến, giúp người dùng linh hoạt trong việc tìm kiếm thông tin (5.7.06-Danh mục giáo trình điện tử; 5.7.07-link truy cập giáo trình điện tử:).

Thư viện không chỉ cung cấp tài liệu mà còn tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập như buổi hướng dẫn sử dụng tài liệu, tọa đàm chuyên đề và các khóa học kỹ năng tìm kiếm thông tin. Những hoạt động này nhằm trang bị cho học viên và giảng viên những kỹ năng cần thiết để tối ưu hóa việc sử dụng nguồn học liệu (5.8.03-Kế hoạch hoạt động thư viện hàng năm; 5.8.04-Báo cáo kết quả hoạt động thư viện hàng năm).

Nhà trường thường xuyên tiến hành đánh giá chất lượng nguồn học liệu và dịch vụ của thư viện thông qua khảo sát ý kiến người dùng. Qua đó, các phản hồi sẽ được sử dụng để cải tiến chất lượng dịch vụ và cập nhật nguồn học liệu, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dùng (2.4.13- Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2022-2023; 2.4.14-Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2022-2023; 2.4.15- Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2023-2024; 2.4.16-Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2023-2024; 2.4.17- Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2024-2025; 2.4.18-Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2024-2025; 2.4.19-Mẫu phiếu khảo sát HSSV; 5-Kế hoạch tổ chức hội nghị viên chức người lao động hàng năm; 5.8.06-Biên bản hội nghị cán bộ viên chức người lao động hàng năm; 1.5.19-Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CDCT ngày 14/4/2023; số 134a/KH-CDCT ngày 20/8/2024; 95/KH-CDCT ngày 11/6/2025; 1.5.20-Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CDCT ngày 28/7/2023; 72a/BC-CDCT ngày 25/9/2024; 37/BC-CDCT ngày 15/7/2025; 1.5.21-Danh sách VC-NLĐ khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 1.5.22-Bộ phiếu khảo sát VC-NLĐ; 5.8.05-Kế hoạch tổ chức hội nghị viên chức người lao động hàng năm; 5.8.06-Biên bản hội nghị cán bộ viên chức người lao động hàng năm).

Thông qua việc đầu tư vào thư viện và xây dựng nguồn học liệu, Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung không chỉ nâng cao chất lượng dạy và học mà còn tạo ra môi trường học tập tích cực, khuyến khích sự sáng tạo và phát triển tư duy của học viên. Thư viện sẽ tiếp tục là một môi trường học tập quan trọng, hỗ trợ toàn diện cho các hoạt động giáo dục và nghiên cứu của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

*** Mở đầu:**

Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung. Những hoạt động này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo mà còn thúc đẩy sự phát triển chuyên môn cho đội ngũ giảng viên, đồng thời khẳng định thương hiệu và uy tín của nhà trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

*** Những điểm mạnh:**

- Đội ngũ nhà giáo có kinh nghiệm, tâm huyết, tích cực tự học và phát triển chuyên môn.

- Nhà trường đã từng bước triển khai và ứng dụng hiệu quả các kết quả nghiên cứu khoa học, sáng kiến vào thực tiễn.

- Đạt nhiều giải thưởng về KHCN cấp tỉnh, có công trình đạt giải thưởng cấp quốc gia về khoa học công nghệ, có sáng kiến cấp Bộ Công Thương.

- 03 năm liền (từ năm 2023-2025) tham gia Vòng chung kết cuộc thi robocon toàn quốc.

- Có nhiều bài báo đăng trên các tạp chí, trong đó có nhiều bài báo tính điểm giáo sư, phó giáo sư.

- Số lượng các đề tài, ý tưởng nghiên cứu khoa học của HSSV đa dạng và phong phú, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

- Hàng năm tổ chức cuộc thi Steam, kết quả đã thu hút được nhiều học sinh tham gia với đa dạng các sản phẩm dự thi.

- Hàng năm tổ chức cuộc thi Thiết bị tự làm của HSSV và VC-NLĐ, kết quả có nhiều sản phẩm tham gia dự thi và đạt chất lượng tốt.

- Có mối quan hệ hợp tác với các cá nhân và tổ chức nước ngoài trong lĩnh vực đào tạo.

*** Những tồn tại: Không có**

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

- Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục duy trì và ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đội ngũ VC-NLĐ phát huy khả năng sáng tạo, nghiên cứu khoa học.

- Khuyến khích viết bài báo khoa học, sáng kiến, đề xuất các đề tài nghiên cứu thiết thực gắn với thực tiễn đào tạo và thực tiễn đời sống.

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước để mở rộng cơ hội phát triển chuyên môn và nâng cao chất lượng đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|-----------------------------|-------------------------|
| Tiêu chí 6 | 8 |
| Tiêu chuẩn 1 | 2 |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 |
| Tiêu chuẩn 3 | 2 |
| Tiêu chuẩn 4 | 2 |

a) Tiêu chuẩn 6.1: Trường ban hành quy định và thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Xác định nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo là một trong những nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo nghề, Trường cao đẳng Công Thương miền Trung đã chủ động xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quản lý nhằm cụ thể hóa các định hướng chiến lược thành chính sách thiết thực. Trong đó, việc khuyến khích và tạo điều kiện cho VC-NLĐ và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, chuyển giao công nghệ được xem là một nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển chuyên môn.

Các Quy chế và Quy định liên quan đến hoạt động KH&CN, trong đó quy định rõ các chính sách khuyến khích cụ thể: cấp kinh phí thực hiện đề tài NCKH, khen thưởng, xét danh hiệu thi đua các cấp khi có công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ,... Theo đó hàng năm trường đều thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ khuyến khích VC-NLĐ khi đáp ứng các yêu cầu quy định. Các hoạt động tìm kiếm tài năng NCKH trong HSSV, Hội thi thiết bị tự làm và hoạt động trải nghiệm Steam hay cuộc thi sáng tạo robot tại trường, robocon toàn quốc,... đã thu hút rất nhiều HSSV tham gia với nhiều đề tài, giải pháp đã giúp cho các em có những trải nghiệm học tập thực tế khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Đối với VC không phải nhà giáo, nhà trường có chính sách khuyến khích, nếu đạt được 10 giờ NCKH/năm học thì được nhận thêm 10% phụ cấp để nâng tổng số phụ cấp 25% bằng với phụ cấp của nhà giáo (3.5.02- Quy chế chi tiêu nội bộ: số 168/QĐ-CDCT ngày 08/02/2023; số 186/QĐ-CDCT ngày 19/3/2024, số 784/QĐ-CDCT ngày 08/10/2024; số 68/QĐ-CDCT ngày 19/02/2025, số 336/QĐ-CDCT ngày 04/6/2025; 2.8.04- Quyết định ban hành Quy chế làm việc của hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật và xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với HSSV; 6.1.01-Quyết định quy định quản lý hoạt động KH&CN; 6.1.02-Quyết định khen thưởng VC-NLĐ có thành tích trong hoạt động KH&CN hàng năm; 6.1.03-Quyết định hỗ trợ tiến sĩ có thành tích trong hoạt động KH&CN năm 2022, 2023; 6.1.04-Quyết định khen thưởng, công nhận HSSV tham gia các hoạt động KH&CN hàng năm; 6.1.05-Quyết định phê duyệt đề tài và Hợp đồng KHCN; 6.1.06-Hoạt động chuyển giao công nghệ trong năm học 2022-2023, 2023-2024).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

b) Tiêu chuẩn 6.2: Hàng năm, trường có tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên, được ứng dụng, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo của trường và phục vụ cộng đồng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm nhà trường triển khai hoạt động KH&CN các cấp cho VC-NLĐ và học sinh, sinh viên và đạt được nhiều kết quả. Từ năm học 2022-2023, Nhà trường đã

triển khai đồng bộ nhiều chính sách, giải pháp hỗ trợ VC-NLĐ và HSSV tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, các đề tài, sáng kiến phục vụ công tác quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo và triển khai ứng dụng, chuyển giao công nghệ hướng đến thị trường. Cụ thể:

Năm học 2022-2023 nhà trường nghiệm thu và công nhận 27 đề tài/sáng kiến cấp trường (trong đó: có 02 sản phẩm chuyển giao công nghệ); 02 sản phẩm tham gia hội thi thiết bị tự làm toàn quốc; 01 công trình tham gia NCKH- Euréka trong HSSV.

Năm học 2023-2024 nhà trường có 13 giải pháp tham gia Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật tỉnh Phú Yên; 07 công trình tham gia NCKH- Euréka trong HSSV; nghiệm thu và công nhận 32 đề tài sáng kiến/sáng kiến cấp trường.

Năm học 2024-2025 nhà trường nghiệm thu và công nhận 16 sáng kiến cấp trường; 05 công trình tham gia NCKH- Euréka trong HSSV (6.2.01-Kế hoạch triển khai NCKH được thực hiện trong Mục tiêu chất lượng trường hàng năm; 6.2.02-Phiếu đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm, cải tiến kỹ thuật hàng năm; 6.2.03-Danh sách đề tài/sáng kiến nghiên cứu khoa học từ cấp trường trở lên hàng năm; 6.2.04-Hồ sơ thuyết minh đề tài/sáng kiến hàng năm; 6.2.05-Kết quả đánh giá đề tài các cấp hàng năm; 6.1.02-Quyết định khen thưởng VC-NLĐ có thành tích trong hoạt động KH&CN hàng năm; 6.1.04-Quyết định khen thưởng, công nhận HSSV tham gia các hoạt động KH&CN hàng năm; 6.2.06-Quyết định công nhận đề tài/sáng kiến hàng năm; 6.2.07-Quyết định nghiệm thu và bàn giao các đề tài vào áp dụng tại các phòng, khoa, trung tâm).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

c) Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, trường có các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc ấn phẩm tương đương.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong bối cảnh giáo dục nghề nghiệp đang đẩy mạnh hội nhập và nâng cao chất lượng, việc xây dựng văn hóa nghiên cứu – công bố khoa học trong đội ngũ nhà giáo là yếu tố then chốt góp phần nâng cao vị thế học thuật của cơ sở đào tạo và lan tỏa tri thức nghề nghiệp tới cộng đồng. Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung xác định rằng công bố kết quả nghiên cứu không chỉ là minh chứng cho quá trình học thuật, mà còn là cách thể hiện trách nhiệm chuyên môn của người giảng dạy đối với xã hội.

Trong năm học 2022-2023, tổng số bài báo là 50 bài đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước, thông tin KHCN; trong đó, số bài báo đăng ngoài trường là 30 bài (6.3.01- Phiếu kê khai khối lượng NCKH năm học 2022-2023). Số bài báo đăng trên Ấn phẩm Thông tin KHCN do Nhà trường xuất bản là 02 số gồm: 28, 29 là 20 bài (6.3.02- Tập ấn phẩm xuất bản số 28 và 29).

Trong năm học 2023-2024, tổng số bài báo là 69 bài đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước, thông tin KHCN; trong đó, số bài báo đăng ngoài trường là 40 bài (6.3.03- Phiếu kê khai khối lượng NCKH năm học 2023-2024). Số bài báo đăng trên

Ấn phẩm Thông tin KHCN do Nhà trường xuất bản là 03 số gồm: 30, 31, 32 là 29 bài (6.3.04- *Tập ấn phẩm xuất bản số 30, 31 và 32*).

Trong năm học 2024-2025, tổng số bài báo là 60 bài đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước, thông tin KHCN; trong đó, số bài báo đăng ngoài trường là 38 bài (6.3.05- *Phiếu kê khai khối lượng NCKH năm học 2024-2025*). Số bài báo đăng trên Ấn phẩm Thông tin KHCN do Nhà trường xuất bản là 02 số gồm: 33, 34 với 22 bài (6.3.06- *Tập ấn phẩm xuất bản số 33, 34*).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

d) Tiêu chuẩn 6.4: Có hoạt động hợp tác với các trường hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong giai đoạn 2022–2025, nhận thức rõ tầm quan trọng của quốc tế hóa giáo dục trong bối cảnh hội nhập, Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung (MITC) đã chủ động khắc phục các hạn chế về nguồn lực, xây dựng chiến lược hợp tác quốc tế đi vào chiều sâu. Các hoạt động không chỉ dừng lại ở giao lưu văn hóa mà đã chuyển dịch mạnh mẽ sang hợp tác đào tạo, chuyên giao tri thức và phát triển kỹ năng hội nhập cho sinh viên, góp phần thiết thực nâng cao chất lượng đào tạo và vị thế của Nhà trường.

Thứ nhất, thiết lập và phát triển quan hệ đối tác chiến lược đa phương. Nhà trường đã chủ động mở rộng và đa dạng hóa mạng lưới đối tác với các tổ chức uy tín từ Úc, Mỹ, Đức, Hàn Quốc và các tổ chức quốc tế.

- **Với Úc:** Nội bật là việc Nhà trường chính thức ký kết thỏa thuận hợp tác (MOU) với Tổ chức Tình nguyện viên Quốc tế Úc (AVI) vào tháng 12/2024, mở ra cơ hội tiếp nhận chuyên gia Úc đến làm việc trực tiếp tại trường (6.4.01-*Biên bản thỏa thuận hợp tác giữa Trường Cao đẳng Công thương miền Trung và các tổ chức quốc tế*; 6.4.02-*Bài báo/Hình ảnh Lễ ký kết hợp tác giữa MITC và Tổ chức Tình nguyện viên Quốc tế Úc (AVI)* (Link: <https://phuyen.baodaklak.vn/79/323559/mitc-ky-ket-hop-tac-voi-to-chuc-tinh-nguyen-vien-quoc-te-uc.html>).

- **Với các tổ chức quốc tế (UNDP/UNV):** Nhà trường duy trì hợp tác hiệu quả với Chương trình Tình nguyện Liên Hợp Quốc (UNV) và UNDP thông qua việc tổ chức các chuỗi hoạt động giao lưu, trao đổi thường niên. Cụ thể: Năm 2023, tổ chức tọa đàm "Công dân toàn cầu" với tình nguyện viên UNDP (6.4.03-*Kế hoạch số 1509/KH-CDCT ngày 28/9/2023 về Tọa đàm với tình nguyện viên UNDP chủ đề Công dân toàn cầu*). Năm 2024, triển khai chương trình trao đổi sinh viên quốc tế với các tình nguyện viên UNV đến từ Nepal, Ý, Thổ Nhĩ Kỳ... (6.4.04-*Kế hoạch số 89/KH-CDCT ngày 17/5/2024 Chương trình trao đổi sinh viên quốc tế với TNV UNV 2024*).

- **Với Hàn Quốc:** Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với KOICA thông qua kế hoạch làm việc với đoàn chuyên gia Hàn Quốc để khảo sát nhu cầu tình nguyện viên trong các lĩnh vực cơ khí, CNTT, và tiếng Hàn (6.4.05-*Kế hoạch số 1200/KH-CDCT*

ngày 15/8/2022 Làm việc với đoàn chuyên gia KOICA; 6.4.06 Kế hoạch 1857/KH-CDCT khảo sát nhu cầu hợp tác quốc tế).

Thứ hai, hợp tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ và đổi mới phương pháp giảng dạy. Hoạt động hợp tác quốc tế là đòn bẩy để Nhà trường tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến (TVET):

- **Chuyển giao tri thức:** Phối hợp với Trường Cao đẳng Cộng đồng Umpqua (Hoa Kỳ) tổ chức Hội thảo quốc tế "Student Success in TVET" (Thành công của sinh viên trong giáo dục nghề nghiệp) vào tháng 6/2023, giúp giảng viên và sinh viên tiếp cận mô hình hỗ trợ sinh viên của Mỹ (6.4.07-Kế hoạch số 990/KH-CDCT ngày 23/6/2023 Hội thảo quốc tế "Student Success in TVET").

- **Nâng cao năng lực giáo viên:** Tổ chức các buổi tập huấn "Sẵn sàng cho hợp tác quốc tế" nhằm trang bị kỹ năng tiếng Anh và phương pháp làm việc cho cán bộ, giảng viên (6.4.08-Kế hoạch số 917/KH-CDCT ngày 14/6/2023 Tổ chức tập huấn sẵn sàng về hợp tác quốc tế).

- **Hợp tác với Đức (GIZ/AHK):** Tham gia các hội thảo thông tin trực tuyến của Phòng Công nghiệp và Thương mại Đức (AHK) và GIZ về dự án "Hand in Hand for International Talents", mở hướng công nhận văn bằng và kỹ năng nghề theo tiêu chuẩn Đức (6.4.09-Kế hoạch số 1049/KH-CDCT ngày 22/7/2022 Tham dự hội thảo thông tin trực tuyến của AHK và GIZ; 6.4.10-Công văn 287/CDCT-QLĐT về chuyên gia Đức).

- **Đổi mới sáng tạo:** Triển khai chuỗi hội thảo quốc tế "TECH TRANSFORM" và "Xây dựng trường học thông minh, chuyển đổi số" với sự tham gia của các chuyên gia và Làng học sinh sinh viên sáng tạo quốc gia (SIV) vào tháng 3/2024 (6.4.11-Kế hoạch số 61/KH-CDCT ngày 12/3/2024 Chuỗi hội thảo quốc tế thúc đẩy đổi mới sáng tạo "TECH TRANSFORM").

Thứ ba, thúc đẩy trao đổi sinh viên, hỗ trợ việc làm và phát triển kỹ năng hội nhập. Hoạt động hợp tác quốc tế tác động trực tiếp đến chất lượng đầu ra của người học:

- **Trao đổi sinh viên:** Thực hiện các chương trình trao đổi sinh viên trực tuyến và trực tiếp với Trường Cao đẳng Cộng đồng Umpqua (Hoa Kỳ) qua các năm 2023 (6.4.12-Kế hoạch số 648/KH-CDCT ngày 20/4/2023 và Thông báo 469/TB-CDCT về Chương trình trao đổi sinh viên quốc tế với Cao đẳng Cộng đồng Umpqua). Đặc biệt, tháng 10/2024, Nhà trường đã cử sinh viên (SV. Phan Xuân Thìn) tham gia "Chương trình lưu chuyển sinh viên giáo dục nghề nghiệp ASEAN – Hàn Quốc" tại Singapore, đánh dấu bước tiến trong việc đưa sinh viên hội nhập khu vực (6.4.13-Quyết định số 770/QĐ-CDCT ngày 04/10/2024 về việc cử sinh viên tham gia Chương trình lưu chuyển giáo dục nghề nghiệp ASEAN – Hàn Quốc).

- **Hỗ trợ việc làm nước ngoài:** Ký kết hợp tác chiến lược với Công ty TNHH Nhân lực AKANE để giới thiệu việc làm và thực tập tại Nhật Bản cho sinh viên các khoa Điện, Cơ khí (6.4.14-Kế hoạch số 308/KH-CDCT ngày 08/3/2022 Tổ chức Hội thảo giới thiệu việc làm Nhật Bản và ký kết với AKANE).

- **Môi trường ngoại ngữ:** Thành lập và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ tiếng Anh và kỹ năng MES (MITC English and Skills), tạo sân chơi rèn luyện ngoại ngữ miễn phí cho sinh viên với sự tham gia của người nước ngoài và các chương trình học bổng du học (như học bổng tiếng Trung) (6.4.15-Quyết định 1621/QĐ-CDCT thành lập CLB Tiếng Anh MES; 6.4.16-Kế hoạch 1613/KH-CDCT sinh hoạt CLB; 6.4.17-Thông báo 27/TB-CDCT về học bổng tiếng Trung).

Thứ tư, khẳng định uy tín và vị thế quốc tế về bình đẳng giới. Cam kết của Nhà trường đối với các giá trị toàn cầu đã được ghi nhận quốc tế. Tháng 11/2024, Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung vinh dự nhận Giải thưởng WEPs Awards 2024 (Nguyên tắc trao quyền cho phụ nữ) ở hạng mục "Bình đẳng giới tại nơi làm việc" do UN Women và VCCI trao tặng. Đây là minh chứng rõ nét cho môi trường giáo dục nhân văn và tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế của Nhà trường (6.4.18-Thư chúc mừng/Chứng nhận Giải thưởng WEPs Awards 2024 của UN Women và VCCI (File ảnh + <https://nld.com.vn/mot-truong-cao-dang-o-mien-trung-doat-giai-quoc-te-ve-binh-dang-gioi-19624103015594888.htm>))

Hoạt động hợp tác quốc tế đa dạng về hình thức (trực tiếp, trực tuyến) và đối tác (từ các tổ chức phi chính phủ như AVI, UNDP đến các trường CĐ cộng đồng Mỹ, doanh nghiệp Nhật Bản, tổ chức Đức).

Tận dụng hiệu quả các nguồn lực tài trợ và chuyên gia quốc tế để nâng cao năng lực giáo viên và sinh viên mà không phụ thuộc quá nhiều vào ngân sách (các dự án với UNV, KOICA, GIZ).

Uy tín của trường được nâng cao vượt bậc thông qua các giải thưởng quốc tế (WEPs Awards) và việc tham gia các chương trình lưu chuyển sinh viên ASEAN.

Số lượng sinh viên được trực tiếp ra nước ngoài trao đổi (outbound) còn khiêm tốn so với tổng quy mô đào tạo do rào cản về kinh phí và ngoại ngữ của sinh viên.

Một số hoạt động hợp tác mới dừng lại ở mức độ hội thảo, ký kết và chia sẻ thông tin, cần thời gian để hiện thực hóa thành các chương trình đào tạo đồng cấp bằng hoặc chuyển giao công nghệ sâu.

Kế hoạch hành động tiếp theo:

- Giai đoạn 2025-2026: Đẩy mạnh triển khai nội dung học phần "Công dân toàn cầu" với sự hỗ trợ của tình nguyện viên Úc (AVI).

- Giai đoạn 2026-2027: Tăng cường tìm kiếm các học bổng và quỹ tài trợ để mở rộng số lượng giảng viên, sinh viên được đi học tập, thực tập tại nước ngoài. Xây dựng các chương trình đào tạo đồng cấp bằng hoặc công nhận tín chỉ với các đối tác đã ký kết (như tại Úc, Đức...).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

3.2.7. Tiêu chí 7: Dịch vụ người học

*** Mở đầu:**

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến các hoạt động dịch vụ hỗ trợ người học, coi đây là một tiêu chí quan trọng cần được thực hiện tốt, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. Nhà trường triển khai đầy đủ các dịch vụ phục vụ người học như: chăm sóc sức khỏe, đảm bảo tài nguyên học tập nghiên cứu, ký túc xá, căn tin, vệ sinh môi trường, thực phẩm, y tế, các chương trình phục vụ các hoạt động vui chơi, giải trí, văn nghệ, thể thao,...

Các hoạt động về Tư vấn hướng nghiệp và thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm cho người học đa dạng và kịp thời. Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ Doanh nghiệp phối hợp với các phòng, khoa tổ chức các buổi ngoại khoá Tư vấn hướng nghiệp, gặp gỡ và giao lưu giữa HSSV với các doanh nghiệp. Hướng nghiệp và thông tin thị trường lao động trong các buổi lễ tốt nghiệp, phỏng vấn giới thiệu việc làm.

*** Những điểm mạnh:**

Với hệ thống các văn bản về nội quy, quy chế cho HSSV đầy đủ, chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu đào tạo, cùng sự công khai, minh bạch, và hệ thống tổ chức, quản lý, điều hành, hỗ trợ có hiệu quả cho HSSV.

Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người học, đảm bảo quyền lợi cho người học, giúp người học trang trải hoàn cảnh để an tâm học tập.

*** Những tồn tại:**

Vì điều kiện về khả năng tài chính, trường chưa đầu tư xây dựng nhà tập đa năng, sân bóng đá, sân thể thao nhỏ và hội trường chuyên dùng để phục vụ các hoạt động, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo đúng tiến độ quy hoạch.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tiếp tục tăng cường hoạt động tư vấn cho HSSV; khai thác hiệu quả Website Trường để học sinh, sinh viên thuận tiện tìm kiếm, tra cứu thông tin mọi lúc, mọi nơi; chấn chỉnh tinh thần và thái độ học tập của HSSV. Nhà trường nghiên cứu xây dựng chương trình, phương pháp giáo dục, đào tạo riêng cho các đối tượng, để một mặt vừa nâng cao cho HSSV cố gắng học tốt, vừa giáo dục uốn nắn vào khuôn khổ các HSSV chưa nghiêm túc trong học tập và rèn luyện tại trường. Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ Doanh nghiệp xây dựng chương trình chăm sóc người học để nhà giáo gần gũi và nắm bắt nhu cầu của HSSV, đồng thời xây dựng được các hoạt động thiết thực cho HSSV ngoài giờ lên lớp. Nắm bắt và thay đổi từ hình thức đến nội dung các chương trình, hoạt động,... để thu hút HSSV.

Tăng cường công tác tư vấn hướng nghiệp và đưa vào dạy kỹ năng sống về tự tin lập nghiệp. Tìm hiểu, nắm bắt rồi chọn lọc giới thiệu các công việc gần với mong ước của HSSV hơn.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|----------------------|------------------|
| Tiêu chí 7 | 10 |
| Tiêu chuẩn 1 | 2 |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 |
| Tiêu chuẩn 3 | 2 |
| Tiêu chuẩn 4 | 2 |
| Tiêu chuẩn 5 | 2 |

a) Tiêu chuẩn 7.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo và việc tổ chức thực hiện quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ và công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã triển khai đầy đủ và đa dạng các kênh thông tin tuyển sinh đến người học. Các thông tin về ngành nghề, hình thức xét tuyển được cụ thể hóa qua thiết kế Sổ tay tuyển sinh (năm 2022, 2024, 2025), thông báo tuyển sinh hàng năm và theo từng đợt, tách bạch cho từng đối tượng đào tạo. Thông tin được niêm yết công khai trên Website nhà trường, Cổng thông tin điện tử HSSV và các nền tảng mạng xã hội như Facebook (với sự tương tác lớn hơn 18k lượt theo dõi trang, 150k lượt tiếp cận/bài viết fanpage, hơn 20k lượt xem /video fanpage). Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các ấn phẩm truyền thống như tờ rơi, áp phích, standee để tiếp cận người học một cách trực quan (7.1.01-Sổ tay tuyển sinh, thiết kế sổ tay năm 2022, 2024, 2025, 7.1.02-Thông báo tuyển sinh hàng năm; 7.1.03-Hình ảnh/Link thông tin trên Website và Cổng thông tin HSSV; 7.1.04-Trang Fanpage Facebook của trường và các bài viết tương tác, Mẫu tờ rơi, áp phích, standee tuyển sinh).

Chương trình đào tạo được ban hành và đăng tải công khai trên Website, thể hiện đầy đủ các thông tin về module, môn học, chuẩn đầu ra, đối tượng và thời gian đào tạo cho cả trình độ Sơ cấp, Trung cấp và Cao đẳng. Quy trình tổ chức thực hiện quy chế đào tạo được cụ thể hóa qua các văn bản pháp lý: Quyết định số 1149/QĐ-CDCT ngày 08/8/2022 về việc ban hành quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, Quy chế đào tạo tín chỉ trình độ trung cấp, cao đẳng, Quyết định số 735/QĐ-CDCT về Quy chế đào tạo liên thông. Các thông tin về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp (quy định tại Điều 13 đến 23 của Quy chế đào tạo) đều được đăng tải công khai trên Web trường (2.8.09-Quy chế đào tạo, Quy chế đánh giá điểm rèn luyện).

Nhà trường đặc biệt chú trọng việc phổ biến thông tin nội quy, quy chế và chính sách đối với người học trực tiếp thông qua Tuần sinh hoạt công dân HSSV đầu khóa. Tại đây, người học được cung cấp đầy đủ thông tin về kế hoạch đào tạo, nội quy nhà

trường, quy chế HSSV và các chính sách an sinh giáo dục (7.1.05-Kế hoạch tuần sinh hoạt Công dân HSSV đầu khóa từ năm 2023-2024 đến năm học 2025-2026; 5.4.06-Quyết định số 1982/QĐ-CDCT ngày 29/12/2022 ban hành quy chế HSSV; 7.1.06-Quyết định số 160/QĐ-CDCT ngày 24/3/2025 ban hành nội quy khu nội trú và khung xử lý vi phạm nội quy khu nội trú). Ngoài ra, nội quy nhà trường còn được niêm yết công khai tại các phòng học, phòng thực hành (bếp, phòng máy tính, xưởng thực hành...) và trên các bảng tin hành lang để HSSV dễ dàng tiếp cận và thực hiện (7.1.07-Hình ảnh minh chứng).

Trong quá trình học tập tại trường, HSSV được hưởng các chế độ chính sách theo quy định. Hàng năm, nhà trường triển khai, thông báo và thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ miễn, giảm học phí, chế độ trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập đến người học, khen thưởng trong học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao,... Công tác thực hiện chế độ chính sách cho HSSV đã được chuẩn hóa trong quy trình các quy trình bảo đảm chất lượng của nhà trường, danh sách HSSV được miễn giảm học phí, hưởng trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập trong năm từ 2022 đến 2025 đã công khai và đăng tải trên Website của Trường (7.1.08-Hồ sơ và danh sách thực hiện chế độ chính sách miễn, giảm học phí, chế độ trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên từ năm học 2022-2023 đến 2024-2025). Công tác thực hiện chế độ chính sách cho HSSV được thống kê và báo cáo hàng năm (7.1.09-Báo cáo tình hình thực hiện miễn, giảm học phí).

Ngoài ra, trước mỗi học phần, giảng viên đều phổ biến nội dung, phương pháp học tập và cách thức đánh giá cho HSSV. Nhà trường còn bố trí Cố vấn học tập (CVHT) cho từng lớp để tư vấn về học tập, sinh hoạt và rèn luyện. Mọi thắc mắc của người học qua kênh online (Facebook, Web) hoặc trực tiếp tại các phòng, trung tâm đều được giải đáp nhanh chóng, chính xác. Hàng năm, nhà trường thực hiện báo cáo và cập nhật các điều kiện đảm bảo chất lượng trên Website theo đúng quy định công khai của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (4.2.02 - <http://daotao.mitc.edu.vn/>).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

b) Tiêu chuẩn 7.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, bảo đảm quyền lợi của người học, tạo điều kiện cho người học thuộc đối tượng chính sách có cơ hội tiếp cận học nghề, lập nghiệp. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình học tập tại trường, HSSV được hưởng các chế độ chính sách theo quy định. Hàng năm, nhà trường triển khai, thông báo và thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đến người học, khen thưởng trong học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao,....

Công tác thực hiện chế độ chính sách cho HSSV đã được chuẩn hóa trong quy trình bảo đảm chất lượng của nhà trường, danh sách HSSV được miễn giảm học phí,

hỗ trợ chi phí học tập trong năm từ 2022 đến 2025 đã công khai và đăng tải trên Website của Trường (*7.1.08-Hồ sơ và danh sách thực hiện chế độ chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên từ năm học 2022 - 2023 đến 2024 - 2025*). Để tạo điều kiện cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế có điều kiện tham gia học tập. Nhà trường triển khai và xác nhận để HSSV làm thủ tục được vay vốn ngân hàng.

Công tác thực hiện chế độ chính sách cho HSSV được thống kê và báo cáo hàng năm (*7.1.09-Báo cáo tình hình thực hiện miễn, giảm học phí*).

Nhà trường chú trọng việc triển khai các biện pháp hỗ trợ đối tượng người học thuộc diện chính sách, dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, hộ nghèo, cận nghèo,... nhằm tạo điều kiện thuận lợi để các em có cơ hội tiếp cận chương trình đào tạo, rèn luyện kỹ năng nghề và hướng tới lập nghiệp bền vững (*7.2.01-Hồ sơ cấp học bổng vượt khó học giỏi, tiếp sức đến trường*).

Trường thiết lập các kênh tiếp nhận phản ánh, khiếu nại của người học về việc thực hiện chính sách và đảm bảo quyền lợi, đồng thời có quy trình xử lý minh bạch, rõ ràng. Ngoài ra, việc tuyên truyền, phổ biến về quyền và nghĩa vụ của người học được lồng ghép thường xuyên thông qua các hoạt động giáo dục chính khóa và ngoại khóa, góp phần xây dựng môi trường học tập thân thiện, nhân văn và phát triển toàn diện (*7.1.05-Kế hoạch Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa; 5.4.06- Quyết định số 1982/QĐ-CDCT ngày 29/12/2022 ban hành quy chế HSSV*).

Chức năng của nhà trường là đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực công nghệ: Kỹ thuật địa chất, hóa chất, thông tin, kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, cơ khí, kinh tế, môi trường theo quy định của pháp luật; là cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất kinh doanh của ngành công nghiệp và sự phát triển kinh tế xã hội.

“Sứ mạng của nhà trường là cung cấp cho người học và xã hội bằng chất lượng đào tạo, nghiên cứu chuyển giao và đổi mới sáng tạo”.

Do đó, khi tuyển sinh và thực hiện chức năng đào tạo đối với HSSV nhà trường không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. HSSV khi tham gia học tại trường đều được tôn trọng, đối xử bình đẳng như nhau thể hiện qua việc xét điểm rèn luyện từng học kỳ, xét từ lớp đến khoa và công nhận điểm rèn luyện của Trường (*5.4.06- Quyết định số 1982/QĐ-CDCT ngày 29/12/2022 ban hành quy chế HSSV; 7.2.02-Quyết định ban hành Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ; 7.2.03-Báo cáo thực hiện bình đẳng giới hàng năm; Thông báo tuyển sinh hàng năm; Quyết định công nhận điểm rèn luyện của học sinh, sinh viên hàng năm*). Đối với HSSV ở ký túc xá cần phải thực hiện nghiêm túc nội quy chung của ký túc xá, không có trường hợp phân biệt đối xử.

Nhà trường có chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số như miễn, giảm phí ở nội trú, hưởng chế độ tại ban dân tộc,...Trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của nhà trường đều hướng tới HSSV, không có trường hợp phân biệt

hay đối xử bất bình đẳng. Nhà trường luôn duy trì bình đẳng giới thông qua các hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ (7.2.02-*Quyết định ban hành ban vì sự tiến bộ của phụ nữ*). Các hoạt động của Ban này hướng tới hỗ trợ nữ giới trong Nhà trường, đối với HSSV thường chú trọng các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới tính, sức khỏe sinh sản,... và được nhà trường báo cáo tổng hợp hàng năm (7.2.03-*Báo cáo việc thực hiện bình đẳng giới hàng năm*).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

c) Tiêu chuẩn 7.3: Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện; hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để kịp thời động viên, khích lệ các cá nhân cũng như tập thể có thành tích cao trong học tập, nhà trường đã ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV hệ chính quy trong toàn trường (3.5.02- *Quy chế chi tiêu nội bộ: số 168/QĐ-CDCT ngày 08/02/2023; số 186/QĐ-CDCT ngày 19/3/2024, số 784/QĐ-CDCT ngày 08/10/2024; số 68/QĐ-CDCT ngày 19/02/2025, số 336/QĐ-CDCT ngày 04/6/2025; 7.3.01-Quyết định ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV hệ chính quy*). Công tác xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV đã được chuẩn hóa trong quy trình bảo đảm chất lượng của nhà trường.

Mỗi học kỳ, nhà trường đều công khai thông báo đến người học các mức học bổng theo từng học kỳ, từng bậc học, nhóm ngành (7.3.02-*Quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập hàng năm*) đồng thời chi trả học bổng đến người học đúng, đủ theo quy định.

Bên cạnh đó, Nhà trường thực hiện khen thưởng định kỳ và đột xuất cho những HSSV có thành tích cao trong các cuộc thi, phong trào thi đua, các thủ khoa (3.5.02- *Quy chế chi tiêu nội bộ: số 168/QĐ-CDCT ngày 08/02/2023; số 186/QĐ-CDCT ngày 19/3/2024, số 784/QĐ-CDCT ngày 08/10/2024; số 68/QĐ-CDCT ngày 19/02/2025, số 336/QĐ-CDCT ngày 04/6/2025; 5.4.06- Quyết định số 1982/QĐ-CDCT ngày 29/12/2022 ban hành quy chế HSSV; 7.3.03-Quyết định khen thưởng cho HSSV hàng năm; 7.3.04-Quy định nghiên cứu khoa học của HSSV*).

Đối với những học sinh, sinh viên nghèo vượt khó trong học tập ngoài việc thành lập Quỹ khuyến học huy động từ nguồn vốn đóng góp của VC-NLĐ, hàng năm nhà Trường còn liên hệ với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh để huy động như: Ngân hàng Agribank, BIDV, HD Bank, Bảo hiểm Bưu điện, Công ty Bảo Việt, Cơ khí Vina Nha trang... để huy động, tìm kiếm các suất học bổng nhằm hỗ trợ, khen thưởng cho HSSV (7.3.05-*Quyết định cấp học bổng học sinh nghèo vượt khó từ năm 2022-2023 đến 2024-2025*).

Tất cả các công tác hỗ trợ HSSV được Nhà trường phân công cụ thể nhiệm vụ đến từng đơn vị chức năng và các cá nhân có liên quan trong Kế hoạch Chăm sóc người học (7.3.06-Kế hoạch Chăm sóc người học).

Công tác phối hợp giữa các phòng, khoa, trung tâm chức năng và tổ chức Đoàn – Hội trong Nhà trường được phát huy hiệu quả nhằm phát hiện, hỗ trợ và theo dõi quá trình tiến bộ của người học. Mọi hoạt động khen thưởng, hỗ trợ đều hướng tới mục tiêu tạo động lực học tập tích cực, giúp người học phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp.

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

d) Tiêu chuẩn 7.4: Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội khác để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định rõ vai trò quan trọng của việc phát triển toàn diện người học thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp, nhằm bổ trợ, nâng cao phẩm chất đạo đức, kỹ năng sống, tinh thần trách nhiệm cộng đồng và năng lực nghề nghiệp.

Nhà trường xây dựng kế hoạch, phối hợp với các tổ chức Đoàn – Hội triển khai thường xuyên các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội, tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho người học. Các hoạt động này được thiết kế đa dạng, phù hợp với lứa tuổi, trình độ, sở thích, chuyên ngành đào tạo và điều kiện thực tiễn của nhà trường (1.5.14-Kế hoạch hoạt động của Đoàn thanh niên (hiển máu, từ thiện, thanh niên tình nguyện) năm 2023, 2024, 2025).

Nhà trường tạo điều kiện về cơ sở vật chất, thời gian, kinh phí và nhân lực để các hoạt động này diễn ra hiệu quả, đồng thời có chính sách ghi nhận, khen thưởng và tuyên dương người học có đóng góp tích cực (1.5.16-Báo cáo tổng kết của Đoàn thanh niên năm 2022, 2023, 2024; 1.5.18-Giấy khen, Bằng khen của Đoàn thanh niên năm 2023, 2024, 2025).

Người học được khuyến khích tích cực tham gia các hội thi, hội thao, lễ hội truyền thống, hoạt động thiện nguyện, chương trình hướng nghiệp – khởi nghiệp, và các cuộc thi nghiên cứu khoa học, sáng tạo kỹ thuật, kỹ năng nghề các cấp. Những hoạt động này không chỉ giúp người học phát triển năng lực cá nhân mà còn tăng cường khả năng làm việc nhóm, tư duy sáng tạo, kỹ năng giao tiếp và thích ứng xã hội (7.3.04-Quy chế chế nghiên cứu khoa học HSSV).

Việc tham gia các hoạt động ngoại khóa và cộng đồng được lồng ghép như một phần trong quá trình giáo dục toàn diện và được ghi nhận trong hồ sơ rèn luyện, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học (7.4.01-Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân đoàn viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ).

Những hoạt động này được Nhà trường lồng ghép trong kế hoạch năm học, có phân công tổ chức, lưu trữ hình ảnh, biên bản, kế hoạch, quyết định khen thưởng và bài viết truyền thông làm minh chứng.

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

đ) Tiêu chuẩn 7.5: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát, quản lý người học được định kỳ rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu của người học và các bên liên quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xây dựng hệ thống hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học trên nhiều phương diện: học tập, rèn luyện, tư vấn tâm lý, hỗ trợ đời sống, hướng nghiệp – việc làm,... nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất để người học đạt kết quả tốt trong quá trình học tập và phát triển toàn diện. Các hoạt động này được tổ chức bài bản, có đầu mối phụ trách rõ ràng và được công bố công khai để người học dễ dàng tiếp cận (1.5.14-Kế hoạch hoạt động của Đoàn thanh niên (hiển máu, từ thiện, thanh niên tình nguyện) năm 2023, 2024, 2025; 1.5.16-Báo cáo tổng kết của Đoàn thanh niên năm 2022, 2023, 2024; 1.5.18-Giấy khen, Bằng khen của Đoàn thanh niên năm 2023, 2024, 2025).

Song song với đó, Nhà trường triển khai hệ thống giám sát và quản lý người học hiệu quả thông qua các công cụ như phần mềm quản lý đào tạo, hệ thống điểm danh – đánh giá rèn luyện, sổ tay học sinh – sinh viên, phản hồi từ cố vấn học tập, giáo viên bộ môn và các tổ chức Đoàn – Hội.

Nhằm đảm bảo an toàn cho CBVC và người học trong khuôn viên trường, nhà trường rất chú trọng công tác an ninh trật tự. Hàng năm, nhà trường đã ký kết quy chế phối hợp với Công an địa phương về đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường (7.5.01-Kế hoạch xây dựng đơn vị an toàn về An ninh- Trật tự hàng năm) duy trì Tổ công tác bảo đảm an ninh, trật tự trường học, Trung đội tự vệ cơ quan, đội Thanh niên xung kích; hàng năm đều thực hiện tập huấn đội phòng cháy chữa cháy tăng cường tự vệ trực sẵn sàng nhiệm vụ vào các ngày lễ.

Bên cạnh đó, nhà trường đều có báo cáo công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT, xây dựng cơ quan, doanh nghiệp, trường học an toàn về ANTT gửi cho các cơ quan có thẩm quyền. Nhờ có nhiều biện pháp thiết thực nên trong thời gian qua không có xảy ra tai nạn hoặc mất trật tự trong khuôn viên trường (7.5.02-Báo cáo kết quả công tác ANTT và TT ATGT hàng năm).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

3.2.8. Tiêu chí 8: Giám sát, đánh giá chất lượng

*** Mở đầu:**

Với mục tiêu đánh giá toàn diện các hoạt động đào tạo của Trường, hàng năm Trường đều tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan bao gồm: Học sinh, sinh viên đang học, HSSV tốt nghiệp, doanh nghiệp, nhà giáo, cán bộ quản lý... về các hoạt động trong quá trình đào tạo nhằm đánh giá bức tranh tổng thể của Trường, xác định được mặt tốt và chưa tốt để có kế hoạch cải tiến các hoạt động của Trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

*** Những điểm mạnh:**

Hàng năm nhà trường đều tổ chức khảo sát các bên liên quan đến hoạt động đào tạo của Trường.

Kết quả khảo sát được sử dụng cải tiến trong việc nâng cao chất lượng đào tạo.

*** Những tồn tại:**

Vẫn còn một số ít công ty, doanh nghiệp chưa quan tâm nhiều đến hoạt động này. Hệ thống khảo sát online để khảo sát tỷ lệ HSSV có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tiếp tục nghiên cứu các biện pháp hiệu quả hơn trong việc cải tiến chất lượng thông qua kết quả tự đánh giá. Thực hiện tốt công tác đảm bảo chất lượng theo quy định, tăng cường hợp tác với các công ty, doanh nghiệp trong việc giải quyết việc làm, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thu thập ý kiến của CBVC, doanh nghiệp và HSSV.

Điểm đánh giá tiêu chí 8

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|----------------------|------------------|
| Tiêu chí 8 | 10 |
| Tiêu chuẩn 1 | 2 |
| Tiêu chuẩn 2 | 2 |
| Tiêu chuẩn 3 | 2 |
| Tiêu chuẩn 4 | 2 |
| Tiêu chuẩn 5 | 2 |

a) Tiêu chuẩn 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp của người học và tỷ lệ bỏ học được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xác định rõ tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học là hai chỉ số quan trọng phản ánh chất lượng và hiệu quả đào tạo. Do đó, Nhà trường thiết lập cơ chế theo dõi, thống kê và giám sát định kỳ các chỉ số này theo từng khóa, từng ngành nghề và hệ đào tạo (8.1.01-Bảng tổng hợp tỷ lệ HSSV tốt nghiệp; 8.1.02-Bảng tổng hợp tỷ lệ HSSV bỏ học).

Việc thu thập và cập nhật dữ liệu tốt nghiệp – bỏ học được thực hiện thường xuyên bởi phòng Quản lý đào tạo hoặc bộ phận Chăm sóc người học. Các số liệu được phân tích nhằm phát hiện xu hướng, nguyên nhân, đặc biệt chú trọng đến các ngành có tỷ lệ bỏ học cao hoặc tỷ lệ tốt nghiệp chưa đạt kỳ vọng (8.1.03- Quyết định công nhận tốt nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 8.1.04- Quyết định xóa tên các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Nhà trường đồng thời tiến hành đối sánh nội bộ giữa các lớp, các ngành và giữa các năm học nhằm so sánh tiến độ, hiệu suất đào tạo. Trong điều kiện cho phép, Nhà

trường có thể đối sánh ngoại vi với các cơ sở đào tạo khác có cùng quy mô, ngành nghề để tham khảo mô hình hiệu quả và rút ra bài học cải tiến (2.2.10- *Quyết định thành lập lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Kết quả phân tích được sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh các hoạt động quản lý đào tạo, tư vấn học tập, hỗ trợ tâm lý, chính sách miễn giảm học phí, học bổng, nâng cao chất lượng giảng dạy, cải thiện điều kiện học tập và tăng cường động lực học tập cho người học (1.2.08- *Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Nhà trường thường xuyên tổ chức các cuộc họp chuyên môn, họp cố vấn học tập và họp giao ban giữa các phòng, khoa để theo dõi tình hình học tập, rèn luyện của học sinh và kịp thời đưa ra giải pháp giảm tỷ lệ bỏ học.

Bảng 8.1.1. Bảng tổng hợp tỷ lệ HSSV tốt nghiệp theo số liệu báo cáo tổng kết năm học

| STT | Năm học | Số lượng HSSV tốt nghiệp | Số lượng tốt nghiệp theo bậc đào tạo | Số lượng/Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
|-----|-----------|--------------------------|--|---|---------|
| 1 | 2022-2023 | 492 | CĐ: 213 | - Xuất sắc, giỏi: 56/26,29% - Khá: 157/73,71% - Trung bình: 0. | |
| | | | TC: 279 | - Xuất sắc, giỏi: 80/28,67% - Khá: 179/64,16% - Trung bình: 02/7,17%. | |
| 2 | 2023-2024 | 542 | CĐ: 193 | - Xuất sắc, giỏi: 49/25% - Khá: 144/75% - Trung bình: 0. | |
| | | | TC: 349 | - Xuất sắc, giỏi: 38/11% - Khá: 174/50% - Trung bình: 137/39%. | |
| 3 | 2024-2025 | SL xét TN: 345 | Tỷ lệ đạt chung: 87% -Xuất sắc: 8/2% -Giỏi: 98/29% -Khá: 149/43% -Trung bình: 45/13% | | |

Bảng 8.1.2. Bảng tổng hợp tỷ lệ HSSV bỏ học theo năm học

| Stt | Năm học | Số lượng HSSV bỏ học | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
|------------|----------------|-----------------------------|------------------|----------------|
| 1 | 2022-2023 | 364 | 14,53 | |
| 2 | 2023-2024 | 352 | 14,35 | |
| 3 | 2024-2025 | 414 | 15,20 | |

Việc công bố và minh bạch hóa các tỷ lệ này trong nội bộ giúp nâng cao trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn và tạo động lực để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp, giảm tỷ lệ bỏ học. Đồng thời, đây cũng là nguồn dữ liệu quan trọng trong việc lập kế hoạch chiến lược và đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

b) Tiêu chuẩn 8.2: Trường triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Kết quả khảo sát các doanh nghiệp hàng năm cho thấy các doanh nghiệp đánh giá mức độ đáp ứng của HSSV sau khi tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp trên 90% (2.4.20- Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2022-2023; 2.4.21- Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2022-2023; 2.4.22- Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2023-2024; 2.4.23- Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2023-2024; 2.4.24- Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2024-2025; 2.4.25- Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2024-2025; 2.4.26- Mẫu phiếu khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp).

Năm 2023: Trường đã thực hiện khảo sát 17 doanh nghiệp đóng trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Phú Yên theo kế hoạch khảo sát số 284 /KH-CĐCT, ngày 15 tháng 6 năm 2020. (Trong đó có 01 phiếu khảo sát không gửi về nên không tổng hợp được ý kiến). Hình thức khảo sát qua phiếu khảo sát.

Năm 2024: Trường đã thực hiện khảo sát 30 doanh nghiệp đóng trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Phú Yên theo kế hoạch khảo sát số 392A /KH-CĐCT ngày 15/6/2021. Hình thức khảo sát bằng phiếu khảo sát.

Năm 2025: Trường đã thực hiện khảo sát 26 doanh nghiệp đóng trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Phú Yên theo kế hoạch khảo sát số 740 /KH-CĐCT, ngày 24 tháng 5 năm 2022. Hình thức khảo sát qua phiếu khảo sát.

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

c) Tiêu chuẩn 8.3: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường quy định trách nhiệm của tất cả các thành viên trong toàn trường phải tham gia đóng góp ý kiến cho các mặt hoạt động từ chiến lược, kế hoạch và chế độ chính sách... được quy định tại Quy chế đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động và thi đua, khen thưởng; Quy chế dân chủ cơ sở. Trước khi ban hành chế độ chính sách liên quan đến hoạt động dạy và học, hoạt động NCKH, nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến góp ý của tất cả các đơn vị thông qua cuộc họp giao ban tháng hoặc lấy ý kiến qua thư điện tử được gửi đến toàn thể CBVC, đồng thời hàng năm trong tổ chức tổng kết năm học và triển khai nhiệm vụ cho năm học tiếp theo với sự tham gia của toàn thể giáo viên giảng viên để thu thập các ý kiến, các chính sách liên quan đến dạy và học. Việc thực hiện chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được quy định cụ thể trong các quy chế (8.3.01-Biên bản họp giao ban hàng tháng; 5.8.05-Kế hoạch tổ chức hội nghị viên chức người lao động hàng năm; 5.8.06-Biên bản hội nghị viên chức người lao động hàng năm; 1.5.19-Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CDCT ngày 14/4/2023; số 134a/KH-CDCT ngày 20/8/2024; 95/KH-CDCT ngày 11/6/2025; 1.5.20-Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CDCT ngày 28/7/2023; 72a/BC-CDCT ngày 25/9/2024; 37/BC-CDCT ngày 15/7/2025; 1.5.21-Danh sách VC-NLĐ khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 1.5.22-Bộ phiếu khảo sát VC-NLĐ)

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

d) Tiêu chuẩn 8.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm nhà trường đều tổ chức khảo sát HSSV nhằm thu thập ý kiến xác thực mức độ hài lòng về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Để thu thập ý kiến đánh giá chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học. Nhà trường đã tổ chức thu thập ý kiến đa số HSSV các ngành, nghề đào tạo

về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường, cụ thể:

Năm học 2022-2023: Tổng số HSSV toàn trường gồm, số lượng HSSV được khảo sát là 803 chiếm tỷ lệ 73%.

Theo kế hoạch số 382/KH-CDCT, ngày 08/3/2023 của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về chất lượng hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy, việc thực hiện các chính sách liên quan đến người học và cơ sở vật chất Nhà trường năm học 2022-2023. Số lượng khảo sát được phân bổ theo số HSSV của các khoa như sau: khoa Cơ khí: 219 HSSV, khoa Công nghệ Hóa – Tài nguyên và Môi trường: 31HSSV, khoa Quản trị kinh doanh – Du lịch – Thời trang: 152 HSSV, khoa Điện tử - Tin học: HSSV, khoa Tin học & Kinh tế: 212 HSSV, khoa Điện – Tự động hóa: 187 HSSV

Kết quả khảo sát thể hiện ở các nội dung:

*** *Chất lượng giảng dạy của giảng viên:***

Kết quả khảo sát đánh giá của HSSV về 04 tiêu chí: Chuẩn bị giảng dạy; Phương pháp giảng dạy; Nội dung giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và Tác phong sư phạm. Hầu hết các khoa được HSSV đánh giá mức hài lòng khá cao (đạt > 90%).

*** *Chất lượng các hoạt động phục vụ công tác đào tạo, CVHT:***

Trong năm học 2024-2025, tỷ lệ đánh giá mức độ hài lòng của HSSV đối với các phòng, trung tâm có tỷ lệ hài lòng trở lên đạt trên 92%, đa số các ý kiến của HSSV đồng tình với các hoạt động phục vụ cho công tác đào tạo và CVHT của nhà trường.

Năm học 2023-2024: Tổng số HSSV toàn trường gồm HSSV, số lượng HSSV được khảo sát là 618 HSSV chiếm tỷ lệ %.

Theo kế hoạch số 2092/KH-CDCT, ngày 06/12/2023 của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về chất lượng hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy, việc thực hiện các chính sách liên quan đến người học và cơ sở vật chất Nhà trường năm học 2023-2024. Số lượng khảo sát được phân bổ theo số HSSV của các khoa như sau: khoa Cơ khí: 202 HSSV, khoa Công nghệ Hóa – Tài nguyên và Môi trường: 29 HSSV, khoa Quản trị kinh doanh – Du lịch – Thời trang: 140 HSSV, khoa Điện tử - Tin học: HSSV, khoa Tin học & Kinh tế: 65 HSSV, khoa Điện – Tự động hóa: 182 HSSV.

Kết quả khảo sát thể hiện ở các nội dung:

*** *Chất lượng giảng dạy của giảng viên:***

Kết quả khảo sát đánh giá của HSSV về 04 tiêu chí: Chuẩn bị giảng dạy; Phương pháp giảng dạy; Nội dung giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và Tác phong sư phạm. Hầu hết các khoa được HSSV đánh giá mức hài lòng khá cao (đạt > 94%).

*** *Chất lượng các hoạt động phục vụ công tác đào tạo, CVHT:***

Trong năm học 2024-2025, tỷ lệ đánh giá mức độ hài lòng của HSSV đối với các phòng, trung tâm có tỷ lệ hài lòng trở lên đạt trên 93%, đa số các ý kiến của HSSV đồng tình với các hoạt động phục vụ cho công tác đào tạo và CVHT của nhà trường.

Năm học 2024-2025: Tổng số HSSV toàn trường gồm HSSV, số lượng HSSV được khảo sát là 997 HSSV chiếm tỷ lệ %.

Theo kế hoạch số 171/KH-CDCT, ngày 01/11/2024 của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về chất lượng hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy, việc thực hiện các chính sách liên quan đến người học và cơ sở vật chất Nhà trường năm học 2024-2025. Số lượng khảo sát được phân bổ theo số HSSV của các khoa như sau: khoa Cơ khí: 227 HSSV, khoa Công nghệ Hóa – Tài nguyên và Môi trường: 88 HSSV, khoa Quản trị kinh doanh – Du lịch – Thời trang: 192 HSSV, khoa Tin học & Kinh tế: 183 HSSV, khoa Điện – Tự động hóa: 307 HSSV.

Kết quả khảo sát thể hiện ở các nội dung:

*** *Chất lượng giảng dạy của giảng viên:***

Kết quả khảo sát đánh giá của HSSV về 04 tiêu chí: Chuẩn bị giảng dạy; Phương pháp giảng dạy; Nội dung giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và Tác phong sư phạm. Hầu hết các khoa được HSSV đánh giá mức hài lòng khá cao (đạt > 95%).

*** *Chất lượng các hoạt động phục vụ công tác đào tạo, CVHT:***

Trong năm học 2024-2025, tỷ lệ đánh giá mức độ hài lòng của HSSV đối với các phòng, trung tâm có tỷ lệ hài lòng trở lên đạt trên 92%, đa số các ý kiến của HSSV đồng tình với các hoạt động phục vụ cho công tác đào tạo và CVHT của nhà trường (2.4.13- Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2022-2023; 2.4.14- Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2022-2023; 2.4.15- Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2023-2024; 2.4.16- Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2023-2024; 2.4.17- Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2024-2025; 2.4.18- Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2024-2025; 2.4.19- Mẫu phiếu khảo sát HSSV).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

đ) Tiêu chuẩn 8.5: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng, có kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng trường; có kế hoạch và biện pháp để thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm học 2017 -2018 căn cứ hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. Hàng năm nhà trường thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng trường và chất lượng chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm để chỉ ra các mặt mạnh, mặt yếu, từ đó xây dựng kế hoạch và các biện pháp khắc phục nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo đã đề ra.

Nhà trường tiến hành thành lập Hội đồng tự kiểm định chất lượng kèm các nhóm chuyên trách giúp việc, từ đó chỉ rõ các mục tiêu, nhiệm vụ cần thực hiện, phân công công việc theo các nhóm phụ trách và tiến độ thời gian thực hiện cụ thể. Kế hoạch cũng chỉ rõ công cụ, quy trình đánh giá theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Qua thực hiện kế hoạch, nhà trường có báo cáo đánh giá cụ

thể kết quả thực hiện kế hoạch để từ đó có biện pháp đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo.

Bên cạnh công tác tự đánh giá, nhà trường luôn đảm bảo thực hiện kiểm định chất lượng và nộp báo cáo đúng kế hoạch theo quy định của cơ quan cấp trên. Kết quả đánh giá hàng năm cho thấy trường đều đạt chất lượng (8.5.01-Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng nhà trường hàng năm; 8.5.02-Kế hoạch tự đánh giá hàng năm; 8.5.03-Báo cáo tự đánh giá chất lượng nhà trường; 8.5.04-Báo cáo kết quả bảo đảm chất lượng hàng năm).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

e) Tiêu chuẩn 8.6: Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.

Mô tả, phân tích và nhận định

Công tác tư vấn hướng nghiệp, kết nối doanh nghiệp và hỗ trợ việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp được Nhà trường quan tâm và triển khai đồng bộ, góp phần bảo đảm tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp đạt và vượt yêu cầu của Tiêu chuẩn 8.6.

Trước hết, Nhà trường chú trọng đẩy mạnh hoạt động kết nối doanh nghiệp, tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho HSSV. Đến nay, Nhà trường đã thiết lập mối quan hệ hợp tác với hàng trăm doanh nghiệp trong và ngoài khu vực, qua đó hỗ trợ tuyển dụng, giới thiệu việc làm và thực tập cho HSSV với hàng nghìn vị trí việc làm đa dạng mỗi năm. Đồng thời, hằng năm Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch điều tra, khảo sát nhu cầu và hỗ trợ việc làm cho HSSV theo từng giai đoạn, góp phần nâng cao tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp (8.6.01-Kế hoạch số 420/KH-CDCT ngày 16/3/2023; 8.6.02- Kế hoạch số 74/KH-CDCT ngày 15/4/2024; 8.6.03-Kế hoạch số 52/KH-CDCT ngày 31/3/2025).

Bên cạnh đó, nội dung hướng nghiệp và việc làm được lồng ghép vào chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa, giữa khóa và cuối khóa nhằm nâng cao nhận thức nghề nghiệp, giúp HSSV hiểu rõ cơ hội việc làm, yêu cầu của thị trường lao động và định hướng nghề nghiệp phù hợp ngay từ khi nhập học. Thông tin tuyển dụng được Nhà trường công khai thường xuyên và tổng hợp theo từng quý, thể hiện rõ nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp theo ngành nghề, điều kiện làm việc và mức thu nhập tương ứng (8.6.04-Bảng tổng hợp thông tin tuyển dụng theo từng quý).

Hằng năm, Nhà trường phối hợp với nhiều doanh nghiệp lớn tổ chức các chương trình tư vấn hướng nghiệp, tuyển dụng trực tiếp tại trường cho tất cả các ngành nghề đào tạo, tiêu biểu như các chương trình talkshow, ngày hội tuyển dụng, chương trình hướng nghiệp – tuyển dụng theo các kế hoạch, thông báo và công văn đã ban hành (8.6.05-Chương trình Talkshow “Tân HSSV- Hành trình xây tương lai”: Số 1858/KH-CDCT ngày 08/12/2022, số 1341/KH-CDCT ngày 25/8/2023; 8.6.06-Chương trình hướng nghiệp, tuyển dụng: Số 1540/KH-CDCT ngày 19/10/2022, số 822/TB-CDCT ngày 23/5/2023, số 926/TB-CDCT ngày 15/6/2023, số 1682/KH-CDCT

ngày 16/11/2022, số 976/TB-CDCT ngày 20/6/2023, số 620/KH-CDCT ngày 17/4/2023, số 62/TB-CDCT ngày 13/5/2023; 8.6.07-Thông báo tuyển dụng ngày 23/10/2023, số 15/2023/CV-HT ngày 30/8/2023, số 20/CV-QT ngày 06/03/2024, số 04-06/24-CV-JC ngày 24/06/2024, 367/2025/TB/VPCL ngày 03/07/2025, 1507/2025/TBTD/HCNS ngày 15/07/2025, 66/TBTD-CT168 ngày 22/07/2025, 96/TB-BV ngày 24/09/2025, 15/TBTD-LLM18 ngày 30/09/2025, 186/TB-BVĐKPY ngày 22/12/2025, 01/TB-PM/2026 ngày 03/01/2026 và các thông báo tuyển dụng khác). Đồng thời, Nhà trường chú trọng tổ chức và phối hợp tổ chức hội chợ việc làm, tạo điều kiện để HSSV trực tiếp tiếp xúc, trao đổi và ứng tuyển với các nhà tuyển dụng (8.6.08-Kế hoạch số 988/KH-CDCT ngày 22/6/2023, 486/KH-TTĐVVL ngày 26/06/2025).

Từ năm 2022, Nhà trường triển khai và vận hành hiệu quả **Sàn việc làm MITC** (<https://sanvieclammitc.vn>), đóng vai trò là kênh kết nối trực tuyến giữa HSSV và doanh nghiệp; đồng thời hỗ trợ tư vấn hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp phù hợp cho người học. Song song đó, công tác giới thiệu việc làm cho HSSV được thực hiện theo hai hình thức: HSSV đăng ký trực tuyến trên website của Nhà trường và đăng ký trực tiếp thông qua cố vấn học tập, khoa chuyên môn và Phòng Quản lý đào tạo. Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu việc làm của HSSV năm cuối, Nhà trường chủ động giới thiệu HSSV đến các doanh nghiệp tuyển dụng và lưu trữ đầy đủ danh sách, xác nhận từ các đơn vị tiếp nhận (8.6.09-Danh sách HSSV tốt nghiệp giới thiệu việc làm đến các doanh nghiệp).

Ngoài ra, công tác điều tra lần vết việc làm của HSSV sau tốt nghiệp được triển khai bài bản và định kỳ. Hằng năm, Nhà trường tổ chức điều tra hai đợt đối với HSSV sau khi tốt nghiệp 6 tháng và 12 tháng; kết quả được tổng hợp, báo cáo đầy đủ và làm căn cứ đánh giá hiệu quả đào tạo.

Cuối mỗi năm học, Nhà trường đều có báo cáo tổng kết công tác tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho HSSV (8.6.10- Báo cáo tổng kết công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho HSSV từ năm học 2022-2023 đến năm học 2024 -2025).

Kết quả thống kê trong ba năm học từ 2022–2023 đến 2024–2025 cho thấy, tỷ lệ HSSV có việc làm sau tốt nghiệp hằng năm đều đạt trên 90%; trong đó, tỷ lệ HSSV có việc làm trong vòng 12 tháng sau tốt nghiệp và làm việc phù hợp với ngành nghề, chuyên ngành đào tạo đạt trên 90%. Kết quả này khẳng định hiệu quả của các giải pháp tư vấn hướng nghiệp, kết nối doanh nghiệp và hỗ trợ việc làm, đồng thời đáp ứng đầy đủ yêu cầu. Cụ thể:

Năm học 2022 – 2023: Đạt 94,5% HSSV có việc làm phù hợp trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp (8.6.11-Kế hoạch số 728/KH-CDCT ngày 23/5/2022 về điều tra lần vết việc làm của HSSV tốt nghiệp năm 2022; 8.6.12-Bảng tổng hợp danh sách việc làm của HSSV sau tốt nghiệp năm học 2022- 2023; 8.6.13-Quyết định và danh sách công nhận tốt nghiệp cho HSSV năm học 2022- 2023; 8.6.14-Báo cáo kết quả điều tra lần vết năm học 2022- 2023). Chi tiết:

| TT | Tên ngành | Số HSSV TN | | Số HSSV TN phản hồi | | Tình hình việc làm | | | | | | | | Tỷ lệ HSSV TN phản hồi (%) | | Tỷ lệ HSSV có việc làm/ Tổng số HSSV TN phản hồi (%) | | Tỷ lệ HSSV có việc làm phù hợp/ Tổng số HSSV TN phản hồi (%) | |
|-------------|---------------------------------|------------|------------|---------------------|------------|---|------------|---|----------|--------------|----------|------------------|----------|----------------------------|-----------|--|-----------|--|-----------|
| | | | | | | Có việc làm đúng, liên quan ngành đào tạo | | Có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo | | Tiếp tục học | | Chưa có việc làm | | | | | | | |
| | | TC | CB | TC | CB | TC | CB | TC | CB | TC | CB | TC | CB | TC | CB | TC | CB | TC | CB |
| 1 | Thiết kế đồ họa | | 5 | | 5 | | 5 | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 |
| 2 | Kế toán | | 9 | | 9 | | 9 | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 |
| 3 | Quản trị KD | | 3 | | 3 | | 3 | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 |
| 4 | Quản trị NH và dịch vụ ăn uống | | 7 | | 7 | | 7 | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 |
| 5 | Công nghệ ô tô | | 17 | | 17 | | 17 | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 |
| 6 | CNKT hóa học | | 4 | | 4 | | 4 | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 |
| 7 | CNKT trắc địa | | 18 | | 18 | | 17 | | | | | 1 | | | 100 | | 94 | | 94 |
| 8 | Hàn | 4 | 8 | 4 | 8 | 1 | 8 | | | 3 | | | | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 9 | KT máy lạnh và ĐHKK | 16 | 23 | 16 | 23 | 6 | 23 | | | 10 | | 1 | | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 10 | Điện tử CN | 6 | 10 | 6 | 10 | 2 | 9 | | 1 | 4 | | | | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 90 |
| 11 | Điện công nghiệp | 60 | 54 | 57 | 53 | 40 | 49 | | 1 | 12 | 1 | 5 | 2 | 95 | 98 | 91 | 96 | 91 | 94 |
| 12 | Hướng dẫn du lịch | 62 | 3 | 59 | 3 | 37 | 3 | 1 | | 18 | | 3 | | 95 | 100 | 95 | 100 | 93 | 100 |
| 13 | CNKT (ứng dụng PM) | 70 | 13 | 66 | 13 | 28 | 12 | 1 | | 34 | | 3 | 1 | 94 | 100 | 95 | 92 | 94 | 92 |
| 14 | CNKT cơ khí | 8 | 10 | 8 | 10 | 2 | 10 | | | 6 | | | | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 15 | Quản trị KS | 3 | 10 | 3 | 10 | 1 | 9 | | | 2 | | | 1 | 100 | 100 | 100 | 90 | 100 | 90 |
| 16 | Kế toán DN | 127 | | 119 | | 32 | | 3 | | 76 | | 8 | | 94 | | 93 | | 91 | |
| 17 | Trắc địa - Địa hình - Địa chính | 22 | | 22 | | 4 | | | | 17 | | 1 | | 100 | | 95 | | 95 | |
| 18 | Hóa phân tích | 32 | | 31 | | 9 | | | | 19 | | 3 | | 97 | | 90 | | 90 | |
| 19 | Quản lý DN | 81 | | 77 | | 70 | | 3 | | | | 4 | | 95 | | 95 | | 91 | |
| 20 | CNKT ô tô - máy kéo | 31 | | 30 | | 11 | | | | 17 | | 2 | | 97 | | 93 | | 93 | |
| 21 | Cắt gọt kim loại | 3 | | 3 | | 1 | | | | 2 | | | | 100 | | 100 | | 100 | |
| 22 | KTCB món ăn | 10 | | 10 | | 2 | | | | 8 | | | | 100 | | 100 | | 100 | |
| 23 | Chăm sóc sắc đẹp | 4 | | 4 | | | | | | 4 | | | | 100 | | 100 | | 100 | |
| 24 | Kinh doanh TM | 2 | | 2 | | | | | | 2 | | | | 100 | | 100 | | 100 | |
| 25 | NVNH, khách sạn | 94 | | 89 | | 45 | | 3 | | 36 | | 5 | | 95 | | 94 | | 91 | |
| Tổng | | 635 | 194 | 606 | 193 | 291 | 185 | 11 | 2 | 270 | 1 | 35 | 5 | 95 | 99 | 94 | 97 | 93 | 96 |

Năm học 2023 – 2024: Đạt 95,5% HSSV có việc làm phù hợp trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp (8.6.15-Kế hoạch số 744/KH-CDCT ngày 09/5/2023 về điều tra lần vết việc làm của HSSV tốt nghiệp năm 2023; 8.6.16-Bảng tổng hợp danh sách việc làm của HSSV sau tốt nghiệp năm học 2023- 2024; 8.6.17-Quyết định và danh sách công nhận tốt nghiệp cho HSSV năm học 2023- 2024; 8.6.18-Báo cáo kết quả điều tra lần vết năm học 2023- 2024). Chi tiết:

| TT | Tên ngành | Số HSSV | | Số HSSV TN phản hồi | | Tình hình việc làm | | | | | | | | Tỷ lệ HSSV TN phản hồi (%) | | Tỷ lệ HSSV có việc làm/ Tổng HSSV phản hồi (%) | | Tỷ lệ HSSV có việc làm/ phù hợp/ Tổng HSSV TN phản hồi (%) | | |
|-------------|---------------------|-----------|------------|---------------------|------------|---|------------|---|----------|--------------|----------|------------------|----------|----------------------------|-----------|--|-----------|--|-----------|-----|
| | | TC | CD | TC | CD | Có việc làm đúng, liên quan ngành đào tạo | | Có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo | | Tiếp tục học | | Chưa có việc làm | | TC | CD | TC | CD | TC | CD | |
| | | | | | | TC | CD | TC | CD | TC | CD | TC | CD | | | | | | | |
| 1 | CNKT cơ khí | | 7 | | 7 | | 7 | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 | |
| 2 | Công nghệ ô tô | | 46 | | 44 | | 38 | | 2 | | 3 | | 1 | | 96 | | 98 | | 93 | |
| 3 | Quản trị kinh doanh | | 1 | | 1 | | 1 | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 | |
| 4 | Kinh doanh TM | | 18 | | 17 | | 16 | | | | | | 1 | | 94 | | 94 | | 94 | |
| 5 | Thiết kế đồ họa | | 3 | | 3 | | 3 | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 | |
| 6 | CNKT trắc địa | | 1 | | 1 | | 1 | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 | |
| 7 | Kế toán | | 14 | | 13 | | 12 | | 1 | | | | | | 93 | | 100 | | 92 | |
| 8 | Cắt gọt kim loại | 3 | 8 | 3 | 8 | 1 | 8 | | | | 2 | | | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | |
| 9 | Hàn | 2 | 3 | 2 | 3 | 1 | 3 | | | | 1 | | | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | |
| 10 | Điện công nghiệp | 12 | 52 | 12 | 49 | 6 | 47 | | 1 | | 5 | | 1 | 1 | 100 | 94 | 92 | 98 | 92 | 96 |
| 11 | Điện tử công nghiệp | 5 | 11 | 5 | 11 | 1 | 10 | | | | 4 | | | 1 | 100 | 100 | 100 | 91 | 100 | 91 |
| 12 | KT máy lạnh và ĐHKK | 14 | 22 | 14 | 21 | 6 | 19 | | 1 | | 8 | | | 1 | 100 | 95 | 100 | 95 | 100 | 90 |
| 13 | Hướng dẫn du lịch | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | | | | | | | | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 14 | Quản trị khách sạn | 1 | 10 | 1 | 10 | 1 | 9 | | | | | | | 1 | 100 | 100 | 100 | 90 | 100 | 90 |
| 15 | QTNH và DV ăn uống | 3 | 11 | 3 | 11 | 1 | 10 | | | | 2 | | | 1 | 100 | 100 | 100 | 91 | 100 | 91 |
| 16 | KTCB món ăn | 6 | 4 | 6 | 4 | 4 | 4 | | | | 2 | | | | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 17 | CNKT | 11 | 11 | 10 | 11 | 6 | 10 | | 1 | | 3 | | | 1 | 91 | 100 | 90 | 100 | 90 | 91 |
| 18 | CNKT ô tô | 24 | | 23 | | 8 | | 1 | | | 14 | | | | 96 | | 100 | | 96 | |
| 19 | Nghiệp vụ NH, KS | 4 | | 4 | | 4 | | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 | |
| 20 | Chăm sóc sắc đẹp | 6 | | 6 | | 6 | | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 | |
| 21 | Kế toán DN | 3 | | 3 | | 2 | | | | | 1 | | | | 100 | | 100 | | 100 | |
| Tổng | | 97 | 225 | 95 | 217 | 50 | 201 | 1 | 6 | 42 | 3 | 2 | 7 | 98 | 96 | 98 | 97 | 97 | 94 | |

Năm học 2024 – 2025: Đạt 96 % HSSV có việc làm phù hợp trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp (8.6.19-Kế hoạch số 744/KH-CDCT ngày 09/5/2025 về điều tra lần vết việc làm của HSSV tốt nghiệp năm 2024; 8.6.20-Bảng tổng hợp danh sách việc làm của HSSV sau tốt nghiệp năm học 2024- 2025; 8.6.21-Quyết định và danh sách công nhận tốt nghiệp cho HSSV năm học 2024- 2025; 8.6.22-Báo cáo kết quả điều tra lần vết năm học 2024- 2025). Chi tiết:

| TT | Tên ngành | Số HSSV | | Số HSSV TN phản hồi | | Tình hình việc làm | | | | | | | | Tỷ lệ HSSV TN phản hồi (%) | | Tỷ lệ HSSV có việc làm phù hợp/ Tổng số HSSV TN phản hồi (%) | | | |
|----|-------------------------------|---------|----|---------------------|----|---|----|---|----|--------------|----|------------------|----|----------------------------|-----|--|-----|-----|-----|
| | | TC | CĐ | TC | CĐ | Có việc làm đúng, liên quan ngành đào tạo | | Có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo | | Tiếp tục học | | Chưa có việc làm | | TC | CĐ | TC | CĐ | TC | CĐ |
| | | | | | | TC | CĐ | TC | CĐ | TC | CĐ | TC | CĐ | | | | | | |
| 1 | Cắt gọt kim loại | | 6 | | 6 | 6 | | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 |
| 2 | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | | 5 | | 5 | 5 | | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 |
| 3 | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 7 | 21 | 7 | 20 | 4 | 19 | 1 | 3 | | | | | 100 | 95 | 100 | 100 | 100 | 95 |
| 4 | Công nghệ kỹ thuật địa chất | | 25 | | 24 | | 24 | | | | | | | | 96 | | 100 | | 100 |
| 5 | Công nghệ kỹ thuật hóa học | 23 | 4 | 23 | 4 | 23 | 4 | | | | | | | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 6 | Công nghệ kỹ thuật ô tô | 23 | | 22 | | 22 | | | | | | | | 96 | | 100 | | 100 | |
| 7 | Công nghệ kỹ thuật trắc địa | | 8 | | 8 | | 8 | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 |
| 8 | Công nghệ ô tô | | 44 | | 43 | | 39 | 2 | | | | 2 | | | 98 | | 95 | | 91 |
| 9 | Công nghệ thông tin | 74 | 8 | 71 | 8 | 52 | 8 | 1 | | 14 | | 4 | | 96 | 100 | 94 | 100 | 93 | 100 |
| 10 | Chăm sóc sắc đẹp | 5 | | 5 | | 5 | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 | |
| 11 | Điện công nghiệp | 11 | 48 | 10 | 48 | 8 | 44 | | 3 | 2 | | | 1 | 91 | 100 | 100 | 98 | 100 | 92 |
| 12 | Điện tử công nghiệp | 9 | 4 | 9 | 4 | 6 | 4 | | | 3 | | | | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 13 | Hàn | 7 | 5 | 7 | 5 | 6 | 5 | | | 1 | | | | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 14 | Hướng dẫn du lịch | 25 | 4 | 23 | 4 | 19 | 4 | 1 | | 3 | | | | 92 | 100 | 100 | 100 | 96 | 100 |
| 15 | Kế toán | | 4 | | 4 | | 4 | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 |
| 16 | Kế toán doanh nghiệp | 16 | | 16 | | 16 | | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-------------|---|------------|------------|------------|------------|------------|------------|----------|----------|-----------|----------|----------|----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 17 | Kinh doanh thương mại | 32 | 6 | 32 | 6 | 30 | 6 | 2 | | | | | | 100 | 100 | 100 | 100 | 94 | 100 |
| 18 | Kỹ thuật chế biến món ăn | 10 | 3 | 10 | 3 | 9 | 3 | | | | 1 | | | 100 | 100 | 90 | 100 | 90 | 100 |
| 19 | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 9 | 24 | 9 | 24 | 6 | 23 | | 1 | 3 | | | | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 96 |
| 20 | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn | 36 | | 36 | | 30 | | 2 | | 3 | | 1 | | 100 | | 97 | | 92 | |
| 21 | Quản lý doanh nghiệp | 20 | | 18 | | 15 | | 1 | | 2 | | | | 90 | | 100 | | 94 | |
| 22 | Quản trị kinh doanh | | 4 | | 4 | | 4 | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 |
| 23 | Quản trị khách sạn | 3 | 6 | 3 | 6 | 2 | 6 | | | 1 | | | | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 24 | Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống | | 6 | | 6 | | 6 | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 |
| 25 | Thiết kế đồ họa | | 2 | | 2 | | 2 | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 |
| 26 | Trắc địa - Địa hình - Địa chính | 1 | | 1 | | 1 | | | | | | | | 100 | | 100 | | 100 | |
| Tổng | | 311 | 237 | 302 | 234 | 254 | 224 | 7 | 7 | 35 | 0 | 6 | 3 | 97 | 99 | 98 | 99 | 96 | 96 |

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

PHẦN III

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG

| Tiêu chí | Các điểm tồn tại chính năm 2025 | Kế hoạch nâng cao chất lượng |
|-------------------|---------------------------------|---|
| <i>Tiêu chí 1</i> | | <ul style="list-style-type: none">- Tiếp tục rà soát kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 – 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, thực hiện có hiệu quả chương trình hành động để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Trường.- Tiếp tục rà soát cập nhật và bổ sung hệ thống văn bản của Trường; rà soát, khảo sát nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của địa phương, ngành, các công ty, xí nghiệp, doanh nghiệp,..để kịp thời điều chỉnh mục tiêu nhiệm vụ của Trường. |
| <i>Tiêu chí 2</i> | | <ul style="list-style-type: none">- Tổ chức kết nối, hợp tác với doanh nghiệp nhằm kết hợp xây dựng chương trình đào tạo, đa dạng hóa phương thức đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; kết hợp hướng dẫn thực hành, thực tập có sự tham gia của doanh nghiệp và tuyển dụng người học sau khi tốt nghiệp.- Tiếp tục tổ chức hội nghị đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực nhằm phát huy tối đa tính sáng tạo của người học. Đồng thời tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề để đánh giá, rút kinh nghiệm; từ đó phát triển rộng rãi các phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của HSSV.- Kiểm soát công tác quản lý đào tạo có hiệu quả thông qua phần mềm quản lý đào tạo, kết hợp với quy trình của hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong. Mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, nhà giáo nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. |
| | | <ul style="list-style-type: none">- Tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho các phòng, khoa, trung tâm; tiếp |

| Tiêu chí | Các điểm tồn tại chính năm 2025 | Kế hoạch nâng cao chất lượng |
|-------------------|---|--|
| Tiêu chí 3 | | <p>tục tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên tham gia các khoa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, thi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh, tham gia các chương trình, khóa đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ ngắn hạn,...</p> <p>- Với phương châm “Chất lượng là sứ mệnh, Thành công là đích đến”, nhà trường tiếp tục tập trung mọi nguồn lực thực hiện mục tiêu xây dựng nhà trường trở thành đơn vị đào tạo chất lượng cao của cả nước, uy tín trong khu vực.</p> |
| Tiêu chí 4 | <p>Một số tài liệu giảng dạy còn chưa thay đổi kịp thời để thích ứng với nhu cầu học tập, nghiên cứu của HSSV trong thời đại mới.</p> | <p>-Tăng cường xây dựng bộ tiêu chí, biểu mẫu góp ý chương trình đào tạo, giáo trình giúp cán bộ, giáo viên, HSSV và các doanh nghiệp thuận tiện trong đóng góp xây dựng chương trình gắn với thực tiễn, phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp.</p> <p>- Năm 2026 tiếp tục rà soát, biên soạn mới chương trình và cập nhật giáo trình đảm bảo đáp ứng thực tiễn nghề nghiệp.</p> |
| Tiêu chí 5 | <p>Nguồn vốn đầu tư để thực hiện quy hoạch không đáp ứng được tiến độ quy hoạch đề ra.</p> | <p>- Đầu tư mua sắm trang thiết bị theo hướng hiện đại phù hợp cho công tác đào tạo các ngành nghề trọng điểm theo chuẩn Quốc tế, khu vực và trong nước.</p> <p>- Huy động tối đa các nguồn lực thực hiện xây dựng cơ sở vật chất và đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo.</p> |
| Tiêu chí 6 | | <p>-Trong những năm tới Trường tiếp tục mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cho CBVCNV của Trường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.</p> <p>-Trường sẽ kết hợp chặt chẽ với Vụ khoa học và công nghệ -Bộ Công Thương, Sở KHCN, Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh, các đối tác của Trường để CBVCNV và HSSV có nhiều cơ hội tham gia các đề tài khoa học cấp</p> |

| Tiêu chí | Các điểm tồn tại chính năm 2025 | Kế hoạch nâng cao chất lượng |
|-------------------|---------------------------------|--|
| | | độ cao hơn. |
| <i>Tiêu chí 7</i> | | <p>- Tiếp tục tăng cường hoạt động tư vấn cho HSSV; khai thác hiệu quả Website Trường để học sinh, sinh viên thuận tiện tìm kiếm, tra cứu thông tin mọi lúc, mọi nơi; chấn chỉnh tinh thần và thái độ học tập của HSSV. Nhà trường nghiên cứu xây dựng chương trình, phương pháp giáo dục, đào tạo riêng cho các đối tượng, để một mặt vừa nâng cao cho HSSV cố gắng học tốt, vừa giáo dục uốn nắn vào khuôn khổ các HSSV chưa nghiêm túc trong học tập và rèn luyện tại trường.</p> <p>- Trung tâm TS&QHDN MITC xây dựng chương trình chăm sóc người học để nhà giáo gần gũi và nắm bắt nhu cầu của HSSV, đồng thời xây dựng được các hoạt động thiết thực cho HSSV ngoài giờ lên lớp. Nắm bắt và thay đổi từ hình thức đến nội dung các chương trình, hoạt động,... để thu hút HSSV.</p> |
| <i>Tiêu chí 8</i> | | <p>- Tăng cường công tác tư vấn hướng nghiệp và đưa vào dạy kỹ năng sống về tự tin lập nghiệp. Tìm hiểu, nắm bắt rồi chọn lọc giới thiệu các công việc gần với mong ước của HSSV hơn.</p> |

PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Trong quá trình tự đánh giá chất lượng Trường năm 2025; Hội đồng tự đánh giá Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung đã tuân thủ theo Thông tư số 14/TT-BLĐT BXH, ngày 31/12/2024 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc quy định Tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và Thông tư số 28/2017/TT-BLĐT BXH, ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung luôn xác định công tác tự đánh giá là quá trình, là nhiệm vụ thường xuyên chứ không phải là đích đến. Mỗi học kỳ, mỗi năm học đều phải căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định để rà soát các hoạt động của Trường, đánh giá những mặt mạnh và những tồn tại, qua đó từng bước khắc phục và phát huy những ưu thế của Trường. Xem công tác tự đánh giá là một nhân tố không thể thiếu được trong sự phát triển của của Nhà trường, là động lực để Trường hoàn thành mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn phát triển.

II. KIẾN NGHỊ: Không./.

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 12 năm 2025

Q. HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Ngọc

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

| Stt | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn | Tên minh chứng |
|-----|----------|------------|---------------|---|---|
| 1 | 1 | 1 | 1.1.01 | | Quyết định số 281/QĐ/TC ngày 01/8/1978 về việc thành lập trường Trung học Chuyên nghiệp Địa chất II của Tổng cục Địa chất |
| 2 | | | 1.1.02 | | Quyết định số 575/CNNG-TC ngày 21/12/1991 về việc đổi tên Trường Trung học chuyên nghiệp Địa chất II Thành trường Trung học Kỹ thuật Tuy Hòa của Bộ trưởng bộ Công nghiệp Năng |
| 3 | | | 1.1.03 | | Quyết định số 5073/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/9/2005 về việc thành lập Trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa trên cơ sở Trường Trung học Kỹ thuật Tuy Hòa của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 4 | | | 1.1.04 | | Quyết định số 122/QĐ-LĐTBXH ngày 06/2/2018 về việc đổi tên Trường thành Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội |
| 5 | | | 1.1.05 | | Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung ban hành kèm theo Quyết định số 957/QĐ-CDCT ngày 30/6/2022 |
| 6 | | | 1.1.06 | | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường |
| 7 | | | 1.1.07 | | Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 ban hành kèm theo Quyết định số 959/QĐ-CDCT ngày 01/7/2022 |
| 8 | | | 1.1.08 | | Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2020-2025 |
| 9 | | | 1.1.09 | | Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2025-2030 |
| 10 | | | 1.1.10 | | Văn bản của địa phương/ngành để xác định nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực |

| | | | | | |
|----|---|---|--------|--------|--|
| 11 | | | 1.1.11 | | Mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng của trường, của các đơn vị năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 12 | | | 1.1.12 | | Các bài báo đăng bài về Trường; các tài liệu quảng bá, thông tin về Trường từ năm học 2022 - 2023 đến 2024 - 2025 |
| 13 | | | 1.1.13 | | Website của trường tại địa chỉ: http://mitc.edu.vn/gioi-thieu/su-mang-tam-nhin-va-cac-gia-tri.html |
| 14 | 1 | 2 | | 1.1.05 | Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung ban hành kèm theo Quyết định số 957/QĐ-CDCT ngày 30/6/2022 |
| 15 | | | | 1.2.01 | Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung ban hành kèm theo Quyết định số 922/QĐ-CDCT ngày 11/11/2024 |
| 16 | | | | 1.2.02 | Quy chế làm việc của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung ban hành kèm theo Quyết định số 328/QĐ-CDCT ngày 25/5/2021 và Quyết định số 1119/QĐ-CDCT ngày 25/12/2024 |
| 17 | | | | 1.1.07 | Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 ban hành kèm theo Quyết định số 959/QĐ-CDCT ngày 01/7/2022 |
| 18 | | | | 1.2.03 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 34/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 27/4/2018; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34a/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 30/10/2019; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34b/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 11/01/2021 |
| 19 | | | | 1.2.04 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 58/2021/GCNĐKBS-TCGDN ngày 23/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 58a/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 05/4/2023 |
| 20 | | | | 1.2.05 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 41/2023/GCNĐKBS-TCGDN ngày 12/6/2023; |

| | | | | | |
|----|---|---|--------|--------|--|
| | | | | | Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 41b/2023/GCNDKBS-TCGDNN ngày 26/4/2024 do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp |
| 21 | | | 1.2.06 | | Giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia số 06/BLĐT BXH-GCNHĐ ngày 09/7/2020 do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cấp |
| 22 | | | 1.2.07 | | Hội nghị viên chức, người lao động năm 2022, 2023, 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023, 2024, 2025 |
| 23 | | | 1.2.08 | | Báo cáo tổng kết năm học 2022 - 2023, 2023 – 2024, 2024 – 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024, 2024 – 2025, 2025- 2026 |
| 24 | | | 1.2.09 | | Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trực thuộc năm học 2022-2023 |
| 25 | | | 1.2.10 | | Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trực thuộc năm học 2023-2024 |
| 26 | | | 1.2.11 | | Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trực thuộc năm học 2024-2025 |
| 27 | 1 | 3 | 1.3.01 | | Quyết định số 290/QĐ-CĐCT ngày 03/05/2018 về việc ban hành Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung |
| 28 | | | 1.3.02 | | Quyết định số 2019/QĐ-CĐCT ngày 31/12/2022 về việc ban hành Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung |
| 29 | | | 1.3.04 | | Quyết định số 521/QĐ-CĐCN-QLCL&NCKH ngày 11/9/2017 Về việc ban hành chính sách chất lượng của Trường Cao đẳng Công Nghiệp Tuy Hòa giai đoạn 2017-2022 |
| 30 | | | 1.3.05 | | Quyết định ban hành chính sách chất lượng của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung |
| 31 | | | | 1.1.11 | Mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng của trường, của các đơn vị năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 32 | 1 | 4 | 1.4.01 | | Quyết định ban hành quy trình ISO |

| | | | | | |
|----|---|---|--------|--------|---|
| 33 | | | 1.4.02 | | Bộ quy trình và biểu mẫu http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015 |
| 34 | | | 1.4.03 | | Sổ tay chất lượng |
| 35 | | | | 1.3.04 | Quyết định ban hành chính sách chất lượng của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung |
| 36 | | | | 1.2.08 | Báo cáo tổng kết năm học 2022 - 2023, 2023 – 2024, 2024 – 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024, 2024 – 2025, 2025- 2026 |
| 37 | | | 1.4.04 | | Kế hoạch điều chỉnh quy trình ISO |
| 38 | | | | 1.4.01 | Quyết định ban hành quy trình ISO |
| 39 | | | | 1.4.02 | Bộ quy trình và biểu mẫu http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015 |
| 40 | | | 1.4.05 | | Hợp đồng cung cấp Phần mềm quản lý công việc Bitrix 24; http://e.mitc.edu.vn |
| 41 | 1 | 5 | 1.5.01 | | Quyết định số 3129/QĐ-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thành lập Hội đồng Trường và công nhận, bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Trường nhiệm kỳ 2020–2025 |
| 42 | | | 1.5.02 | | Quy chế làm việc của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 31/QĐ-HĐT ngày 13/9/2023 |
| 43 | | | 1.5.03 | | Nghị quyết Hội đồng trường hàng quý các năm 2023, 2024, 2025: số 21/NQ-HĐT ngày 06/4/2023, 29/NQ-HĐT ngày 29/8/2023, 39/NQ-HĐT ngày 19/01/2024, 46/NQ-HĐT ngày 05/4/2024, 52/NQ-HĐT ngày 17/6/2024, 60/NQ-HĐT ngày 28/10/2024, 73/NQ-HĐT ngày 19/8/2025 |
| 44 | | | 1.5.04 | | Quyết định thành lập Đảng bộ Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung: Quyết định đổi tên Đảng bộ Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa thành Đảng bộ Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung số 2038-QĐ/TU của Thành ủy Tuy Hòa, Quyết định thành lập các chi bộ trực thuộc kèm theo danh sách đảng viên: Quyết |

| | | | | |
|----|--|--|--------|--|
| | | | | định số 22-QĐ/ĐU ngày 28/9/2021 của Đảng ủy về việc sáp nhập chi bộ trực thuộc – Chi bộ Quản trị - Khoa học cơ bản; ... |
| 45 | | | 1.5.05 | Nghị quyết đảng ủy mở rộng hàng tháng các năm 2023, 2024, 2025 |
| 46 | | | 1.5.06 | Báo cáo tổng kết công tác đảng năm 2022, 2023, 2024 |
| 47 | | | 1.5.07 | Kết quả xếp loại Chi bộ, Đảng bộ năm 2022, 2023, 2024: Quyết định công nhận đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên số 42-QĐ/ĐU ngày 09/12/2022, 58-QĐ/ĐU ngày 22/12/2023, 71-QĐ/ĐU ngày 18/11/2024 |
| 48 | | | 1.5.08 | Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể lãnh đạo, cá nhân cán bộ do Thành ủy Tuy Hòa ban hành số: 304-TB/BTC ngày 06/01/2023, 435-TB/BTC ngày 16/01/2024, 537-TB/BTC ngày 24/12/2024 |
| 49 | | | 1.5.09 | Quyết định thành lập các hội đồng tư vấn |
| 50 | | | 1.5.10 | Quy chế hoạt động các hội đồng tư vấn |
| 51 | | | 1.5.11 | Quyết định thành lập các tổ chức xã hội đoàn thể |
| 52 | | | 1.5.12 | Điều lệ hoạt động của các tổ chức xã hội đoàn thể |
| 53 | | | 1.5.13 | Các kế hoạch hoạt động của Công đoàn trường năm 2023, 2024, 2025: Kế hoạch công tác công đoàn năm 2023 số 11/KH-CĐ ngày 10/5/2023, Kế hoạch hoạt động công đoàn năm 2024 số 132/KH-CĐ ngày 29/02/2024; Kế hoạch tổ chức tổng kết hoạt động công đoàn năm 2024 và triển khai kế hoạch hoạt động công đoàn năm 2025 số 269/KH-CĐ ngày 31/12/2024 |
| 54 | | | 1.5.14 | Các kế hoạch hoạt động của Đoàn thanh niên (hiển máu, từ thiện, thanh niên tình nguyện) năm 2023, 2024, 2025 |
| 55 | | | 1.5.15 | Báo cáo tổng kết của Công đoàn trường năm 2022, 2023, 2024 |
| 56 | | | 1.5.16 | Báo cáo tổng kết của Đoàn thanh niên năm |

| | | | | | |
|----|---|---|--------|--------|--|
| | | | | | 2022, 2023, 2024 |
| 57 | | | 1.5.17 | | Giấy khen, Bằng khen của Công đoàn trường năm 2023, 2024, 2025 |
| 58 | | | 1.5.18 | | Giấy khen, Bằng khen của Đoàn thanh niên năm 2023, 2024, 2025 |
| 59 | | | | 1.2.07 | Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị viên chức, người lao động năm 2022, 2023, 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023, 2024, 2025 |
| 60 | | | | 1.2.08 | Báo cáo tổng kết năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025- 2026 |
| 61 | | | 1.5.19 | | Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CĐCT ngày 14/4/2023, số 134a/KH-CĐCT ngày 20/8/2024, 95/KH-CĐCT ngày 11/6/2025 |
| 62 | | | 1.5.20 | | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CĐCT ngày 28/7/2023, 72a/BC-CĐCT ngày 25/9/2024, 37/BC-CĐCT ngày 15/7/2025, |
| 63 | | | 1.5.21 | | Danh sách VC-NLĐ khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 64 | | | 1.5.22 | | Bộ phiếu khảo sát |
| 65 | 2 | 1 | 2.1.01 | | Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng |
| 66 | | | | 1.2.03 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 34/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 27/4/2018; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34a/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 30/10/2019; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34b/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 11/01/2021 |
| 67 | | | | 1.2.04 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 58/2021/GCNĐKBS-TCGDN ngày 23/6/2021; |

| | | | | | |
|----|---|---|--------|--------|--|
| | | | | | Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 58a/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 05/4/2023 |
| 68 | | | | 1.2.05 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 41/2023/GCNĐKBS-TCGDN ngày 12/6/2023; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 41b/2023/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 26/4/2024 do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp |
| 69 | | | 2.1.02 | | Quy chế tuyển sinh hàng năm của nhà trường |
| 70 | | | 2.1.03 | | Kế hoạch tuyển sinh hàng năm của nhà trường |
| 71 | | | 2.1.04 | | Báo cáo kết quả tuyển sinh của nhà trường năm 2022, 2023, 2024 |
| 72 | | | 2.1.05 | | Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tuyển sinh năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 73 | | | 2.1.06 | | Danh sách các ngành, nghề đào tạo theo giấy phép hoạt động của trường năm học 2022-2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 |
| 74 | | | 2.1.07 | | Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2022 - 2025 |
| 75 | | | 2.1.08 | | Bộ các chương trình đào tạo từng ngành nghề (Cao đẳng, Trung cấp) |
| 76 | | | 2.1.09 | | Chuẩn đầu ra các ngành học giai đoạn 2022-2025 |
| 77 | 2 | 2 | 2.2.01 | | Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 78 | | | | 2.1.02 | Quy chế tuyển sinh hàng năm của nhà trường |
| 79 | | | | 2.1.03 | Kế hoạch tuyển sinh hàng năm của nhà trường |
| 80 | | | | 1.2.03 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 34/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 27/4/2018; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34a/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 30/10/2019; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34b/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 11/01/2021 |
| 81 | | | | 1.2.04 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 58/2021/GCNĐKBS-TCGDN ngày 23/6/2021; |

| | | | | | |
|----|---|---|--------|--------|---|
| | | | | | Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 58a/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 05/4/2023 |
| 82 | | | | 1.2.05 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 41/2023/GCNĐKBS-TCGDN ngày 12/6/2023; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 41b/2023/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 26/4/2024 do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp |
| 83 | | | 2.2.02 | | Thông báo tuyển sinh năm học 2022 -2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 84 | | | 2.2.03 | | Mẫu hồ sơ đăng ký học của HS các năm |
| 85 | | | 2.2.04 | | Quy trình tuyển sinh của Trường |
| 86 | | | 2.2.05 | | Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 87 | | | 2.2.06 | | Biên bản kiểm tra hồ sơ của Hội đồng tuyển sinh năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 88 | | | 2.2.07 | | Quyết định công nhận kết quả trúng tuyển và danh sách HS trúng tuyển từ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 89 | | | 2.2.08 | | Giấy báo nhập học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 90 | | | 2.2.09 | | Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 91 | | | 2.2.10 | | Quyết định thành lập lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 92 | | | | 2.1.05 | Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tuyển sinh năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 93 | | | 2.2.11 | | Các văn bản đề xuất cải tiến hoạt động tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025 |
| 94 | | | | 2.1.05 | Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tuyển sinh năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 95 | 2 | 3 | 2.3.01 | | Quy chế đào tạo tín chỉ trình độ trung cấp, cao đẳng |
| 96 | | | | 1.4.02 | Bộ quy trình và biểu mẫu http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong- |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|--|
| | | | | | iso-90012015.html |
| 97 | | | 2.3.02 | | Quyết định ban hành quy chế đào tạo liên thông giữa các trình độ trong GDNN |
| 98 | | | 2.3.03 | | Quyết định thành lập hội đồng tốt nghiệp hàng năm |
| 99 | | | 2.3.04 | | Biên bản họp xét tốt nghiệp của hội đồng tốt nghiệp hàng năm |
| 100 | | | 2.3.05 | | Quyết định công nhận tốt nghiệp hàng năm, Danh sách HSSV được công nhận tốt nghiệp hàng năm |
| 101 | | | 2.3.06 | | Hồ sơ quản lý cấp phát phôi, bằng, chứng chỉ - Lưu tại phòng QLĐT |
| 102 | | | | 2.3.01 | Quy chế đào tạo tín chỉ trình độ trung cấp, cao đẳng |
| 103 | | | | 2.2.10 | Quyết định thành lập lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 104 | | | 2.3.07 | | Biên bản phối hợp đào tạo từ cao đẳng lên đại học, sau đại học |
| 105 | | | 2.3.08 | | Hồ sơ đào tạo ngắn hạn |
| 106 | 2 | 4 | | 1.2.03 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 34/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 27/4/2018; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34a/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 30/10/2019; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34b/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 11/01/2021 |
| 107 | | | | 1.2.04 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 58/2021/GCNĐKBS-TCGDN ngày 23/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 58a/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 05/4/2023 |
| 108 | | | | 1.2.05 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 41/2023/GCNĐKBS-TCGDN ngày 12/6/2023; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 41b/2023/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 26/4/2024 do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp |
| 109 | | | | 2.1.07 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2022 - 2025 |
| 110 | | | | 2.1.08 | Bộ các chương trình đào tạo từng ngành nghề |

| | | | | |
|-----|--|--------|--------|--|
| | | | | (Cao đẳng, Trung cấp) |
| 111 | | 2.4.01 | | Kế hoạch xây dựng và thẩm định chuẩn đầu ra, biên bản họp thẩm định chuẩn đầu ra |
| 112 | | | 2.1.09 | Chuẩn đầu ra các ngành học giai đoạn 2022-2025 |
| 113 | | 2.4.02 | | Kế hoạch đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 114 | | 2.4.03 | | Thời khóa biểu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 115 | | 2.4.04 | | Đề cương giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 116 | | 2.4.05 | | Giáo án giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 117 | | 2.4.06 | | Giáo trình giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 118 | | 2.4.07 | | Sổ lên lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 119 | | 2.4.08 | | Hợp đồng đào tạo kép |
| 120 | | 2.4.09 | | Quyết định cử HSSV đi thực tập doanh nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025, |
| 121 | | 2.4.10 | | Quy trình đào tạo tại doanh nghiệp QT-ĐT-06 |
| 122 | | 2.4.11 | | Quyết định cử HSSV đi đào tạo tại doanh nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 123 | | 2.4.12 | | Sổ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 124 | | 2.4.13 | | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2022 - 2023 |
| 125 | | 2.4.14 | | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2022 - 2023 |
| 126 | | 2.4.15 | | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2023 - 2024 |
| 127 | | 2.4.16 | | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2023 - 2024 |
| 128 | | 2.4.17 | | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2024 - 2025 |
| 129 | | 2.4.18 | | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2024 - 2025 |
| 130 | | 2.4.19 | | Mẫu phiếu khảo sát HSSV |
| 131 | | 2.4.20 | | Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2022 - 2023 |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|--|
| 132 | | | 2.4.21 | | Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2022 - 2023 |
| 133 | | | 2.4.22 | | Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2023 - 2024 |
| 134 | | | 2.4.23 | | Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2023 - 2024 |
| 135 | | | 2.4.24 | | Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2024 - 2025 |
| 136 | | | 2.4.25 | | Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2024 - 2025 |
| 137 | | | 2.4.26 | | Mẫu phiếu khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp |
| 138 | 2 | 5 | | 2.1.07 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2022 - 2025 |
| 139 | | | | 2.1.08 | Bộ các chương trình đào tạo từng ngành nghề (Cao đẳng, Trung cấp) |
| 140 | | | | 2.4.01 | Kế hoạch xây dựng và thẩm định chuẩn đầu ra, biên bản họp thẩm định chuẩn đầu ra |
| 141 | | | | 2.4.09 | Chuẩn đầu ra các ngành học giai đoạn 2022-2025 |
| 142 | | | | 2.4.04 | Đề cương giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 143 | | | | 2.4.05 | Giáo án giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 144 | | | | 2.4.06 | Giáo trình giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 145 | | | | 2.4.07 | Sổ lên lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 146 | | | 2.5.01 | | Kế hoạch thực tập tốt nghiệp của từng lớp năm học 2022-2023 |
| 147 | | | 2.5.02 | | Kế hoạch thực tập tốt nghiệp của từng lớp năm học 2023-2024 |
| 148 | | | 2.5.03 | | Kế hoạch thực tập tốt nghiệp của từng lớp năm học 2024-2025 |
| 149 | | | 2.5.04 | | Quyết định cử HSSV đi thực tập tốt nghiệp năm học 2022-2023 |

| | | | | | |
|-----|--|--|--------|--------|---|
| 150 | | | 2.5.05 | | Quyết định cử HSSV đi thực tập tốt nghiệp năm học 2023-2024 |
| 151 | | | 2.5.06 | | Quyết định cử HSSV đi thực tập tốt nghiệp năm học 2024-2025 |
| 152 | | | 2.5.07 | | Danh sách học sinh thực tập tốt nghiệp năm học 2022-2023 |
| 153 | | | 2.5.08 | | Danh sách học sinh thực tập tốt nghiệp năm học 2023-2024 |
| 154 | | | 2.5.09 | | Danh sách học sinh thực tập tốt nghiệp năm học 2024-2025 |
| 155 | | | 2.5.10 | | Đề cương thực tập thực tập tốt nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 156 | | | | 2.4.10 | Quy trình đào tạo tại doanh nghiệp QT-ĐT-06 |
| 157 | | | | 2.4.11 | Quyết định cử HSSV đi đào tạo tại doanh nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 158 | | | | 2.4.12 | Sổ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 159 | | | 2.5.11 | | Các hình ảnh đi thực tập, thực tế năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 160 | | | 2.5.12 | | Biên bản ghi nhớ thỏa thuận hợp tác, hợp đồng hỗ trợ đào tạo giữa Trường và các doanh nghiệp |
| 161 | | | 2.5.13 | | Danh sách đơn vị sử dụng lao động tham gia đánh giá kết quả người học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 162 | | | 2.5.14 | | Phiếu đánh giá ý thức thực tập của HSSV năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 163 | | | 2.5.15 | | Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của doanh nghiệp |
| 164 | | | | 2.4.13 | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2022 - 2023 |
| 165 | | | | 2.4.14 | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2022 - 2023 |
| 166 | | | | 2.4.15 | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2023 - 2024 |
| 167 | | | | 2.4.16 | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2023 - 2024 |
| 168 | | | | 2.4.17 | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2024 - 2025 |
| 169 | | | | 2.4.18 | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2024 - 2025 |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|--|
| 170 | | | | 2.4.19 | Mẫu phiếu khảo sát HSSV |
| 171 | | | | 2.4.20 | Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2022 - 2023 |
| 172 | | | | 2.4.21 | Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2022 - 2023 |
| 173 | | | | 2.4.22 | Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2023 - 2024 |
| 174 | | | | 2.4.23 | Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2023 - 2024 |
| 175 | | | | 2.4.24 | Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2024 - 2025 |
| 176 | | | | 2.4.25 | Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2024 - 2025 |
| 177 | | | | 2.4.26 | Mẫu phiếu khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp |
| 178 | 2 | 6 | 2.6.01 | | Hợp đồng mua phần mềm quản lý hoạt động đào tạo, - Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng cung cấp phần mềm đào tạo |
| 179 | | | 2.6.02 | | Hướng dẫn quy trình sử dụng cổng thông tin điện tử của nhà trường |
| 180 | | | 2.6.03 | | Danh sách cấp địa chỉ mã truy cập phần mềm của GV, NV, HSSV của nhà trường, Giao diện quản lý các phân hệ trên SIM.Net |
| 181 | | | | 2.4.02 | Kế hoạch đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 182 | | | | 2.4.03 | Thời khóa biểu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 183 | | | | 2.4.04 | Đề cương giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 184 | | | | 2.4.05 | Giáo án giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 185 | | | | 2.4.06 | Giáo trình giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 186 | | | | 2.4.07 | Sổ lên lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|--|
| 187 | | | 2.6.04 | | Hợp đồng mua phần mềm Bitrix24, Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng cung cấp phần mềm Bitrix24 Hướng dẫn quy trình sử dụng Bitrix24, Hình ảnh giao diện Bitrix24 |
| 188 | | | 2.6.05 | | Hướng dẫn quy trình sử dụng Bitrix24, Hình ảnh giao diện Bitrix24 |
| 189 | 2 | 7 | 2.7.01 | | Kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2022, 2023, 2024, 2025 |
| 190 | | | 2.7.02 | | Kế hoạch dự giờ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 |
| 191 | | | 2.7.03 | | Thông báo dự giờ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 |
| 192 | | | 2.7.04 | | Biên bản dự giờ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 |
| 193 | | | 2.7.05 | | Thông báo kiểm tra hồ sơ giảng dạy năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 |
| 194 | | | 2.7.06 | | Báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 |
| 195 | | | 2.7.07 | | Kế hoạch tổ chức hội nghị tổng kết năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 |
| 196 | | | | 1.2.08 | Báo cáo tổng kết năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025- 2026 |
| 197 | | | 2.7.08 | | Các biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát |
| 198 | | | | 2.4.13 | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2022 - 2023 |
| 199 | | | | 2.4.14 | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2022 - 2023 |
| 200 | | | | 2.4.15 | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2023 - 2024 |
| 201 | | | | 2.4.16 | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2023 - 2024 |
| 202 | | | | 2.4.17 | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2024 - 2025 |
| 203 | | | | 2.4.18 | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2024 - 2025 |
| 204 | | | | 2.4.19 | Mẫu phiếu khảo sát HSSV |
| 205 | | | | 2.4.20 | Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|--|
| | | | | | năm học 2022 - 2023 |
| 206 | | | | 2.4.21 | Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2022 - 2023 |
| 207 | | | | 2.4.22 | Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2023 - 2024 |
| 208 | | | | 2.4.23 | Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2023 - 2024 |
| 209 | | | | 2.4.24 | Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2024 - 2025 |
| 210 | | | | 2.4.25 | Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2024 - 2025 |
| 211 | | | | 2.4.26 | Mẫu phiếu khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp |
| 212 | 2 | 8 | 2.8.01 | | Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học |
| 213 | | | 2.8.02 | | Lịch thi kết thúc môn học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 214 | | | 2.8.03 | | Hồ sơ bài thi, biên bản thi kết thúc môn học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 215 | | | 2.8.04 | | Quyết định ban hành Quy chế làm việc của hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật và xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với HSSV |
| 216 | | | 2.8.05 | | Biên bản họp xét kết quả rèn luyện năm học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 217 | | | 2.8.06 | | Quyết định công nhận kết quả rèn luyện năm học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 218 | | | 2.8.07 | | Kế hoạch rà soát, bổ sung các Quy định, Quy chế cần thiết lập tại trường năm 2024, 2025 (Khớp tên, đơn vị ban hành?) |
| 219 | | | 2.8.08 | | Báo cáo kết quả rà soát, bổ sung các Quy chế, Quy định cần thiết lập tại Trường năm 2024, 2025 (Đơn vị ban hành ?) |
| 220 | | | 2.8.09 | | Quy chế đào tạo, Quy chế đánh giá điểm rèn luyện |
| 221 | | | | 2.7.01 | Kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2022, 2023, 2024, 2025 |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|--|
| 222 | | | 2.8.10 | | Kế hoạch điều chỉnh quy trình ISO |
| 223 | | | | 1.4.01 | Quyết định ban hành quy trình ISO |
| 224 | | | | 1.4.02 | Bộ quy trình và biểu mẫu http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015 |
| 225 | | | | 1.5.19 | Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CĐCT ngày 14/4/2023; số 134a/KH-CĐCT ngày 20/8/2024; 95/KH-CĐCT ngày 11/6/2025 |
| 226 | | | | 1.5.20 | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CĐCT ngày 28/7/2023; 72a/BC-CĐCT ngày 25/9/2024; 37/BC-CĐCT ngày 15/7/2025 |
| 227 | | | | 1.5.21 | Danh sách VC-NLĐ khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 228 | | | | 1.5.22 | Bộ phiếu khảo sát |
| 229 | | | | 2.4.13 | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2022 - 2023 |
| 230 | | | | 2.4.14 | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2022 - 2023 |
| 231 | | | | 2.4.15 | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2023 - 2024 |
| 232 | | | | 2.4.16 | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2023 - 2024 |
| 233 | | | | 2.4.17 | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2024 - 2025 |
| 234 | | | | 2.4.18 | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2024 - 2025 |
| 235 | | | | 2.4.19 | Mẫu phiếu khảo sát HSSV |
| 236 | 3 | 1 | 3.1.01 | | Quy chế tổ chức xét tuyển viên chức và nội quy kỳ xét tuyển viên chức ban hành kèm theo Quyết định số 909/QĐ-CĐCT ngày 31/12/2020 |
| 237 | | | 3.1.02 | | Hồ sơ tuyển dụng năm 2023, 2024 |
| 238 | | | 3.1.03 | | Thông báo số 366/TB-CĐCT ngày 04/6/2021 của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung về chính sách hỗ trợ cho giảng viên trong thời gian tập sự; Thông báo số 2033/TB-CĐCT ngày 30/11/2023 của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung về chính sách hỗ trợ cho viên chức |

| | | | | | |
|-----|--|--|--------|--------|--|
| | | | | | trong thời gian tập sự; Thông báo số 150/TB-CĐCT ngày 30/9/2024 của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung về chính sách hỗ trợ cho viên chức trong thời gian tập sự |
| 239 | | | 3.1.04 | | Quyết định về việc chi hỗ trợ giảng viên trong thời gian tập sự: số 320/QĐ-CĐCT ngày 01/3/2023, 1534/QĐ-CĐCT ngày 29/9/2023, 1535/QĐ-CĐCT ngày 29/9/2023, 1536/QĐ-CĐCT ngày 29/9/2023, 1537/QĐ-CĐCT ngày 29/9/2023, 515/QĐ-CĐCT ngày 03/4/2023, 1029/QĐ-CĐCT ngày 06/12/2024, 398/QĐ-CĐCT ngày 27/5/2024, 1029/QĐ-CĐCT ngày 06/12/2024 |
| 240 | | | 3.1.05 | | Kế hoạch số 36-KH/ĐU ngày 14/02/2023 của Đảng ủy Trường về thực hiện công tác quy hoạch cán bộ; Kế hoạch số 51-KH/ĐU ngày 20/02/2024 của Đảng ủy Trường về thực hiện công tác quy hoạch cán bộ |
| 241 | | | 3.1.06 | | Hồ sơ quy hoạch cán bộ quản lý của trường năm 2023, 2024, 2025 |
| 242 | | | 3.1.07 | | Hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động và thi đua khen thưởng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025: số 987/HD-CĐCT ngày 22/6/2023, số 06/HD-CĐCT ngày 18/6/2024; số 05/HD-CĐCT ngày 24/6/2025 |
| 243 | | | 3.1.08 | | Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1182/TB-CĐCT ngày 28/7/2023, 92/TB-CĐCT ngày 05/7/2024, 76/TB-CĐCT ngày 24/7/2025 |
| 244 | | | 3.1.09 | | Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng từ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1193/QĐ-CĐCT ngày 31/7/2023, 576/QĐ-CĐCT ngày 24/7/2024, 437/QĐ-CĐCT ngày 24/7/2025 |
| 245 | | | | 1.1.05 | Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung ban hành kèm theo Quyết định số 957/QĐ-CĐCT ngày |

| | | | | | |
|-----|--|--|--------|--------|---|
| | | | | | 30/6/2022 |
| 246 | | | | 1.2.02 | Quy chế làm việc của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung ban hành kèm theo Quyết định số 328/QĐ-CDCT ngày 25/5/2021 và Quyết định số 1119/QĐ-CDCT ngày 25/12/2024 |
| 247 | | | 3.1.10 | | Quy định luân chuyển, điều động viên chức lãnh đạo, quản lý, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 545/QĐ-CDCT ngày 12/10/2021 |
| 248 | | | 3.1.11 | | Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm đối với viên chức lãnh đạo, quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 1018/QĐ-CDCT ngày 18/7/2022 |
| 249 | | | 3.1.12 | | Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với viên chức lãnh đạo, quản lý Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung ban hành kèm theo Quyết định số 204/QĐ-CDCT ngày 08/4/2025 |
| 250 | | | 3.1.13 | | Quy chế đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động và thi đua khen thưởng ban hành kèm theo các Quyết định: số 465/QĐ-CDCT ngày 24/3/2023; số 229/QĐ-CDCT ngày 23/4/2024; số 1102/QĐ-CDCT ngày 20/12/2024 |
| 251 | | | 3.1.14 | | Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo các Quyết định: số 1199/QĐ-CDCT ngày 01/8/2023, 852/QĐ-CDCT ngày 21/10/2024 |
| 252 | | | 3.1.15 | | Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ban hành kèm theo các Quyết định số 1660/QĐ-CDCT ngày 17/10/2023; 661/QĐ-CDCT ngày 29/8/2024, 641/QĐ-CDCT ngày 22/10/2025 |
| 253 | | | | 1.5.19 | Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CDCT ngày 14/4/2023; số 134a/KH-CDCT ngày 20/8/2024; 95/KH-CDCT ngày 11/6/2025; |
| 254 | | | | 1.5.20 | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người |

| | | | | | |
|-----|---|---|--|--------|---|
| | | | | | lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CĐCT ngày 28/7/2023; 72a/BC-CĐCT ngày 25/9/2024; 37/BC-CĐCT ngày 15/7/2025 |
| 255 | | | | 1.5.21 | Danh sách viên chức, người lao động khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 256 | | | | 1.5.22 | Bộ phiếu khảo sát viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 257 | 3 | 2 | | 3.2.01 | Danh sách viên chức được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương chức danh nghề nghiệp |
| 258 | | | | 3.2.02 | Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương số 513/QĐ-CĐCT, 516/QĐ-CĐCT, 518/QĐ-CĐCT, 520/QĐ-CĐCT ngày 03/4/2023 về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp |
| 259 | | | | 3.2.03 | Quyết định số 2024/QĐ-CĐCT ngày 29/11/2023 (ghi rõ tên QĐ) |
| 260 | | | | 3.2.04 | Quyết định số 946/QĐ-CĐCT ngày 19/11/2024; các quyết định số 395/QĐ-CĐCT, 396/QĐ-CĐCT, 397/QĐ-CĐCT ngày 27/5/2024 (ghi rõ tên QĐ) |
| 261 | | | | 3.2.05 | Danh sách cán bộ nghỉ hưu các năm |
| 262 | | | | 3.2.06 | Danh sách duyệt hồ sơ giải quyết chế độ ốm đau, thai sản các năm |
| 263 | | | | 3.2.07 | Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được hưởng chế độ chính sách theo quy định năm |
| 264 | | | | 3.1.07 | Hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động và thi đua khen thưởng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 987/HD-CĐCT ngày 22/6/2023, số 06/HD-CĐCT ngày 18/6/2024, số 05/HD-CĐCT ngày 24/6/2025 |
| 265 | | | | 3.1.08 | Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1182/TB-CĐCT ngày 28/7/2023, |

| | | | | |
|-----|--|--|--------|--|
| | | | | 92/TB-CĐCT ngày 05/7/2024, 76/TB-CĐCT ngày 24/7/2025 |
| 266 | | | 3.1.09 | Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng từ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1193/QĐ-CĐCT ngày 31/7/2023, 576/QĐ-CĐCT ngày 24/7/2024, 437/QĐ-CĐCT ngày 24/7/2025 |
| 267 | | | 3.2.08 | Biên bản họp đánh giá xếp loại của các đơn vị |
| 268 | | | 3.2.09 | Phiếu đánh giá xếp loại viên chức, người lao động |
| 269 | | | 1.2.07 | Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị viên chức, người lao động năm 2022, 2023, 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023, 2024, 2025 |
| 270 | | | 1.2.08 | Báo cáo tổng kết năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025- 2026 |
| 271 | | | 3.2.10 | Quy chế quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động ban hành kèm theo các Quyết định: số 823/QĐ-CĐCT ngày 08/6/2022; số 482/QĐ-CĐCT ngày 17/6/2024 |
| 272 | | | 3.2.11 | Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2022-2023 số 1277/KH-CĐCT ngày 31/8/2022, Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2023 - 2024 số 1340/KH-CĐCT ngày 25/8/2023, Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2024 - 2025 số 139/KH-CĐCT ngày 27/8/2024 |
| 273 | | | 3.2.12 | Quyết định cử nhà giáo tham gia bồi dưỡng kèm danh sách tham gia bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 274 | | | 3.2.13 | Văn bản, chứng chỉ, tư liệu về nhà giáo tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 |
| 275 | | | 1.5.19 | Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024- |

| | | | | |
|-----|---|---|--------|--|
| | | | | 2025: số 617/KH-CĐCT ngày 14/4/2023, số 134a/KH-CĐCT ngày 20/8/2024, 95/KH-CĐCT ngày 11/6/2025 |
| 276 | | | 1.5.20 | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CĐCT ngày 28/7/2023, 72a/BC-CĐCT ngày 25/9/2024, 37/BC-CĐCT ngày 15/7/2025 |
| 277 | | | 1.5.21 | Danh sách viên chức, người lao động khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 278 | | | 1.5.22 | Bộ phiếu khảo sát viên chức người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 279 | 3 | 3 | 3.3.01 | Quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của trường ban hành kèm theo Quyết định số 568/QĐ-CĐCT ngày 22/7/2024 (bổ sung các quyết định trước năm 2024) |
| 280 | | | 3.3.02 | Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo |
| 281 | | | 3.3.03 | Hồ sơ nhà giáo |
| 282 | | | 3.3.04 | Công văn triệu tập, Thông báo của đơn vị thực hiện bồi dưỡng cho nhà giáo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 283 | | | 3.2.12 | Quyết định cử nhà giáo tham gia bồi dưỡng kèm danh sách tham gia bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 284 | | | 3.2.13 | Văn bằng, chứng chỉ, tư liệu về nhà giáo tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025 |
| 285 | | | 3.3.05 | Báo cáo Hội nghị viên chức, người lao động năm 2022, 2023, 2024 |
| 286 | | | 1.2.08 | Báo cáo tổng kết năm học 2022 - 2023, 2023 – 2024, 2024 – 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024, 2024 – 2025, 2025- 2026 |
| 287 | | | 3.3.06 | Báo cáo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo năm học 2024-2025 (bổ sung các quyết định trước đó) |

| | | | | | |
|-----|--|--|--------|--------|---|
| 288 | | | | 2.4.02 | Kế hoạch đào tạo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 289 | | | 3.3.07 | | Tiến độ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 290 | | | | 2.4.03 | Thời khóa biểu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 291 | | | 3.3.08 | | Kế hoạch giáo viên năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 292 | | | | 2.4.07 | Sổ lên lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 293 | | | 3.3.09 | | Sổ tay nhà giáo năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 294 | | | 3.3.10 | | Báo cáo giờ giảng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 295 | | | 3.3.11 | | Bảng thanh toán lương, thanh toán vượt giờ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: Quyết định số 1173/QĐ-CDCT ngày 26/7/2023 của Hiệu trưởng về việc công nhận khối lượng thực hiện của nhà giáo năm học 2022-2023, Quyết định số 588/QĐ-CDCT ngày 31/7/2024 của Hiệu trưởng về việc công nhận khối lượng năm học 2023-2024, Quyết định số 456 /QĐ-CDCT ngày 01/8/2025 của Hiệu trưởng về việc đề nghị nghiệm thu khối lượng năm học 2024-2025 |
| 296 | | | 3.3.12 | | Bảng tính học sinh - sinh viên quy đổi năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 297 | | | 3.3.13 | | Bảng tính nhà giáo quy đổi năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 298 | | | | 1.5.19 | Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CDCT ngày 14/4/2023, số 134a/KH-CDCT ngày 20/8/2024, 95/KH-CDCT ngày 11/6/2025 |
| 299 | | | | 1.5.20 | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CDCT ngày 28/7/2023, 72a/BC-CDCT ngày 25/9/2024, 37/BC-CDCT |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|---|
| | | | | | ngày 15/7/2025 |
| 300 | | | | 1.5.21 | Danh sách viên chức người lao động khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 301 | | | | 1.5.22 | Bộ phiếu khảo sát viên chức người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 302 | 3 | 4 | | 2.4.03 | Thời khóa biểu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 303 | | | | 2.4.07 | Sổ lên lớp năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 |
| 304 | | | | 2.1.07 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2022 - 2025 |
| 305 | | | | 2.1.08 | Bộ các chương trình đào tạo từng ngành nghề (Cao đẳng, Trung cấp) |
| 306 | | | | 2.4.04 | Đề cương giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 307 | | | | 2.4.05 | Giáo án giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 308 | | | | 2.4.06 | Giáo trình giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 309 | | | | 2.8.09 | Quy chế đào tạo, Quy chế đánh giá điểm rèn luyện |
| 310 | | | | 2.8.02 | Lịch thi kết thúc môn học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 311 | | | | 2.7.06 | Báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 312 | | | 3.4.01 | | Kế hoạch hội giảng hàng năm |
| 313 | | | | 3.2.11 | Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hàng năm |
| 314 | | | | 2.7.02 | Kế hoạch dự giờ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 |
| 315 | | | | 2.7.03 | Thông báo dự giờ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 |
| 316 | | | | 2.7.04 | Biên bản dự giờ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 |
| 317 | | | | 1.2.08 | Báo cáo tổng kết năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 và phương hướng nhiệm vụ |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|---|
| | | | | | năm học 2023-2024, 2024 – 2025, 2025- 2026 |
| 318 | | | 3.4.02 | | Các kế hoạch ứng dụng công nghệ trong giảng dạy 2023 – 2024, 2024 – 2025 (?) |
| 319 | 3 | 5 | 3.5.01 | | Quy chế quản lý tài chính số 155/QĐ-CĐCT ngày 06/02/2023 (bổ sung quy chế trước đó) |
| 320 | | | 3.5.02 | | Quy chế chi tiêu nội bộ: số 168/QĐ-CĐCT ngày 08/02/2023; số 186/QĐ-CĐCT ngày 19/3/2024, số 784/QĐ-CĐCT ngày 08/10/2024; số 68/QĐ-CĐCT ngày 19/02/2025, số 336/QĐ-CĐCT ngày 04/6/2025 |
| 321 | | | 3.5.03 | | Bộ quy chế quản lý nội bộ của Nhà trường; Quyết định số 615/QĐ-CĐCT ngày 31/8/2018 về việc hỗ trợ cho viên chức có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3; Thông báo số 602/TB-CĐCT ngày 01/11/2019 về việc khen thưởng cho viên chức, người lao động đạt chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế; Thông báo số 32/TB-CĐCT ngày 17/01/2019 về việc hỗ trợ cho viên chức có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 |
| 322 | | | 3.5.04 | | Tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo của các đơn vị năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 323 | | | | 3.2.11 | Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nhà giáo: Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2022-2023 số 1277/KH-CĐCT ngày 31/8/2022, Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2023 - 2024 số 1340/KH-CĐCT ngày 25/8/2023; Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2024 - 2025 số 139/KH-CĐCT ngày 27/8/2024 |
| 324 | | | | 3.2.12 | Quyết định cử nhà giáo tham gia bồi dưỡng kèm danh sách tham gia bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 325 | | | 3.5.05 | | Biên bản kiểm tra, dự giờ của các đơn vị năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; Kế hoạch số 1410/KH-CĐCT ngày 27/9/2022 về tổ chức dự giờ và kiểm tra đột xuất hoạt động giảng |

| | | | | | |
|-----|--|--|--------|--------|---|
| | | | | | đạy năm học 2022-2023; Kế hoạch số 146/KH-CDCT ngày 12/9/2024 về đổi mới phương pháp dạy và học năm học 2024-2025; Kế hoạch số 129/KH-CDCT ngày 13/8/2024 về tổ chức dự giờ và đánh giá chất lượng tiết giảng năm học 2024-2025; Kế hoạch số 1740/KH-CDCT ngày 22/11/2022 về kiểm tra, đánh giá nội bộ hoạt động đào tạo giai đoạn 2019-2022; Kế hoạch số 90/KH-CDCT ngày 21/5/2024 về thanh kiểm tra nội bộ công tác đào tạo của trường (bổ sung các KH của năm học 2023-2024) |
| 326 | | | | 2.7.02 | Kế hoạch dự giờ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 |
| 327 | | | | 2.7.03 | Thông báo dự giờ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 |
| 328 | | | | 2.7.04 | Biên bản dự giờ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 |
| 329 | | | 3.5.06 | | Kế hoạch số 134/KH-CDCT ngày 03/02/2023 về tổ chức Hội giảng nhà giáo GDNN năm 2023; Kế hoạch số 132/KH-CDCT ngày 15/8/2024 về tham gia Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2024 |
| 330 | | | 3.5.07 | | Danh sách nhà giáo tham gia hội giảng các cấp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 331 | | | 3.5.08 | | Các Quyết định khen thưởng, Bằng khen, Giấy khen cá nhân đạt giải tại hội giảng các cấp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 332 | | | 3.5.09 | | Quyết định số 682/QĐ-CDCT ngày 26/4/2023 của Hiệu trưởng (ghi rõ QĐ) |
| 333 | | | 3.5.10 | | Quyết định số 928/QĐ-CDCT ngày 14/11/2024 của Hiệu trưởng (ghi rõ QĐ) |
| 334 | | | 3.5.11 | | Quyết định khen thưởng số 400/QĐ-CDCT ngày 30/6/2025 của Hiệu trưởng (ghi rõ QĐ) |
| 335 | | | | 1.2.07 | Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị viên chức, người lao động năm 2022, 2023, 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023, 2024, 2025 |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|--|
| 336 | | | | 1.2.08 | Báo cáo tổng kết năm học 2022 - 2023, 2023 – 2024, 2024 – 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024, 2024 – 2025, 2025- 2026 |
| 337 | | | 3.5.12 | | Báo cáo công tác phát triển bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên năm 2023 số 2015/BC-CĐCT ngày 27/11/2023; Báo cáo công tác phát triển bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên năm 2024 số 116/BC-CĐCT ngày 31/12/2024 (năm 2022 ?) |
| 338 | | | | 1.5.19 | Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CĐCT ngày 14/4/2023, số 134a/KH-CĐCT ngày 20/8/2024, 95/KH-CĐCT ngày 11/6/2025 |
| 339 | | | | 1.5.20 | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CĐCT ngày 28/7/2023, 72a/BC-CĐCT ngày 25/9/2024, 37/BC-CĐCT ngày 15/7/2025 |
| 340 | | | | 1.5.21 | Danh sách viên chức, người lao động khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 341 | | | | 1.5.22 | Bộ phiếu khảo sát viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 342 | 3 | 6 | | 3.1.14 | Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo các Quyết định: số 1199/QĐ-CĐCT ngày 01/8/2023, 852/QĐ-CĐCT ngày 21/10/2024 (QĐ năm 2022 hoặc trước đó?) |
| 343 | | | 3.6.01 | | Biên bản thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp http://mitc.edu.vn /category/trung-tam-dich-vu/doanh-nghiep |
| 344 | | | | 3.3.02 | Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo |
| 345 | | | 3.6.02 | | Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo của các chương trình đào tạo năm 2023, 2024, 2025 |
| 346 | | | 3.6.03 | | Kế hoạch đi thực tế tại đơn vị sử dụng lao động của nhà giáo năm 2023, 2024, 2025; |
| 347 | | | 3.6.04 | | Quyết định cử nhà giáo đi thực tế tại đơn vị sử |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|--|
| | | | | | dụng lao động năm 2023, 2024, 2025 |
| 348 | | | 3.6.05 | | Báo cáo của nhà giáo sau khi đi thực tế tại đơn vị sử dụng lao động năm 2023, 2024, 2025 |
| 349 | | | | 3.5.12 | Báo cáo công tác phát triển bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên năm 2023 số 2015/BC-CDCT ngày 27/11/2023 Báo cáo công tác phát triển bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên năm 2024 số 116/BC-CDCT ngày 31/12/2024 (BC năm 2022) |
| 350 | | | | 1.5.19 | Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CDCT ngày 14/4/2023, số 134a/KH-CDCT ngày 20/8/2024, 95/KH-CDCT ngày 11/6/2025 |
| 351 | | | | 1.5.20 | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CDCT ngày 28/7/2023, 72a/BC-CDCT ngày 25/9/2024, 37/BC-CDCT ngày 15/7/2025 |
| 352 | | | | 1.5.21 | Danh sách viên chức, người lao động khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 353 | | | | 1.5.22 | Bộ phiếu khảo sát viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 354 | 3 | 7 | | 1.1.05 | Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung ban hành kèm theo Quyết định số 957/QĐ-CDCT ngày 30/6/2022 |
| 355 | | | | 1.2.02 | Quy chế làm việc của Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung ban hành kèm theo Quyết định số 328/QĐ-CDCT ngày 25/5/2021 và Quyết định số 1119/QĐ-CDCT ngày 25/12/2024 |
| 356 | | | 3.7.01 | | Danh sách trích ngang, hồ sơ Ban Giám hiệu năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 357 | | | 3.7.02 | | Quyết định số 3168/QĐ-BCT ngày 16/8/2017 của Bộ Công Thương về việc bổ nhiệm ông Trần Kim Quyên giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa, Quyết định số 1555/QĐ-BCT ngày 03/8/2022 của Bộ Công |

| | | | | |
|-----|--|--|--------|---|
| | | | | Thương về việc bổ nhiệm lại Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung, Quyết định số 1269/QĐ-CĐCT ngày 04/4/2016 của Bộ Công Thương về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa đối với ông Nguyễn Văn Đức, Quyết định số 1627/QĐ-BCT ngày 25/6/2021 của Bộ Công Thương về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung đối với ông Nguyễn Văn Đức, Quyết định số 428/QĐ-CĐCT ngày 31/01/2018 của Bộ Công Thương về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa đối với bà Nguyễn Thị Kim Ngọc, Quyết định số 469/QĐ-CĐCT ngày 27/02/2023 của Bộ Công Thương về việc bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung, Quyết định số 1055/QĐ-CĐCT ngày 28/4/2023 của Bộ Công Thương về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung, Quyết định số 2046/QĐ-BCT ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao Quyền Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung |
| 358 | | | 3.7.03 | Quyết định phân công công tác đối với Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng: số 300/QĐ-CĐCT ngày 13/5/2021, 799/QĐ-CĐCT ngày 18/5/2023 |
| 359 | | | 3.7.04 | Nhận xét, đánh giá cán bộ của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng năm 2023, 2024 (năm 2022 ?) |
| 360 | | | 3.7.05 | Biên bản họp của BCH Đảng uỷ năm 2023, 2024, 2025 |
| 361 | | | 3.7.06 | Quyết định thi đua khen thưởng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 362 | | | 3.7.07 | Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng các cấp đối với các đồng chí trong BGH năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 363 | | | 3.7.08 | Quyết định số 3029/QĐ-BCT ngày 21/7/2016 |

| | | | | | |
|-----|--|--|--------|--------|--|
| | | | | | của Bộ Công Thương bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Tuy Hòa, Quyết định số 2496/QĐ-BCT ngày 09/11/2021 của Bộ Công Thương về việc bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng trường Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung |
| 364 | | | 3.7.09 | | Công văn số 3639/BCT-TCCB ngày 21/5/2025 của Bộ Công Thương về việc công tác cán bộ |
| 365 | | | 3.7.10 | | Quyết định số 311/QĐ-CDCT ngày 23/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung về việc giao Phụ trách kế toán |
| 366 | | | | 1.2.09 | Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trực thuộc năm học 2022-2023 |
| 367 | | | 3.7.11 | | Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng năm học 2022-2023 số 1193/QĐ-CDCT ngày 31/7/2023 |
| 368 | | | 3.7.12 | | Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động năm học 2023-2024 số 1182/TB-CDCT ngày 28/7/2023 |
| 369 | | | | 1.2.10 | Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trực thuộc năm học 2023-2024 |
| 370 | | | 3.7.13 | | Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng năm học 2023-2024 số 576/QĐ-CDCT ngày 24/7/2024 |
| 371 | | | 3.7.14 | | Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động năm học 2023-2024 số 92/TB-CDCT ngày 05/7/2024 |
| 372 | | | | 1.2.11 | Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trực thuộc năm học 2024-2025 |
| 373 | | | 3.7.15 | | Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng năm học 2024-2025 số 437/QĐ-CDCT ngày 24/7/2025 |
| 374 | | | 3.7.16 | | Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động năm học 2024-2025 số 76/TB-CDCT ngày 24/7/2025 |
| 375 | | | 3.7.17 | | Danh sách trích ngang của đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị học 2022-2023, 2023-2024, 2024- |

| | | | | | |
|-----|--|--|--------|--------|---|
| | | | | | 2025 |
| 376 | | | 3.7.18 | | Hồ sơ cán bộ của đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 377 | | | 3.7.19 | | Danh sách trích ngang đội ngũ viên chức, người lao động của trường năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 378 | | | 3.7.20 | | Hồ sơ đội ngũ viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 379 | | | 3.7.21 | | Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2022-2023 số 1277/KH-CĐCT ngày 31/8/2022 |
| 380 | | | 3.7.22 | | Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2023 - 2024 số 1340/KH-CĐCT ngày 25/8/2023 |
| 381 | | | 3.7.23 | | Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2024 - 2025 số 139/KH-CĐCT ngày 27/8/2024 |
| 382 | | | 3.7.24 | | Quyết định kèm danh sách cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của trường được cử đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 383 | | | 3.7.25 | | Văn bằng, chứng chỉ, báo cáo kết quả của cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được cử đi học tập, bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 384 | | | 3.7.26 | | Phiếu nhận xét, đánh giá cán bộ, viên chức và người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 385 | | | | 1.2.07 | Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị viên chức, người lao động năm 2022, 2023, 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023, 2024, 2025 |
| 386 | | | | 1.2.08 | Báo cáo tổng kết năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025- 2026 |
| 387 | | | | 1.2.09 | Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trực thuộc năm học 2022-2023 |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|--|
| 388 | | | | 1.2.10 | Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trực thuộc năm học 2023-2024 |
| 389 | | | | 1.2.11 | Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trực thuộc năm học 2024-2025 |
| 390 | | | | 3.5.12 | Báo cáo công tác phát triển bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên năm 2022, 2023, 2024 số 2015/BC-CĐCT ngày 27/11/2023; Báo cáo công tác phát triển bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên năm 2024 số 116/BC-CĐCT ngày 31/12/2024 (năm 2022?) |
| 391 | | | | 1.5.19 | Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CĐCT ngày 14/4/2023, số 134a/KH-CĐCT ngày 20/8/2024, 95/KH-CĐCT ngày 11/6/2025 |
| 392 | | | | 1.5.20 | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CĐCT ngày 28/7/2023, 72a/BC-CĐCT ngày 25/9/2024, 37/BC-CĐCT ngày 15/7/2025 |
| 393 | | | | 1.5.21 | Danh sách viên chức, người lao động khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 394 | | | | 1.5.22 | Bộ phiếu khảo sát viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 395 | 4 | 1 | 4.1.01 | | Quy trình ISO QT-ĐT-01 xây dựng chương trình đào tạo, Thông tư 01/2024/BLĐTBXH quy định quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo |
| 396 | | | | 1.2.03 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 34/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 27/4/2018; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34a/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 30/10/2019; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34b/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 11/01/2021 |
| 397 | | | | 1.2.04 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 58/2021/GCNĐKBS-TCGDN ngày 23/6/2021; |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|--|
| | | | | | Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 58a/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 05/4/2023 |
| 398 | | | | 1.2.05 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 41/2023/GCNĐKBS-TCGDN ngày 12/6/2023; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 41b/2023/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 26/4/2024 do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp |
| 399 | | | | 2.1.07 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2022 - 2025 |
| 400 | | | 4.1.02 | | Quyết định thành lập Ban biên soạn chương trình đào tạo các ngành nghề năm 2022 - 2025 |
| 401 | | | 4.1.03 | | Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo |
| 402 | | | 4.1.04 | | Biên bản họp của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo |
| 403 | | | 4.1.05 | | Kế hoạch cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo |
| 404 | 4 | 2 | | 1.2.03 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 34/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 27/4/2018; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34a/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 30/10/2019; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 34b/2018/GCNĐKBS-TCGDN ngày 11/01/2021 |
| 405 | | | | 1.2.04 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 58/2021/GCNĐKBS-TCGDN ngày 23/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 58a/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 05/4/2023 |
| 406 | | | | 1.2.05 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 41/2023/GCNĐKBS-TCGDN ngày 12/6/2023; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 41b/2023/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 26/4/2024 do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp |
| 407 | | | | 2.1.08 | Bộ các chương trình đào tạo từng ngành nghề (Cao đẳng, Trung cấp) |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|--|
| 408 | | | | 4.1.02 | Quyết định thành lập Ban biên soạn chương trình đào tạo các ngành nghề năm 2022 - 2025 |
| 409 | | | | 2.1.07 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2022 - 2025 |
| 410 | | | 4.2.01 | | Quy định về chuẩn đầu ra Tin học, Ngoại ngữ |
| 411 | | | 4.2.02 | | http://daotao.mitc.edu.vn |
| 412 | 4 | 3 | 4.3.01 | | Thông tư số 12/2017/TT-BLĐT BXH ngày 20/4/2017 về quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực cho trình độ trung cấp và cao đẳng và Thông tư số 04/2023/TT-BLĐT BXH ngày 15/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐT BXH |
| 413 | | | | 2.1.07 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2022 - 2025 |
| 414 | | | | 2.1.08 | Bộ các chương trình đào tạo từng ngành nghề (Cao đẳng, Trung cấp) |
| 415 | | | | 2.1.09 | Chuẩn đầu ra các ngành học giai đoạn 2022-2025 |
| 416 | | | | 4.2.02 | http://daotao.mitc.edu.vn |
| 417 | | | 4.3.02 | | Bảng đối sánh chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia Việt Nam |
| 418 | | | | 4.2.03 | Bộ hồ sơ thể hiện kết quả rà soát quy định về nội dung, tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát trong trường năm 2023 - 2024, 2024 – 2025 |
| 419 | 4 | 4 | | 4.1.05 | Kế hoạch cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo |
| 420 | | | | 4.1.02 | Quyết định thành lập Ban biên soạn chương trình đào tạo các ngành nghề năm 2022 - 2025 |
| 421 | | | | 4.1.03 | Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo |
| 422 | | | | 2.1.07 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2022 - 2025 |
| 423 | | | | 4.1.05 | Kế hoạch cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|---|
| 424 | | | | 2.1.07 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2022 - 2025 |
| 425 | | | | 3.2.11 | Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nhà giáo: Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2022-2023 số 1277/KH-CĐCT ngày 31/8/2022, Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2023 - 2024 số 1340/KH-CĐCT ngày 25/8/2023; Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức, người lao động năm học 2024 - 2025 số 139/KH-CĐCT ngày 27/8/2024 |
| 426 | | | | 3.2.12 | Quyết định cử nhà giáo tham gia bồi dưỡng kèm danh sách tham gia bồi dưỡng năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 427 | | | | 3.6.05 | Báo cáo của nhà giáo sau khi đi thực tế tại đơn vị sử dụng lao động năm 2023, 2024, 2025 |
| 428 | 4 | 5 | | 1.4.01 | Quyết định ban hành quy trình ISO |
| 429 | | | | 1.4.02 | Bộ quy trình và biểu mẫu http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015 |
| 430 | | | 4.5.01 | | Quy trình xây dựng chọn lựa thẩm định giáo trình giảng dạy |
| 431 | | | 4.5.02 | | Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn giáo trình |
| 432 | | | 4.5.03 | | Biên bản họp khoa chuyên môn về việc chỉnh sửa nội dung giáo trình |
| 433 | | | 4.5.04 | | Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu giáo trình |
| 434 | | | 4.5.05 | | Quyết định công nhận giáo trình giảng dạy |
| 435 | | | 4.5.06 | | Danh mục giáo trình giảng dạy áp dụng cho trình độ cao đẳng, trung cấp |
| 436 | 4 | 6 | | 4.5.02 | Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn giáo trình |
| 437 | | | | 4.5.03 | Biên bản họp khoa chuyên môn về việc chỉnh sửa nội dung giáo trình |
| 438 | | | | 4.5.04 | Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu giáo |

| | | | | | |
|-----|---|---|--|--------|--|
| | | | | | trình Quyết định công nhận giáo trình giảng dạy |
| 439 | | | | 4.5.06 | Danh mục giáo trình giảng dạy áp dụng cho trình độ cao đẳng, trung cấp |
| 440 | 4 | 7 | | 1.5.19 | Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CĐCT ngày 14/4/2023; số 134a/KH-CĐCT ngày 20/8/2024; 95/KH-CĐCT ngày 11/6/2025; |
| 441 | | | | 1.5.20 | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CĐCT ngày 28/7/2023; 72a/BC-CĐCT ngày 25/9/2024; 37/BC-CĐCT ngày 15/7/2025 |
| 442 | | | | 1.5.21 | Danh sách viên chức, người lao động khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 443 | | | | 1.5.22 | Bộ phiếu khảo sát viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 444 | | | | 2.4.20 | Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2022 - 2023 |
| 445 | | | | 2.4.21 | Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2022 - 2023 |
| 446 | | | | 2.4.22 | Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2023 - 2024 |
| 447 | | | | 2.4.23 | Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2023 - 2024 |
| 448 | | | | 2.4.24 | Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2024 - 2025 |
| 449 | | | | 2.4.25 | Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2024 - 2025 |
| 450 | | | | 2.4.26 | Mẫu phiếu khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp |
| 451 | | | | 4.5.02 | Quyết định thành lập ban chủ nhiệm biên soạn giáo trình |
| 452 | | | | 4.5.03 | Biên bản họp khoa chuyên môn về việc chỉnh sửa nội dung giáo trình; |
| 453 | | | | 4.5.04 | Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu giáo |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|--|
| | | | | | trình |
| 454 | | | | 4.5.05 | Quyết định công nhận giáo trình giảng dạy |
| 455 | 5 | 1 | 5.1.01 | | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất |
| 456 | | | 5.1.02 | | Quyết định số 5424/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 vv phê duyệt dự án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án: Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội |
| 457 | | | 5.1.03 | | Hồ sơ hoàn công Cơ sở 1 và Cơ sở 2 |
| 458 | | | 5.1.04 | | Bản vẽ các hạng mục công trình |
| 459 | | | 5.1.05 | | Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường tại cơ sở 1 và cơ sở 2 |
| 460 | | | 5.1.06 | | Bảng thống kê diện tích các hạng mục công trình; Bảng thống kê diện tích cây xanh |
| 461 | | | 5.1.07 | | Danh mục thiết bị theo từng nghề đào tạo |
| 462 | | | 5.1.08 | | Hồ sơ kiểm kê hàng năm 2023, 2024, 2025 |
| 463 | | | 5.1.09 | | Quyết định ban hành quy định quản lý và sử dụng tài sản tại Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung |
| 464 | | | 5.1.10 | | Báo cáo quyết toán mua sắm thiết bị, sửa chữa các hạng mục năm 2024(các năm khác?) |
| 465 | | | | 1.4.01 | Quyết định ban hành quy trình ISO |
| 466 | | | | 1.4.02 | Bộ quy trình và biểu mẫu http://mitc.edu.vn/quan-ly-cl-nckh/iso/he-thong-dam-bao-chat-luong-ben-trong-iso-9001:2015 |
| 467 | | | 5.1.11 | | Kế hoạch đối thoại giữa Hiệu trưởng với HSSV năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025 |
| 468 | | | 5.1.12 | | Báo cáo kết quả đối thoại giữa Hiệu trưởng với HSSV hàng năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024, 2024 - 2025 |
| 469 | | | | 2.4.13 | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2022 - 2023 |
| 470 | | | | 2.4.14 | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2022 - 2023 |
| 471 | | | | 2.4.15 | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2023 - 2024 |
| 472 | | | | 2.4.16 | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2023 - 2024 |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|--|
| 473 | | | | 2.4.17 | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2024 - 2025 |
| 474 | | | | 2.4.18 | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2024 - 2025 |
| 475 | | | | 2.4.19 | Mẫu phiếu khảo sát HSSV |
| 476 | 5 | 2 | | 5.1.01 | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất |
| 477 | | | | 5.1.02 | Quyết định số 5424/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 vv phê duyệt dự án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án: Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội |
| 478 | | | 5.2.01 | | Danh sách các xí nghiệp gần trường |
| 479 | | | 5.2.02 | | Ảnh chụp 02 cơ sở của trường từ Google Maps |
| 480 | | | 5.2.03 | | Danh mục bản vẽ quy hoạch tổng thể phát triển trường |
| 481 | | | 5.2.04 | | Hóa đơn tiền điện, nước |
| 482 | | | 5.2.05 | | Sơ đồ hệ thống cấp thoát nước 2 cơ sở của Trường |
| 483 | | | 5.2.06 | | Sơ đồ hệ thống điện toàn trường tại cơ sở 1 và 2 |
| 484 | | | | 5.1.06 | Bảng thống kê diện tích các hạng mục công trình; Bảng thống kê diện tích cây xanh |
| 485 | 5 | 3 | 5.3.01 | | Quyết định phê duyệt dự án, bản vẽ quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên trường |
| 486 | | | | 5.1.02 | Quyết định số 5424/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 vv phê duyệt dự án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án: Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội |
| 487 | | | 5.3.02 | | Bảng thống kê phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa phục vụ đào tạo |
| 488 | | | 5.3.03 | | Danh mục thiết bị tại các phòng học |
| 489 | | | 5.3.04 | | Bảng tổng hợp số giờ quản lý phòng học chuyên môn năm 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 490 | | | 5.3.05 | | Bảng nội quy phòng học |
| 491 | | | 5.3.06 | | Nội quy xưởng thực hành |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|---|
| 492 | | | 5.3.07 | | Quyết định về việc kiện toàn Ban chỉ đạo 5S và Xanh hóa |
| 493 | | | 5.3.08 | | Quyết định ban hành bộ tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý theo tiêu chuẩn 5S và xanh hóa |
| 494 | 5 | 4 | | 5.1.01 | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất |
| 495 | | | | 1.1.07 | Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 ban hành kèm theo Quyết định số 959/QĐ-CĐCT ngày 01/7/2022 |
| 496 | | | 5.4.01 | | Sử dụng vốn ODA của Chính phủ Pháp |
| 497 | | | 5.4.02 | | Hồ sơ bản vẽ chi tiết mặt bằng các tòa nhà |
| 498 | | | 5.4.03 | | Hợp đồng giữa Nhà trường và Công ty Bảo vệ |
| 499 | | | 5.4.04 | | Quyết Định phân loại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2023, 2024 |
| 500 | | | 5.4.05 | | Quyết Định V/v công nhận cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn an ninh, trật tự” năm 2024 |
| 501 | | | 5.4.06 | | QĐ số 1982/QĐ-CĐCT ngày 29/12/2022 ban hành quy chế HSSV |
| 502 | | | 5.4.07 | | Các biên bản kiểm tra của cơ quan quản lý PCCC năm 2023, 2024 |
| 503 | | | 5.4.08 | | Thông báo khám sức khỏe HSSV hàng năm 2023, 2024, 2025 |
| 504 | 5 | 5 | 5.5.01 | | Biên bản kiểm kê TSCĐ, CCDC năm 2022, 2023, 2024 |
| 505 | | | 5.5.02 | | Báo cáo kiểm kê TSCĐ năm 2022, 2023, 2024 |
| 506 | | | 5.5.03 | | Sổ theo dõi tài sản TSCĐ năm 2023, 2024, 2025 |
| 507 | | | 5.5.04 | | Quy trình Bảo trì bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị trường học QT-HC-04 |
| 508 | | | 5.5.05 | | Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị năm 2023, 2024, 2025 |
| 509 | | | 5.5.06 | | Tổng hợp chi phí sửa chữa lớn các công trình xây dựng năm 2024 (các năm khác ?) |
| 510 | 5 | 6 | 5.6.01 | | Quy định định mức vật tư thực hành cho các chương trình đào tạo |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|---|
| 511 | | | 5.6.02 | | Đề xuất vật tư thực hành cho HSSV từ năm 2023, 2024, 2025 |
| 512 | | | 5.6.03 | | Biên bản bàn giao, cấp phát vật tư hàng năm |
| 513 | | | 5.6.04 | | Hồ sơ quản lý vật tư thực hành của các khoa |
| 514 | | | 5.6.05 | | Danh mục vật tư tiêu hao hàng năm |
| 515 | | | | 5.5.02 | Báo cáo kiểm kê TSCĐ năm 2022, 2023, 2024 |
| 516 | 5 | 7 | 5.7.01 | | Danh sách nhân viên thư viện |
| 517 | | | 5.7.02 | | Nội quy thư viện |
| 518 | | | 5.7.03 | | Lịch phục vụ bạn đọc |
| 519 | | | 5.7.04 | | Sơ đồ bố trí thư viện |
| 520 | | | 5.7.05 | | Hợp đồng phần mềm thư viện |
| 521 | | | 5.7.06 | | Danh sách giáo trình điện tử |
| 522 | | | 5.7.07 | | Link truy cập thư viện điện tử: |
| 523 | 5 | 8 | 5.8.01 | | Danh mục tài liệu giáo trình tại thư viện |
| 524 | | | 5.8.02 | | Danh mục sách tài liệu tham khảo tại thư viện |
| 525 | | | | 5.7.06 | Danh mục giáo trình điện tử |
| 526 | | | | 5.7.07 | Link truy cập giáo trình điện tử: |
| 527 | | | 5.8.03 | | Kế hoạch hoạt động thư viện hàng năm |
| 528 | | | 5.8.04 | | Báo cáo kết quả hoạt động thư viện hàng năm |
| 529 | | | | 2.4.13 | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2022 - 2023 |
| 530 | | | | 2.4.14 | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2022 - 2023 |
| 531 | | | | 2.4.15 | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2023 - 2024 |
| 532 | | | | 2.4.16 | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2023 - 2024 |
| 533 | | | | 2.4.17 | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2024 - 2025 |
| 534 | | | | 2.4.18 | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2024 – 2025 |
| 535 | | | | 2.4.19 | Mẫu phiếu khảo sát HSSV |
| 536 | | | 5.8.05 | | Kế hoạch tổ chức hội nghị viên chức người lao động hàng năm |
| 537 | | | 5.8.06 | | Biên bản hội nghị cán bộ viên chức người lao động hàng năm |
| 538 | | | | 1.5.19 | Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao |

| | | | | |
|-----|---|---|--------|--|
| | | | | động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CĐCT ngày 14/4/2023; số 134a/KH-CĐCT ngày 20/8/2024; 95/KH-CĐCT ngày 11/6/2025; |
| 539 | | | 1.5.20 | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CĐCT ngày 28/7/2023; 72a/BC-CĐCT ngày 25/9/2024; 37/BC-CĐCT ngày 15/7/2025 |
| 540 | | | 1.5.21 | Danh sách viên chức, người lao động khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 541 | | | 1.5.22 | Bộ phiếu khảo sát viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 542 | 6 | 1 | 3.5.02 | Quy chế chi tiêu nội bộ: số 168/QĐ-CĐCT ngày 08/02/2023; số 186/QĐ-CĐCT ngày 19/3/2024, số 784/QĐ-CĐCT ngày 08/10/2024; số 68/QĐ-CĐCT ngày 19/02/2025, số 336/QĐ-CĐCT ngày 04/6/2025 |
| 543 | | | 2.8.04 | Quyết định ban hành Quy chế làm việc của hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật và xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với HSSV |
| 544 | | | 6.1.01 | Quyết định quy định quản lý hoạt động KH&CN |
| 545 | | | 6.1.02 | Quyết định khen thưởng VC-NLĐ có thành tích trong hoạt động KH&CN hàng năm |
| 546 | | | 6.1.03 | Quyết định hỗ trợ tiến sĩ có thành tích trong hoạt động KH&CN năm 2022, 2023 |
| 547 | | | 6.1.04 | Quyết định khen thưởng, công nhận HSSV tham gia các hoạt động KH&CN hàng năm |
| 548 | | | 6.1.05 | Quyết định phê duyệt đề tài và Hợp đồng KHCN |
| 549 | | | 6.1.06 | Hoạt động chuyển giao công nghệ trong năm học 2022-2023, 2023-2024 |
| 550 | 6 | 2 | 6.2.01 | Kế hoạch triển khai NCKH được thực hiện trong Mục tiêu chất lượng trường hàng năm |
| 551 | | | 6.2.02 | Phiếu đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm, cải tiến kỹ thuật hàng năm |
| 552 | | | 6.2.03 | Danh sách đề tài/sáng kiến nghiên cứu khoa học |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|--|
| | | | | | từ cấp trường trở lên hàng năm |
| 553 | | | 6.2.04 | | Hồ sơ thuyết minh đề tài/sáng kiến hàng năm (tách mã) |
| 554 | | | 6.2.05 | | Kết quả đánh giá đề tài các cấp hàng năm |
| 555 | | | | 6.1.02 | Quyết định khen thưởng VC-NLĐ có thành tích trong hoạt động KH&CN hàng năm |
| 556 | | | | 6.1.04 | Quyết định khen thưởng, công nhận HSSV tham gia các hoạt động KH&CN hàng năm |
| 557 | | | 6.2.06 | | Quyết định công nhận đề tài/sáng kiến hàng năm |
| 558 | | | 6.2.07 | | Quyết định nghiệm thu và bàn giao các đề tài vào áp dụng tại các phòng, khoa, trung tâm |
| 559 | 6 | 3 | 6.3.01 | | Phiếu kê khai khối lượng NCKH năm học 2022-2023 |
| 560 | | | 6.3.02 | | Tập san ấn phẩm KHCN số 28, 29 |
| 561 | | | 6.3.03 | | Phiếu kê khai khối lượng NCKH năm học 2023-2024 |
| 562 | | | 6.3.04 | | Tập san ấn phẩm KHCN số 30, 31, 32 |
| 563 | | | 6.3.05 | | Phiếu kê khai khối lượng NCKH năm học 2024-2025 |
| 564 | | | 6.3.06 | | Tập san ấn phẩm KHCN số 33, 34 |
| 565 | 6 | 4 | 6.4.01 | | Biên bản thỏa thuận hợp tác giữa Trường Cao đẳng Công thương miền Trung và các tổ chức quốc tế |
| 566 | | | 6.4.02 | | Bài báo/Hình ảnh Lễ ký kết hợp tác giữa MITC và Tổ chức Tình nguyện viên Quốc tế Úc (AVI) (Link: https://phuyen.baodaklak.vn/79/323559/mitc-ky-ket-hop-tac-voi-to-chuc-tinh-nguyen-vien-quoc-te-uc.html) |
| 567 | | | 6.4.03 | | Kế hoạch số 1509/KH-CDCT ngày 28/9/2023 về Tọa đàm với tình nguyện viên UNDP chủ đề Công dân toàn cầu |
| 568 | | | 6.4.04 | | Kế hoạch số 89/KH-CDCT ngày 17/5/2024 Chương trình trao đổi sinh viên quốc tế với TNV UNV 2024 |
| 569 | | | 6.4.05 | | Kế hoạch số 1200/KH-CDCT ngày 15/8/2022 |

| | | | | |
|-----|--|--|--------|--|
| | | | | Làm việc với đoàn chuyên gia KOICA |
| 570 | | | 6.4.06 | Kế hoạch 1857/KH-CDCT khảo sát nhu cầu hợp tác quốc tế |
| 571 | | | 6.4.07 | Kế hoạch số 990/KH-CDCT ngày 23/6/2023 Hội thảo quốc tế "Student Success in TVET" |
| 572 | | | 6.4.08 | Kế hoạch số 917/KH-CDCT ngày 14/6/2023 Tổ chức tập huấn sẵn sàng về hợp tác quốc tế |
| 573 | | | 6.4.09 | Kế hoạch số 1049/KH-CDCT ngày 22/7/2022 Tham dự hội thảo thông tin trực tuyến của AHK và GIZ |
| 574 | | | 6.4.10 | Công văn 287/CDCT-QLĐT về chuyên gia Đức (ghi rõ nội dung công văn) |
| 575 | | | 6.4.11 | Kế hoạch số 61/KH-CDCT ngày 12/3/2024 Chuỗi hội thảo quốc tế thúc đẩy đổi mới sáng tạo "TECH TRANSFORM" |
| 576 | | | 6.4.12 | Kế hoạch số 648/KH-CDCT ngày 20/4/2023 và Thông báo 469/TB-CDCT về Chương trình trao đổi sinh viên quốc tế với Cao đẳng Cộng đồng Umpqua |
| 577 | | | 6.4.13 | Quyết định số 770/QĐ-CDCT ngày 04/10/2024 về việc cử sinh viên tham gia Chương trình lưu chuyển giáo dục nghề nghiệp ASEAN – Hàn Quốc |
| 578 | | | 6.4.14 | Kế hoạch số 308/KH-CDCT ngày 08/3/2022 Tổ chức Hội thảo giới thiệu việc làm Nhật Bản và ký kết với AKANE |
| 579 | | | 6.4.15 | Quyết định 1621/QĐ-CDCT thành lập CLB Tiếng Anh MES |
| 580 | | | 6.4.16 | Kế hoạch 1613/KH-CDCT sinh hoạt CLB (ghi rõ tên KH) |
| 581 | | | 6.4.17 | Thông báo 27/TB-CDCT về học bổng tiếng Trung |
| 582 | | | 6.4.18 | Thư chúc mừng/Chứng nhận Giải thưởng WEPs Awards 2024 của UN Women và VCCI (File ảnh + https://nld.com.vn/mot-truong-cao-dang-o-mien-trung-doat-giai-quoc-te-ve-binh-dang-gioi- |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|---|
| | | | | | 19624103015594888.htm |
| 583 | 7 | 1 | 7.1.01 | | Sổ tay tuyển sinh, thiết kế sổ tay năm 2022, 2024, 2025 |
| 584 | | | 7.1.02 | | Thông báo tuyển sinh hàng năm |
| 585 | | | 7.1.03 | | Hình ảnh/Link thông tin trên Website và Cổng thông tin HSSV |
| 586 | | | 7.1.04 | | Trang Fanpage Facebook của trường và các bài viết tương tác, Mẫu tờ rơi, áp phích, standee tuyển sinh |
| 587 | | | | 2.8.09 | Quy chế đào tạo, Quy chế đánh giá điểm rèn luyện |
| 588 | | | 7.1.05 | | Kế hoạch tuần sinh hoạt Công dân HSSV đầu khóa từ năm 2023-2024 đến năm học 2025-2026 |
| 589 | | | | 5.4.06 | QĐ số 1982/QĐ-CDCT ngày 29/12/2022 ban hành quy chế HSSV |
| 590 | | | 7.1.06 | | Quyết định số 160/ QĐ-CDCT ngày 24/3/2025 ban hành nội quy khu nội trú và khung xử lý vi phạm nội quy khu nội trú |
| 591 | | | 7.1.07 | | Hình ảnh minh chứng ? |
| 592 | | | 7.1.08 | | Hồ sơ và danh sách thực hiện chế độ chính sách miễn, giảm học phí, chế độ trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên từ năm học 2022-2023 đến 2024-2025 |
| 593 | | | 7.1.09 | | Báo cáo tình hình thực hiện miễn, giảm học phí |
| 594 | | | | 4.2.02 | http://daotao.mitc.edu.vn/ |
| 595 | 7 | 2 | | 7.1.08 | Hồ sơ và danh sách thực hiện chế độ chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên từ năm học 2022 - 2023 đến 2024 - 2025 |
| 596 | | | | 7.1.09 | Báo cáo tình hình thực hiện miễn, giảm học phí |
| 597 | | | 7.2.01 | | Hồ sơ cấp học bổng vượt khó học giỏi, tiếp sức đến trường |
| 598 | | | | 7.1.05 | Kế hoạch tuần sinh hoạt Công dân HSSV đầu khóa từ năm 2023-2024 đến năm học 2025-2026 |
| 599 | | | | 5.4.06 | QĐ số 1982/QĐ-CDCT ngày 29/12/2022 ban |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|--|
| | | | | | hành quy chế HSSV |
| 600 | | | 7.2.02 | | Quyết định ban hành Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ |
| 601 | | | 7.2.03 | | Báo cáo thực hiện bình đẳng giới hàng năm |
| 602 | | | | 7.1.02 | Thông báo tuyển sinh hàng năm |
| 603 | | | 7.2.04 | | Quyết định công nhận điểm rèn luyện của học sinh, sinh viên hàng năm |
| 604 | 7 | 3 | | 3.5.02 | Quy chế chi tiêu nội bộ: số 168/QĐ-CĐCT ngày 08/02/2023; số 186/QĐ-CĐCT ngày 19/3/2024, số 784/QĐ-CĐCT ngày 08/10/2024; số 68/QĐ-CĐCT ngày 19/02/2025, số 336/QĐ-CĐCT ngày 04/6/2025 |
| 605 | | | 7.3.01 | | Quyết định ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV hệ chính quy |
| 606 | | | 7.3.02 | | Quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập hàng năm |
| 607 | | | | 5.4.06 | QĐ số 1982/QĐ-CĐCT ngày 29/12/2022 ban hành quy chế HSSV |
| 608 | | | 7.3.03 | | Quyết định khen thưởng cho HSSV hàng năm |
| 609 | | | 7.3.04 | | Quy định nghiên cứu khoa học của HSSV |
| 610 | | | 7.3.05 | | Quyết định cấp học bổng học sinh nghèo vượt khó từ năm 2022-2023 đến 2024-2025 |
| 611 | | | 7.3.06 | | Kế hoạch Chăm sóc người học |
| 612 | 7 | 4 | | 1.5.14 | Kế hoạch hoạt động của Đoàn thanh niên (hiến máu, từ thiện, thanh niên tình nguyện) năm 2023, 2024, 2025 |
| 613 | | | | 1.5.16 | Báo cáo tổng kết của Đoàn thanh niên năm 2022, 2023, 2024 |
| 614 | | | | 1.5.18 | Giấy khen, Bằng khen của Đoàn thanh niên năm 2023, 2024, 2025 |
| 615 | | | 7.4.01 | | Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân đoàn viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ |
| 616 | | | | 7.3.04 | Quy chế nghiên cứu khoa học HSSV |
| 617 | 7 | 5 | | 1.5.14 | Kế hoạch hoạt động của Đoàn thanh niên (hiến máu, từ thiện, thanh niên tình nguyện) năm |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|--|
| | | | | | 2023, 2024, 2025 |
| 618 | | | | 1.5.16 | Báo cáo tổng kết của Đoàn thanh niên năm 2022, 2023, 2024 |
| 619 | | | | 1.5.18 | Giấy khen, Bằng khen của Đoàn thanh niên năm 2023, 2024, 2025 |
| 620 | | | 7.5.01 | | Kế hoạch xây dựng đơn vị an toàn về An ninh-Trật tự hàng năm |
| 621 | | | 7.5.02 | | Báo cáo kết quả công tác ANTT và TT ATGT hàng năm |
| 622 | 8 | 1 | 8.1.01 | | Bảng tổng hợp tỷ lệ HSSV tốt nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 623 | | | 8.1.02 | | Bảng tổng hợp tỷ lệ HSSV bỏ học năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 624 | | | 8.1.03 | | Quyết định công nhận tốt nghiệp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 625 | | | 8.1.04 | | Quyết định xóa tên các năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 626 | | | | 2.2.10 | Quyết định thành lập lớp năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 627 | | | | 1.2.08 | Báo cáo tổng kết năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024, 2024 - 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025- 2026 |
| 628 | 8 | 2 | | 2.4.20 | Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2022 - 2023 |
| 629 | | | | 2.4.21 | Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2022 - 2023 |
| 630 | | | | 2.4.22 | Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2023 - 2024 |
| 631 | | | | 2.4.23 | Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2023 - 2024 |
| 632 | | | | 2.4.24 | Kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2024 - 2025 |
| 633 | | | | 2.4.25 | Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp năm học 2024 - 2025 |
| 634 | | | | 2.4.26 | Mẫu phiếu khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp |

| | | | | | |
|-----|---|---|--------|--------|--|
| | | | | | nghiệp |
| 635 | 8 | 3 | 8.3.01 | | Biên bản họp giao ban hàng tháng |
| 636 | | | | 5.8.05 | Kế hoạch tổ chức hội nghị viên chức người lao động hàng năm |
| 637 | | | | 5.8.06 | Biên bản hội nghị viên chức người lao động hàng năm |
| 638 | | | | 1.5.19 | Kế hoạch khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 617/KH-CĐCT ngày 14/4/2023; số 134a/KH-CĐCT ngày 20/8/2024; 95/KH-CĐCT ngày 11/6/2025; |
| 639 | | | | 1.5.20 | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025: số 1188/BC-CĐCT ngày 28/7/2023; 72a/BC-CĐCT ngày 25/9/2024; 37/BC-CĐCT ngày 15/7/2025 |
| 640 | | | | 1.5.21 | Danh sách viên chức, người lao động khảo sát năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 641 | | | | 1.5.22 | Bộ phiếu khảo sát viên chức, người lao động năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 |
| 642 | 8 | 4 | | 2.4.13 | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2022 - 2023 |
| 643 | | | | 2.4.14 | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2022 - 2023 |
| 644 | | | | 2.4.15 | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2023 - 2024 |
| 645 | | | | 2.4.16 | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2023 - 2024 |
| 646 | | | | 2.4.17 | Kế hoạch khảo sát HSSV năm học 2024 - 2025 |
| 647 | | | | 2.4.18 | Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm học 2024 - 2025 |
| 648 | | | | 2.4.19 | Mẫu phiếu khảo sát HSSV |
| 649 | 8 | 5 | 8.5.01 | | Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng nhà trường hàng năm |
| 650 | | | 8.5.02 | | Kế hoạch tự đánh giá hàng năm |
| 651 | | | 8.5.03 | | Báo cáo tự đánh giá chất lượng nhà trường hàng năm |
| 652 | | | 8.5.04 | | Báo cáo kết quả bảo đảm chất lượng hàng năm |
| 653 | 8 | 6 | 8.6.01 | | Kế hoạch số 420/KH-CĐCT ngày 16/3/2023 (ghi |

| | | | | | |
|-----|--|--|--------|--|---|
| | | | | | rõ nội dung KH) |
| 654 | | | 8.6.02 | | Kế hoạch số 74/KH-CDCT ngày 15/4/2024 (ghi rõ nội dung KH) |
| 655 | | | 8.6.03 | | Kế hoạch số 52/KH-CDCT ngày 31/3/2025 (ghi rõ nội dung KH) |
| 656 | | | 8.6.04 | | Bảng tổng hợp thông tin tuyển dụng theo từng quý |
| 657 | | | 8.6.05 | | Chương trình Talkshow “Tân HSSV- Hành trình xây tương lai”: Số 1858/KH-CDCT ngày 08/12/2022, số 1341/KH-CDCT ngày 25/8/2023 |
| 658 | | | 8.6.06 | | Chương trình hướng nghiệp, tuyển dụng: Số 1540/KH-CDCT ngày 19/10/2022, số 822/TB-CDCT ngày 23/5/2023, số 926/TB-CDCT ngày 15/6/2023, số 1682/KH-CDCT ngày 16/11/2022, số 976/TB-CDCT ngày 20/6/2023, số 620/KH-CDCT ngày 17/4/2023, số 62/TB-CDCT ngày 13/5/2023 |
| 659 | | | 8.6.07 | | Thông báo tuyển dụng ngày 23/10/2023, số 15/2023/CV-HT ngày 30/8/2023, số 20/CV-QT ngày 06/03/2024, số 04-06/24-CV-JC ngày 24/06/2024, 367/2025/TB/VPCL ngày 03/07/2025, 1507/2025/TBTD/HCNS ngày 15/07/2025, 66/TBTD-CT168 ngày 22/07/2025, 96/TB-BV ngày 24/09/2025, 15/TBTD-LLM18 ngày 30/09/2025, 186/TB-BVĐKPY ngày 22/12/2025, 01/TB-PM/2026 ngày 03/01/2026 và các thông báo tuyển dụng khác |
| 660 | | | 8.6.08 | | Kế hoạch số 988/KH-CDCT ngày 22/6/2023, 486/KH-TTĐVVL ngày 26/06/2025 |
| 661 | | | 8.6.09 | | Danh sách HSSV tốt nghiệp giới thiệu việc làm đến các doanh nghiệp |
| 662 | | | 8.6.10 | | Báo cáo tổng kết công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho HSSV từ năm học 2022-2023 đến năm học 2024 -2025 |
| 663 | | | 8.6.11 | | Kế hoạch số 728/KH-CDCT ngày 23/5/2022 về điều tra lần vết việc làm của HSSV tốt nghiệp năm 2022 |

| | | | | | |
|-----|--|--|--------|--|--|
| 664 | | | 8.6.12 | | Bảng tổng hợp danh sách việc làm của HSSV sau tốt nghiệp năm học 2022- 2023 |
| 665 | | | 8.6.13 | | Quyết định và danh sách công nhận tốt nghiệp cho HSSV năm học 2022- 2023 |
| 666 | | | 8.6.14 | | Báo cáo kết quả điều tra lần vết năm học 2022-2023 |
| 667 | | | 8.6.15 | | Kế hoạch số 744/KH-CDCT ngày 09/5/2023 về điều tra lần vết việc làm của HSSV tốt nghiệp năm 2023 |
| 668 | | | 8.6.16 | | Bảng tổng hợp danh sách việc làm của HSSV sau tốt nghiệp năm học 2023- 2024 |
| 669 | | | 8.6.17 | | Quyết định và danh sách công nhận tốt nghiệp cho HSSV năm học 2023- 2024 |
| 670 | | | 8.6.18 | | Báo cáo kết quả điều tra lần vết năm học 2023-2024 |
| 671 | | | 8.6.19 | | Kế hoạch số 744/KH-CDCT ngày 09/5/2025 về điều tra lần vết việc làm của HSSV tốt nghiệp năm 2024 |
| 672 | | | 8.6.20 | | Bảng tổng hợp danh sách việc làm của HSSV sau tốt nghiệp năm học 2024- 2025 |
| 673 | | | 8.6.21 | | Quyết định và danh sách công nhận tốt nghiệp cho HSSV năm học 2024- 2025 |
| 674 | | | 8.6.22 | | Báo cáo kết quả điều tra lần vết năm học 2024-2025 |